

TẠP CHÍ

SỐ 362

VĂN HÓA

P HẬT G I Á O

ISSN 2734-9128

ÂN ĐỨC
SỰ HIỆN DIỆN

Bước khởi đầu
CÔNG CUỘC VẬN ĐỘNG THỐNG NHẤT
PHẬT GIÁO VIỆT NAM
(Kỳ I)

Tâm an
vạn sự an



Tâm bình thế giới bình Tâm an vạn sự an



■ Lời Phật dạy



Tổng Biên tập **HT.TS. Thích Hải Ấn**

Phó Tổng Biên tập TT
kiêm Thư ký Tòa soạn **TT.TS. Thích Minh Nhẫn**

Phó Tổng Biên tập **TT. Thích Minh Hiền**
TT. Thích Phước Nghiêm

Trị sự Tòa soạn **ĐĐ. Thích Minh Ân**

Mỹ thuật & Thiết kế **Anna Huỳnh Trần**
Mai Phương Nam
Châu Quốc Hùng
Quách Minh Triết

Liên hệ Quảng cáo **ĐĐ. Thích Tuệ Tánh**
0944 020 802

Phòng Phát hành **ĐĐ. Thích Minh Thuận**
Liên hệ **0886 424 842**



Tòa soạn

294 Nam Kỳ Khởi Nghĩa,
Phường 8, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: (84-028) 38484 335 - 0938305930
Email: toasoanvhp@gmail.com
Website: www.tapchivanhoaphatgiao.vn

Tên tài khoản:

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
Số tài khoản: 0071001053555
Ngân hàng Vietcombank,
Chi nhánh TP.HCM

Giấy phép hoạt động báo chí của
Bộ Thông tin và Truyền thông
Số 1878/GP. BTTTT
Ghi bản & in tại Nhà in Hùng Khang
Q. Tân Phú, TP. HCM



TRONG SỐ NÀY

Kinh Biểu

CHỦ ĐỀ: TÂM AN VẠN SỰ AN

- 8 Ân đức sự hiện diện (HT. Thích Thiện Nhơn)
- 12 Đi chùa cầu nguyện - Một nét đẹp ngày đầu xuân (Minh Quang)
- 16 Tâm an vạn sự an - Tâm tịnh trú xứ trang nghiêm (ĐĐ. Thích Vạn Lợi)
- 22 Kinh Chánh tri kiến - nền tảng đạo đức Phật học (ĐĐ. Thích Thiện Đức)
- 30 Nhẹ bước Nẻo về (Chiếu Tâm)

HƯỚNG ĐẾN KỶ NIỆM 40 NĂM THÀNH LẬP GHPGVN:

- 34 Kỳ 1: Bước khởi đầu công cuộc vận động thống nhất Phật giáo Việt Nam (HT. Thích Huệ Thông)

PHẬT GIÁO VÀ THỜI ĐẠI:

- 40 Tinh thần bình đẳng trong Phật giáo (TT. Thích Phước Đạt)
- 44 Tìm hiểu một số đặc điểm hoàng pháp của Đức Phật (ĐĐ. Thích Chánh Thuận)
- 49 Giáo dục - Giá trị cốt lõi của Phật giáo (ĐĐ. Thích Nhuận Lạc)

PHẬT GIÁO - VĂN HÓA VÀ ĐỜI SỐNG:

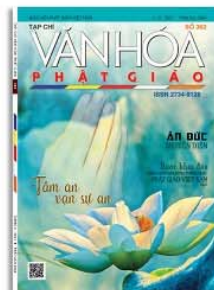
- 57 Dấu ấn Phật giáo trong truyền dân gian gắn với lễ hội Chòl Chnăm Thmây của người Khmer Nam bộ (Trâm Thanh Tuấn)
- 62 Du lịch tâm linh chùa Linh Ứng Bãi Bụt, Đà Nẵng (Đinh Đức Hiền)
- 67 Tín ngưỡng thờ cúng thành hoàng dưới triều Nguyễn (Ngọc Lâm)

PHẬT GIÁO - KHOA HỌC VÀ TRIẾT LÝ:

- 76 Nhận thức trực tiếp hay là nhận thức hiện lượng (TT. Thích Đức Trường)
- 84 Thiền học Sơ tổ Trúc Lâm trong công cuộc vận động xã hội Đại Việt (ĐĐ. Thích Minh Hiền)

TRI ÂN - GIỚI THIỆU HOẠT ĐỘNG PHẬT SỰ CỦA CÁC TỰ VIỆN:

Phương danh chư vị phát tâm cúng dường hùn phước để in ấn Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo số 362.
Tịnh xá Ngọc Phương - TP. HCM.
Chùa Thanh Lương, Chùa Sùng Hưng - Kiên Giang.
Tổ thiện nguyện Hoa Sen (Nhóm PT Chơn Không Không - Hà Nội) Ban VHTƯ' GHPGVN.
Trương Thị Viên - CTY TNHH Khánh Duy và CTY TNHH BiBaLy.



Thiết kế bìa: Minh Triết



THƯ TÒA SOẠN

Kính thưa quý độc giả!

Ấn phẩm Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo phát hành vào ngày 01/3/2021 (nhằm ngày 18 tháng Giêng năm Tân Sửu) mang chủ đề Tâm An Vạn Sự An với mong ước về một năm mới bình an cho toàn thể chúng sinh. Đây cũng là nguyện ước chung của tất cả những người con Phật gần xa, dù ở Việt Nam hay hải ngoại, bởi những khó khăn do dịch bệnh Covid-19 gây ra hầy còn đó.

Từ góc độ của Phật giáo, tâm an chỉ đạt được khi sáu căn được thanh tịnh. Giữ cho sáu căn thanh tịnh không chỉ là giải pháp điều hòa thân tâm mà còn là phương cách khiến mối quan hệ giữa người với người được tốt đẹp, giúp hóa giải muộn phiền, mâu thuẫn, đó chính là đạt đến vạn sự an vậy. Như Thiền sư Thích Nhất Hạnh đã nói: "Tĩnh lặng là điều cốt lõi. Chúng ta cần tĩnh lặng như chúng ta cần không khí, như cái cây cần ánh sáng mặt trời. Nếu tâm trí của chúng ta luôn chứa đầy những toan tính và lo lắng thì chúng ta chẳng thể tìm được một khoảng trống cho chính mình".

Cùng với chủ đề Tâm An Vạn Sự An, số báo 362 còn giới thiệu đến quý độc giả chuyên mục hướng đến kỷ niệm 40 năm thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam (1981-2021). Tòa soạn hy vọng thông qua công trình nghiên cứu sâu sắc của HT. Thích Huệ Thông, độc giả sẽ cảm nhận chặng đường 40 năm đầy nỗ lực của chư Tôn đức lãnh đạo các cấp Giáo hội cùng Tăng Ni, Phật tử và bao thế hệ người con Phật trong công cuộc xây dựng, bảo vệ và phát triển Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Bên cạnh đó, tòa soạn gửi đến bạn đọc gần xa các bài viết nghiên cứu vừa mang tính thời sự, vừa là dịp cáo thờm lần giở, như "Tĩnh thân bình đẳng trong Phật giáo", "Tìm hiểu một số đặc điểm hoàng pháp của Đức Phật và áp dụng những đặc điểm này trong công tác đào tạo giảng sư", các bài viết nghiên cứu sâu về triết lý Phật giáo như "Giáo dục - Giá trị cốt lõi của Phật giáo", "Kinh Chánh tri kiến - nền tảng đạo đức Phật học", "Nhận thức trực tiếp hay là nhận thức hiện lượng", cũng như các bài viết giới thiệu văn hóa, "Tin ngưỡng thờ cúng thành hoàng dưới triều Nguyễn", "Du lịch tâm linh chùa Linh Ứng Bãi Bụt, Đà Nẵng..."

Ban biên tập Tòa soạn Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo



HOẠT ĐỘNG PHẬT SỰ TIÊU BIỂU TRONG THÁNG



**BAN TRỊ SỰ GHPGVN TP.HCM
XÔNG ĐẤT VĂN PHÒNG VÀ HỘP MẶT
ĐẦU NĂM TÂN SỬU**



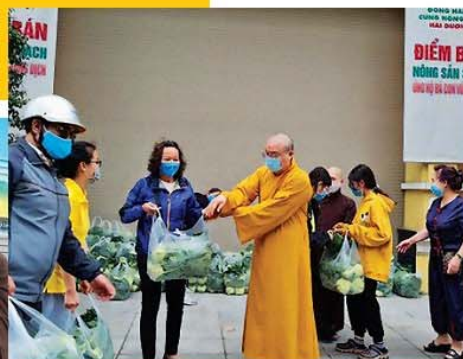
**HÒA THƯỢNG CHỦ TỊCH HĐTS THĂM VĂN PHÒNG, BAN BIÊN TẬP TẠP CHÍ
VĂN HÓA PHẬT GIÁO & PHẬT SỰ ONLINE ĐẦU XUÂN TÂN SỬU**

KHAI ĐÀN DƯỢC SỰ CẦU AN TẠI VIỆT NAM QUỐC TỰ TP.HCM





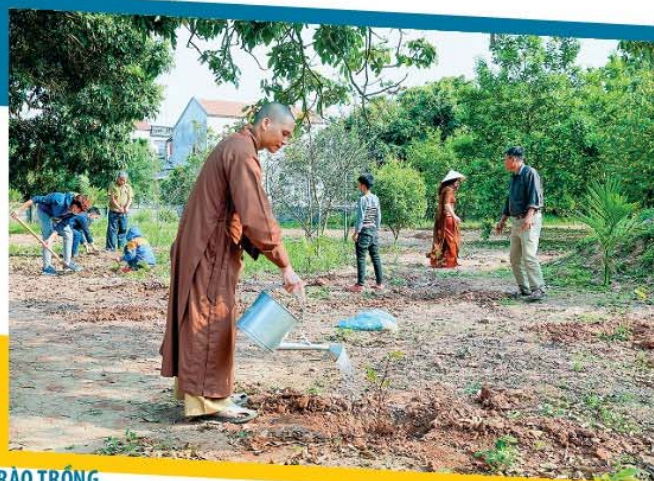
**BAN TRỊ SỰ GHPGVN HẢI DƯƠNG
CHUNG TAY GIẢI CỨU NÔNG SẢN
CHO NÔNG DÂN GẶP KHÓ KHĂN
TRONG TÌNH HÌNH DỊCH COVID-19**



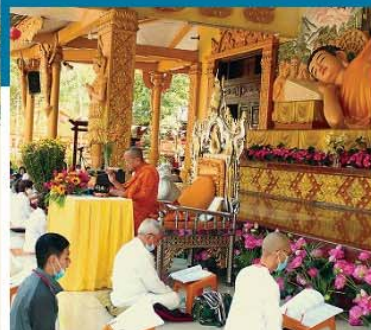
**TRUNG ƯƠNG GHPGVN HỖ TRỢ
TIÊU THỤ NÔNG SẢN CHO NÔNG DÂN
HẢI DƯƠNG**



**TỔ CHỨC TỪ THIỆN HỘ PHÁP MIỀN BẮC HƯỚNG ỨNG PHONG TRÀO TRỒNG
1 TỶ CÂY XANH**



**PHÁP HỘI TRÙNG TỤNG TAM TẠNG
PALI - VIỆT LẦN II TẠI THIỀN VIỆN
PHƯỚC SƠN (ĐỒNG NAI)**





trà xuân

Thích Pháp Trí

Hương xuân bên tách trà thiền
Trầm xông khói quện an yên cõi lòng
Ngồi nghe nhịp thở sắc không
Phút giây hiện tại dung đồng ngộ mê
Kinh thi đọc ngẫm lối về
Pháp thường lạc trú thật quê hương mình
Bồ đề hoa nở tánh linh
Chung trà thiền vị đạo tình là đây.

Phương thất, ngày mừng 07 Tết



chút hành trang

Thích Pháp Trí

Mỗi ngày góp chút hành trang
Niềm vui Phật pháp nhẹ an cõi lòng
Bên cửa đạo, lẽ sắc không
Chiếu soi ngũ uẩn dung thông sở hành
Niệm tâm, niệm cảnh, hồng danh
Niết bàn đương xứ, tịnh thanh chẳng cầu
Xuân thu dài ngắn bao lâu
Phút giây hiện tại ánh châu dựa kề.

Phương thất, ngày 13/TG Tân Sửu





Ảnh: Minh Triết

TÂM AN
vạn sự an



ÂN ĐỨC SỰ HIỆN DIỆN

HT. Thích Thiện Nhơn*

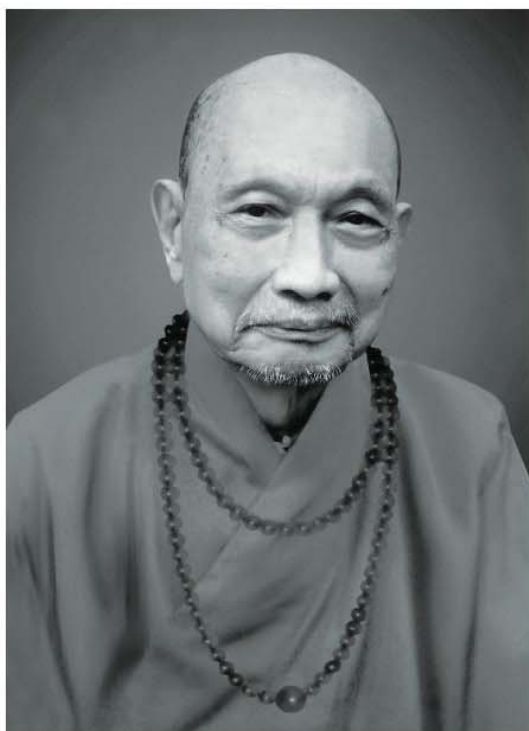
Từ ngày Phật giáo Việt Nam thống nhất cả nước, Giáo hội Phật giáo Việt Nam (GHPGVN) được thành lập (1981-2021) đến nay đã 40 năm, với 2 vị Pháp chủ đã lần lượt nhẹ gót về Tây. Đức đệ nhất Pháp chủ HT. Thích Đức Nhuận, Đức đệ nhị Pháp chủ HT. Thích Tâm Tịch, sự hiện diện của mỗi vị đã đóng một vai trò đặc biệt trong lịch sử phát triển của GHPGVN.



*“Xin cho tôi làm một hạt cát.
Để góp thành sa mạc của thế gian.
Xin cho tôi chấp cánh đại bàng.
Để tô điểm trần gian thêm tươi đẹp”*

Đức đệ nhất Pháp chủ HT. Thích Đức Nhuận đã xây dựng thành công ngôi nhà GHPGVN và lãnh đạo tối cao về Đạo pháp, làm long trọng, kỷ cương cho các sinh hoạt của Giáo hội và qui hướng cho Tăng Ni, Phật tử Việt Nam trong và ngoài nước. Hòa thượng tại vị hơn 2 nhiệm kỳ (1981-1993), thế rồi khi công tròn quả mãn, Ngài ra đi tự tại trong cõi đời hóa hóa sinh sinh, xem sinh tử là việc nhàn. Như Từ Minh Pháp sư đã nói: *“Sinh như thể đắp chăn Đông. Thác như cởi áo Hạ nồng khác chi. Xưa nay các pháp hữu vi. Không sao tránh khỏi hiệp ly vô thường. Một khi ngộ lý chân thường. Pháp thân hiển hiện mười phương chan hòa”*. Tuy Hòa thượng đã “quy Tây” nhưng công đức và đạo hạnh của Hòa thượng vẫn còn hiện hữu trong lòng người con Phật Việt Nam và trang sử vàng son của GHPGVN.

Kế thừa sự nghiệp cao cả của Đức đệ nhất Pháp chủ, Hòa thượng Thích Tâm Tịch đệ nhị Pháp chủ Giáo hội Phật giáo Việt Nam (1997-2005) là một sự hiện diện có ý nghĩa vô cùng quan trọng, tiếp tục duy trì và phát triển GHPGVN, liên kết cả hai nhiệm kỳ của thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI của nhân loại. Có thể thấy ân đức và sự hiện diện của Ngài vô cùng to lớn cho



Đức đệ nhị Pháp chủ HT. Thích Tâm Tịch

Phật giáo nước nhà. Từ năm 1981, Hòa thượng là thành viên của Đoàn đại biểu Hội Thống nhất Phật giáo Việt Nam tham dự Đại hội thống nhất Phật giáo Việt Nam và trở thành một thành viên Hội đồng Chứng minh Trung ương GHPGVN. Hòa thượng là một viên gạch kiên cố, góp phần xây dựng thành công ngôi nhà GHPGVN, dù chỉ là một cử chỉ nhỏ, một việc làm nhỏ, nhưng giá trị vô cùng lớn lao. Chính sự hiện diện của Hòa thượng đã góp phần cùng với chư Tôn đức lúc bấy giờ xây dựng ngôi nhà chung của Giáo hội trong tinh thần hòa hợp, đoàn kết, thống nhất ý chí, hành động và tổ chức. Từ đó, GHPGVN chấp cánh tung bay trong

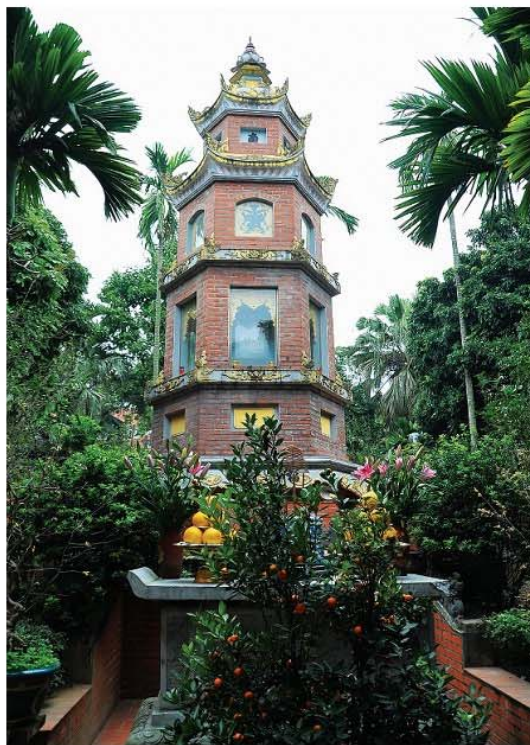
nền trời tự do và phát triển vững mạnh, trang nghiêm trong lòng dân tộc. Quả thật như người xưa đã nói:

*“Xin cho tôi làm một hạt cát.
Để góp thành sa mạc của thế gian.
Xin cho tôi chấp cánh đại bàng.
Để tô điểm trần gian thêm tươi đẹp”*

Năm 1984, Hòa thượng lại đảm nhiệm chức vụ Chánh Thư ký Hội đồng Chứng minh GHPGVN, thay cho cố Hòa thượng Thích Nguyên Sinh đã viên tịch. Ngài đã đảm nhận một trọng trách vô cùng lớn lao trong Ban Thường trực Hội đồng Chứng minh, lãnh đạo

“Giữ gìn Tổ ấn tông phong, Tốt đời Đẹp đạo giữa lòng nhân gian”

tối cao của Giáo hội về mặt Đạo pháp và Giới luật cho Tăng Ni, Phật tử Việt Nam. Đồng thời, Hòa thượng còn đảm nhiệm vai trò Chánh Trụ trì Tông lâm Quán Sứ, trụ sở Trung ương Giáo hội, kế thừa sự nghiệp của chư vị “Tiền bối hữu công” như: Tổ Thanh Hanh, Tổ Tuệ Tạng, Tổ Mật Ứng, Tổ Trung Hậu, Đại lão Hòa thượng Thích Tổ Liên, Đại lão Hòa thượng Thích Trí Hải, HT. Thích Trí Độ v.v... Ngài là Tông lâm thạch trụ, giữ vững môn phong, xứng danh con nhà họ Thích, xức sở ngàn năm văn vật, lịch sử hào hùng, địa linh nhân kiệt. Quả thật: “Giữ gìn Tổ ấn tông phong, tốt đời đẹp đạo giữa lòng nhân gian”.



Năm 1992, tại Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ III, Hòa thượng được suy tôn vào ngôi vị Phó Pháp chủ, Chánh Thư ký Hội đồng Chứng minh GHPGVN. Như thế không những Hòa thượng đã củng cố và tăng thêm phần “Đạo phong trác thể” đối với Phật giáo Việt Nam, Tăng Ni, Phật tử Việt Nam mà Ngài còn có thể hỗ trợ các Phật sự cao hơn, hữu hiệu hơn trong cương vị là người phụ tá Đức Đệ nhất Pháp chủ GHPGVN. Nói thế có nghĩa là: “Thâm tâm khẩn nguyện Phật Đà. Cầu cho Đạo pháp chan hòa muôn phương”.

Năm 1997, tại Đại hội đại biểu Phật giáo toàn quốc lần thứ IV, Hòa thượng được suy tôn lên ngôi vị

Pháp chủ. Bằng giới đức trang nghiêm thanh tịnh, Hòa thượng đã tỏa ngát hương lành trong Giáo hội, là bóng đại thụ che mát cho Tăng Ni, Phật tử GHPGVN trong và ngoài nước. Cũng từ đó, Hòa thượng đã in sâu sự hiện diện của mình trong tâm khảm người con Phật và trong mỗi tiến trình hoạt động Phật sự của GHPGVN, góp phần thành công rất lớn về mặt Đạo pháp và sinh lực của Giáo hội. Niềm tin của Tăng Ni, Phật tử càng được củng cố, khi hữu duyên bái kiến Hòa thượng, nhất là qua những đạo từ, thông điệp Phật đản, chúc xuân đầu năm và Thông tư, văn kiện về tình hình Giáo hội v.v. là những âm ba bất tuyệt, là

nguồn suối diệu hiền tắm mát mọi người để cùng tinh tấn, tiến lên trên lộ trình hoằng dương Chính pháp, lợi lạc quần sinh, tốt đời đẹp đạo. Thế nên: “Dù cho bể cạn non mòn. Bao lời huấn thị sắt son không mờ”.

Sự hiện diện của Hòa thượng đơn giản chỉ có thể thôi, nhưng ý nghĩa vô cùng quan trọng, vô cùng thâm thấu và chan hòa bất tận. Ngài không đi nhiều, không nói nhiều, không làm nhiều nhưng chu toàn tất cả. Vì sao? Vì như người xưa đã nói: “Bậc hiền nhân trí đức, chỉ cần nhìn qua cửa sổ, nhưng đã quán thông cả thiên hạ. Chỉ cần rào bước chốn liêu phòng, nhưng dấu ấn, âm ba chan hòa khắp cả mọi nơi”. Tại sao? Vì Hòa thượng đã đi bằng tâm, nói bằng tâm và hành động bằng tâm, nên tâm tâm giao hợp,



cảm thông và thâm nhuần ân đức hộ trì của Ngài, từ đó biết bao Phật sự của GHPGVN đều được thành tựu viên mãn: Tăng Ni, Phật tử GHPGVN trong và ngoài nước cảm thấy an lòng, vững dạ tinh tấn tu học, hành đạo và càng củng cố niềm tin Đạo pháp. Quả thật, như Cô đức nói: *“Duyên xưa biết mấy nhiều đàng. Bây giờ xem lại rõ ràng là đây”*.

Sự hiện diện của Hòa thượng trong liên phòng thanh vắng, tay lần tràng hạt, niệm Phật miên mật, thân tâm thanh tịnh, là một sức sống, niềm tin cho Tăng thân và Pháp thân đại chúng, hàng môn nhơn tử đệ và những ai có duyên bái kiến Hoà thượng nơi phương trượng Tông lâm Quán Sứ. Điều này có thể hiểu được là đồng nhất với tâm nguyện của Phổ Tịnh Đại sư: “Bao năm ngồi tịnh núi Đại Hùng. Ngắm nghĩ thân cùng Đạo chẳng cùng. Sáu chữ chuyên trì được thọ ký. Lưu truyền sáng tỏ cả tông phong”.

Chính từ sự hiện diện ấy của Hòa thượng đã đi vào lòng chư Tôn giáo phẩm đang công tác tại 2 Văn phòng Trung ương Giáo hội, cũng như những lúc Hòa thượng Pháp thể khiếm an, chư Tôn đức Ban Thường trực Hội đồng Trị sự vào bái kiến Hòa thượng tại phương trượng Tông lâm Quán Sứ, Bệnh viện Việt Đức v.v... Hòa thượng khuyên nên niệm Phật nhất tâm, giữ gìn thiện căn công đức để tô bồi Đạo pháp, vững bước trên đường hành đạo và mãi hiện diện trong Chánh pháp, với Pháp thân bất diệt của người Tu. Những lời khuyên đơn giản, trầm tĩnh của Hòa thượng là những chất liệu quý để thâm thấu, nuôi dưỡng Giới thân Huệ mạng

của đại chúng không những đời này mà cho đến vô lượng đời sau cho đến khi giải thoát hoàn toàn. Nhất là tinh tiến hơn nữa trên lộ trình phụng sự Đạo pháp, phục vụ Giáo hội và chúng sinh, như Tổ Quy Sơn đã dạy: “Nguyện bách kiếp thiên sanh đồng vi Pháp tử”.

Thế rồi, thời gian cứ trôi qua, khi duyên đã mãn, hạnh nguyện đã tròn Hòa thượng đã thuận thể vô thường vào lúc 14h30 ngày 26 tháng Giêng năm Ất Dậu (nhằm ngày 6/3/2005). Tuy đã ra đi về cõi bất sanh bất diệt, nhưng sự hiện diện của Ngài trong thế giới Niết bàn lại là ý nghĩa vĩnh cửu thường hằng. Với pháp thân vô biên, pháp giới vô tận, Hòa thượng sẽ hiện diện muôn nơi, trong tất cả và siêu việt tất cả. Quả thật:

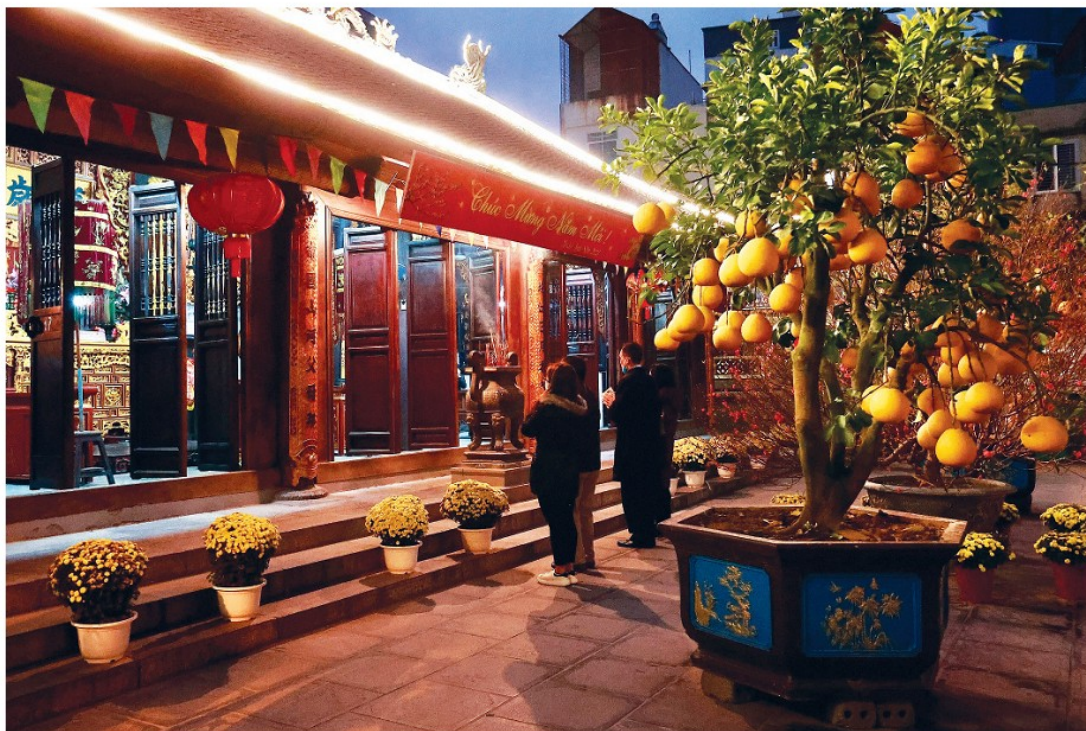
*“Dù cho Hòa thượng đi xa.
Quê hương vẫn giữ bao la bóng Ngài.
Pháp thân lòng lộng hiển bày.
Bồ Đề chốn Tổ hương bay ngút ngàn”*.

* HT. Thích Thiện Nhơn - Chủ tịch HĐTS GHPGVN.

Tài liệu tham khảo:

- Kỷ yếu Đại hội Phật giáo Toàn quốc kỳ 1 đến kỳ 5 (1981-2012).
- Kỷ yếu Tang lễ Đức Đệ nhị Pháp chủ (2005). NXBTG
- Kỷ yếu Hội thảo kỷ niệm 1.000 năm Thăng Long Hà Nội (THPG TP. Hà Nội, xuất bản 2010).
- Kỷ yếu Hội thảo Kỷ niệm 30 năm thành lập GHPGVN (VP TUGH xuất bản năm 2011).
- Văn kiện báo cáo Tổng kết hoạt động Phật sự nhiệm kỳ VIII (2017-2022).

* Ảnh: Võ Văn Tường.



Đi chùa cầu nguyện

MỘT NÉT ĐẸP NGÀY ĐẦU XUÂN

Minh Quang

Một năm khởi đầu từ mùa xuân. Đời người khởi đầu từ suy nghĩ. Một người sẽ luôn có cả khu vườn mùa xuân nở rộ nếu như tâm từ ái và hạnh lành luôn được nuôi dưỡng và phát triển. Nói như ông J. Krishnamurti, một trong những nhà tư tưởng lỗi lạc nhất của thời đại: “Bạn là thế nào, thì thế giới là thế đó. Vấn đề của bạn cũng là vấn đề của thế giới, bởi vì thế giới là sự phóng chiếu của bản thân chúng ta” cũng như tư tưởng Lăng Nghiêm kinh “Tâm bình thế giới bình, tâm an vạn sự an”.

Điều này có nghĩa thế giới bên ngoài diễn ra trong cuộc đời chúng ta, chính là sự phản chiếu hình ảnh từ thế giới bên trong chúng ta. Hình ảnh đó tạo nên bởi suy nghĩ, tư duy và tâm thức. Hiểu được ý nghĩa sâu sắc này, chúng ta có thể thấu hiểu giá trị tuyệt vời trong các nghi thức cầu nguyện nói chung và cầu an nói riêng trong sinh hoạt những ngày đầu năm của Phật giáo, cũng như phổ biến trong tập tục, sinh hoạt đời sống tinh thần của cộng đồng dân cư, thể hiện khát vọng tốt đẹp của mỗi con người. Đó không chỉ là môi trường thuận lợi để nuôi dưỡng và phát triển tâm hồn từ bi, trí huệ, tâm thiết tha hướng đến tha nhân, cùng nhau thiết lập nên thế giới hòa bình, an lạc, dồi dào và phát triển mà còn là sự thực hành đầy hiểu biết và trí tuệ của con người.



Âm lịch có từ nhà Hạ và lấy 12 địa chi đặt tên cho 12 tháng. Tháng Giêng là tháng Dần được chọn làm tháng đầu năm để người ta ăn Tết. Tết Nguyên đán bắt đầu vào tháng Dần. Một sự lựa chọn rất tuyệt diệu của người xưa, vì lúc đó thời tiết lạnh của mùa Đông vừa hết, nguyên Xuân ấm áp, khí hậu thanh thoát, hoa lá đua tươi, nó hòa nhập vào tâm hồn con người và làm con người như tan biến đi tất cả những gì cực nhọc, buồn phiền sau một năm làm việc vất vả.

Truyền thống đi chùa lễ Phật, cầu nguyện trong ngày đầu xuân là một nét đẹp tâm linh trong đời sống của người Việt Nam từ bao đời. Lễ Phật đầu xuân, ta như cảm nhận một thế giới bình yên từ vật thể bên ngoài đến ý thức bên trong. Lời nguyện cầu an lành thanh thoát, nụ cười an lạc qua hình ảnh của Đức Phật Di Lặc, một cảnh mai nhỏ nhắn, đơn sơ thanh tịnh của ngài Mãn Giác: *“Chớ bảo xuân tàn hoa rụng hết, đêm qua sân trước một cành mai”*... Tất cả như cho ta một cảm giác an lạc của tâm hồn. Một niềm ao ước khát vọng của dân tộc ta đó là sự hạnh phúc và an vui. Và có lẽ Phật giáo là tôn giáo sớm nhất hòa nhập vào sự khát vọng mang tính nhân bản này.

Từ lâu, hình ảnh đến chùa lễ Phật hái lộc đầu năm đã trở thành

truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam. Dù chỉ mang được một chút lộc nhỏ của chùa trong ngày đầu năm về nhà thì đây vẫn được xem là điều an lành của gia quyến, *“một miếng nhà chùa hơn cả vừa dưới bếp”*. Những quan niệm, những hình thức trên là cả một quá trình chuyển đổi của tâm thức để vươn tới niềm tin cho chính con người. Con người tin họ sẽ trở thành người tốt, tin họ có thể trút bỏ những gì bất chánh... Niềm tin đó được thông qua hình ảnh thanh thoát mà nhà chùa đã đem lại cho họ qua lời cầu nguyện của ngày đầu xuân.

Luận bàn sự vận hành của cuộc sống trong mối tương quan mật thiết với suy nghĩ, quả thật là ngôn từ không thể nào diễn tả tất cả được, mà điều này cần được trải nghiệm qua thực hành. Đức Phật nói: *“Nhất thiết duy tâm tạo”*. Nói về góc độ này, chúng ta càng cảm thấy tự hào và thần phục với dòng tư tưởng giác ngộ mà Đức Phật đã chỉ ra từ hàng ngàn năm trước. Khi chiêm nghiệm sâu sắc tư tưởng của Đức Phật, chúng ta đi vào đời sống trí tuệ của nhân loại qua hàng vạn quyển sách, hàng trăm tư tưởng lớn. Tất cả đều cùng chung một quan điểm muốn thay đổi thế giới bên ngoài thì phải thay đổi suy nghĩ, cái vốn dĩ kiến tạo thế giới bên trong của mỗi người.



Cũng trên cơ sở này, trong đời sống ở Việt Nam và các quốc gia khác nhau trên thế giới, không ít những người luôn thực tập và hướng đến thay đổi tâm thức, kiến tạo lại thế giới bên trong để thay đổi tương lai. Thay đổi suy nghĩ của một con người để họ đạt đến kết quả tốt đẹp từ vật chất hữu hình đến vô hình và tâm thức, đó là công cuộc cách mạng trong tư tưởng. Vì vậy, có nhiều người đã được yêu mến và hâm mộ nhờ giúp đỡ người khác lý giải đúng đắn mối liên hệ mật thiết và vô cùng sâu sắc giữa suy nghĩ, tư duy bên trong để kiến tạo thế giới bên ngoài. Những kiến thức này được vận dụng mang lại lợi ích lớn lao. Khi chúng ta thâm nhập vào đời sống để thể nghiệm và

nghiên cứu, tất cả những gì đang diễn ra, chính là sự vận dụng tư tưởng, giáo lý và lời dạy của Đức Phật đã có từ hàng ngàn năm. Nên không ngoa để nói rằng, tất cả những quan điểm này đều nằm trong những tư tưởng Đức Phật đã chỉ ra từ lúc Ngài còn tại thế.

Chúng ta thấy rằng, cầu nguyện, bái sám là một trong những hình thức gắn liền với các phương pháp thực hành và tu tập của đạo Phật. Việc làm này có ý nghĩa sâu sắc về cả thân và tâm. Bởi vì, khi cầu nguyện, một người sẽ đánh thức được dòng suy nghĩ tích cực, thiện lành, để cầu cho quốc thái dân an, gia đình hạnh phúc và thịnh vượng. Ngay giây phút này, tâm thức của người cầu nguyện là

hết sức tập trung, trang nghiêm và thành thật. Chính giây phút tĩnh lặng với niềm tin thành khẩn đó là môi trường lý tưởng để tâm thức khắc ghi hình ảnh từ thế giới bên trong và phản chiếu nó ra thế giới bên ngoài. Chính điều suy nghĩ tốt đẹp bên trong này sẽ là nguồn năng lượng tốt lành kết nối với các nguồn lực vũ trụ, thông qua một “Luật Hấp dẫn” như có người đã ví von.

Cho nên, truyền thống cầu an vào ngày đầu năm mới trong nghi lễ của Phật giáo và trong tín ngưỡng tâm linh của người Việt Nam mang ý nghĩa đạo đức, nhân văn và là một nét đẹp không thể thiếu trong đời sống tâm linh. Một người cầu an thì có ý nghĩa kiến tạo thế giới xung quanh một người; nhiều người cùng gửi một suy nghĩ thánh thiện vào lời nguyện cầu sẽ tạo sức mạnh chiều cảm lan tỏa vũ trụ. Đây quả là một sự thực hành đầy trí tuệ và mang ý nghĩa thiện lành trong sinh hoạt truyền thống của Phật giáo. Trong truyền thống nghi lễ của Phật giáo, sau giờ đón giao thừa sẽ là thời khóa tụng cầu an. Và đúng ngày mùng 1 đầu năm có lễ vía Đức Phật Di Lặc. Sau đó, các chùa lập Đàn Dược Sư để cầu chư tai tiêu diệt. Theo truyền thống Phật giáo Bắc Tông, Đức Phật Di Lặc là Đức Phật thị hiện trong tương lai “*Đương lai hạ sanh Di Lặc Tôn Phật*”.

Vậy tại sao Đức Phật Di Lặc tương lai chưa ra đời mà vào ngày mùng 1 tháng Giêng hàng năm lại là ngày vía Phật Di Lặc? Và





tại sao Đức Phật Di Lặc tương lai chưa ra đời mà hình tượng Ngài với nụ cười hoan hỷ, an lạc bên cạnh 6 em bé nô đùa xung quanh đã được người đời miêu tả và tạc tượng để thường xuyên chiêm bái và cầu nguyện? Thiết nghĩ, Đức Phật Di Lặc đã thực sự hiện hữu và tồn tại trong đời sống thực như là một Đức Phật của tương lai, chứ không phải là một Đức Phật trong tương lai mới thị hiện. Vì Đức Phật Di Lặc tượng trưng cho sự an lành, giác ngộ trong cuộc đời khi lục căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) tiếp xúc với lục trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp) mà không đắm nhiễm, không bị chi phối. Đó là sự chiến thắng bản thân để giác ngộ lẽ sống an nhiên tự tại, chân thật nhất trong kiếp này. Đức Phật Di Lặc là hiện thân Đức Phật sẽ thành trong mỗi người ở tương lai. Đó là niềm mong ước, khát khao mà mỗi người hướng đến. Và Đức

Phật Di Lặc hiện hữu trong đời sống với những nghi thức chính thống và trang trọng, chính là khát vọng sâu xa của ý nghĩa “thế giới do tâm tạo”.

Đây chính là điều tuyệt vời và vi diệu thâm sâu trong đời sống của Phật giáo. Nếu không có sự thấu hiểu đủ đây mà chỉ với cái nhìn vào hiện tượng có thể dẫn đến chấp niệm, khó thấy được bản chất và ý nghĩa tốt đẹp của lòng thành tâm khi cầu nguyện và khát vọng về niềm an vui bất tận trong mỗi một con người, trở thành khát vọng của cả cộng đồng, cả dân tộc cho hòa bình, thịnh vượng của thế giới trong các nghi lễ sinh hoạt truyền thống của Phật giáo!

Người Việt ta có một tín ngưỡng và cũng là thú vui đó là đi chùa cầu lộc đầu xuân. Khi đi chùa mọi người điều trang điểm rất tươi

tất, tao nhã, gương mặt vui tươi thanh thoát để hòa quyện vào không khí trang nghiêm của giây phút cầu nguyện an lành trong ngày đầu năm. Một sự bất gặp giữa tư tưởng đạo Phật với tín ngưỡng nhân gian trong ngày đầu xuân, đó là nụ cười Di Lặc một thế giới cười thì nhân loại dứt khoát sẽ thoát khỏi cảnh đau thương. Và như vậy mùa xuân sẽ tràn ngập muôn phương. Nụ cười Di Lặc là nụ cười của tương lai. Đầu xuân ta cầu nguyện cho mọi người luôn hướng tới cái thiện ở cuộc sống ngày mai. Xuân đến tôi cùng các bạn chúng ta hãy vui cười, cười cho đến mãi cuộc đời. Chúng ta hãy vui xuân trong ý niệm trọn lành và mùa xuân sẽ mãi mãi nơi ta trong nụ cười bất diệt.

Hãy cùng nhau cầu nguyện đại dịch sớm được tiêu trừ, chúng sinh an lạc.



TÂM AN VẠN SỰ AN

TÂM TỊNH TRÚ XỨ TRANG NGHIỆM

ĐĐ. Thích Vạn Lợi*



Giữa thế giới bất an, lòng người vô định, biết đi đâu về đâu cho hết một cuộc đời! Ta sẽ sống một kiếp người với sự luân hồi của trạng thái tâm hồn đau khổ, vui buồn, được mất, ưu sầu, hay còn có lối thoát nào cho kiếp sau? Có cách nào khác để tâm chúng sinh an trụ mà vun bồi hạnh phúc hay không? Đây là những câu hỏi không dễ gì tìm được lời giải đáp. May thay, giáo pháp của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã cho chúng ta một phương hướng để thực hành theo, để từ đó tự thân mỗi người và cộng đồng cùng xây dựng niềm an lạc, bởi có an cư mới lạc nghiệp, tâm an vạn sự sẽ an. Trong bài viết này, để giới thiệu lộ trình phát nguyện của hành giả tu tập từ một con người bình thường đến thành Phật, đạt được tâm an tuyệt đối, người viết sẽ đưa ra ba nội dung:



1. Vì để tâm an vạn sự an nên chư Bồ tát phát nguyện thành lập cõi tịnh độ;
2. Để cho chúng sinh được an tâm tu học là ý nghĩa chân chính của việc tịnh hóa cõi Phật;
3. Muốn tâm an để vạn sự an là sự nghiệp phấn đấu chung của chư Phật Bồ tát và mọi người.

VÌ ĐỂ TÂM AN VẠN SỰ AN NÊN CHƯ' BỒ TÁT PHÁT NGUYỆN THÀNH LẬP CÖI TỊNH ĐỘ

Hành giả Phật giáo Đại thừa có niềm tin vững chắc vào quan niệm chúng sinh có khả năng thành Phật, nếu biết quán chiếu các pháp duyên khởi, ngộ nhập lý không rốt ráo; rồi từ nền tảng

đó phát tâm Đại bi, thực hành Lục Ba la mật, đồng thời nguyện độ tất cả chúng sinh, sẽ chứng được Phật đạo. Khi còn phàm phu, những hành giả phát tâm Bồ tát, mong cầu thành Phật, hóa độ chúng sinh, đã không tiếc thân mệnh, tinh tấn dùng mãnh trong vô lượng kiếp, mà học tập tinh hoa của cõi tịnh độ khắp mười phương. Những hành giả này kiến tạo cho cõi Phật rộng lớn vô biên của chính mình, cũng là để làm nơi chốn yên ổn cho chúng sinh có thể cùng an tâm quyết chí tu hành thành Phật. Đây là một sự chuyển biến vượt thời đại của Phật giáo, mang lại ý nghĩa vô cùng to lớn cho nhân loại ngày nay, cũng như trong tương lai.

Cụ thể như các kinh: *Phóng Quang bát nhã kinh* quyển 3 phẩm *Vấn Tăng Na* [1], *Bất thoái chuyển pháp luân kinh* quyển 2 phẩm *Thanh văn Bích Chi Phật* cũng ghi: “Bồ tát lấy bốn hồng thệ nguyện để tiếp độ tất cả chúng sinh” [2] *Phẩm Nhập bất tư nghĩ giải thoát cảnh giới Phổ Hiền hạnh nguyện* trong *Hoa nghiêm kinh* quyển 40 nêu ra mười đại nguyện của Bồ tát Phổ Hiền [3]. *Phẩm Hư Không Tạng Bồ tát* trong *Đại phương đẳng đại tập kinh* quyển 17, nói rõ hai mươi đại thệ trang nghiêm của Bồ tát [4].

Những dẫn chứng từ kinh điển trên đây đều là Bồ tát

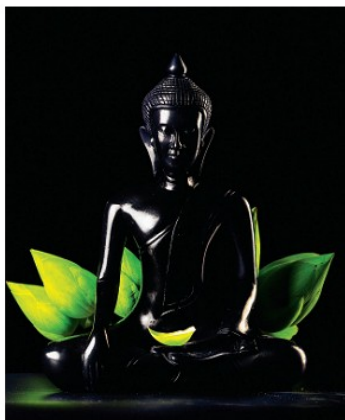
khi mới tự phát tâm, phát đại thế nguyện, tu sáu pháp Ba la mật, nguyện độ thoát tất cả chúng sinh, rồi sau đó, các Ngài căn cứ theo thế nguyện này của mình để thực hành theo. Tức là Bồ tát hi sinh không tiếc thân mệnh để đạt được chí nguyện, nguyện sinh vào đời ác năm trước, dùng mãnh vô cùng, tinh tấn tu tập, như dùng sĩ mặc áo giáp, uy dũng xông pha nơi chiến trận giống nhau không khác. Điều này thể hiện tinh thần tu tập mạnh mẽ của thời kì đầu Phật giáo Đại thừa, cũng là kết tinh của đại thế nguyện trang nghiêm, phát nguyện thực hiện thanh tịnh cõi Phật, để làm nơi đáng sống và tu học của chúng sinh. Đặc biệt, Bồ tát độ khắp chúng sinh không giới hạn số lượng... Bồ tát phải hoàn thiện viên mãn Sáu Ba la mật và dạy cho người khác hoàn thiện viên mãn Sáu Ba la mật [5].

Mục đích chủ yếu của việc thanh tịnh cõi Phật, làm nơi an tịnh cho chúng sinh hướng về, là do ban đầu hành giả Bồ tát nhìn thấy những điều tiêu cực trong thực tế cuộc đời, lòng người hiểm ác, tham sân si rầy rầy, thiên tai bão lụt, dịch bệnh... Nên các Ngài mong muốn làm thanh tịnh thế giới, cải thiện những khiếm khuyết, vận động, cải cách xã hội để làm tăng lên hạnh phúc cho nhân loại.

Bồ tát cũng thành Phật ở cõi nước đó, dần xây dựng cõi Phật lý tưởng, hoàn mỹ hơn, cuối cùng vượt trội hoàn toàn so với cõi Ta bà, trở thành cõi Tịnh độ thanh tịnh, trang nghiêm. Bởi thế giới của chúng ta có đầy đủ năm điều ô trược, là chỗ sống chung của các loài khác nhau, ngoại đạo,

kẻ xấu,... lại còn dịch bệnh, đói khát, tranh giành; đất đai ở đây thì đồi núi trập trùng, cỏ cây gai góc um tùm; rất nhiều ô uế, chẳng có chỗ nào trang nghiêm và an lạc; tuổi thọ của con người ngắn ngủi. Từ đó thấy rõ thế giới này là vô thường, không có tính trường cửu vĩnh hằng. Cõi này có nhiều khiếm khuyết như thế, nên Bồ tát lập chí nguyện kiên cố, kiến tạo cõi Phật lý tưởng.

Bồ tát phát tâm trong “Đạo hành bát nhã kinh”: Bồ tát phát nguyện kiến tạo cõi nước Phật thanh tịnh có được nói đến ở một số kinh thuộc hệ “Bát nhã” Đại thừa. Trong đó, các điều



nguyện được ghi ở phẩm *Ưu bà di đất kiệt* thuộc *Đạo hành Bát nhã kinh* quyển 6 [6], có thể được xem là xuất hiện vào thời kỳ sớm nhất. Hiện tại trước hết liệt kê năm điều Bồ tát phát nguyện xây dựng cõi nước Phật như sau:

1. Không có loài cầm thú;
2. Nhẫn nhục không sân hại;
3. Có nước tám công đức;
4. Lương thực đầy đủ;
5. Không có dịch bệnh.

Ngoài ra, ngài Chi Khiêm dịch trong phẩm *Hằng kiệt thanh tín nữ* trong *Đại minh độ kinh*

[7]; Ngài La Thập dịch phẩm *Thâm công đức* [8] trong *Tiểu phẩm bát nhã kinh* quyển 7 đều nói giống như trên.

Tóm lại, Bồ tát phát nguyện ở thời kỳ sớm nhất có nội dung đơn giản, đồng thời rất thực tế, căn cứ trên hiện thực thế gian. Khi ấy các Ngài nghĩ đến một số nguy hiểm xảy ra, nên phát nguyện hoàn thiện một đất nước không có thiên tai, nạn dịch, không có người xấu, không có đau khổ... Như thế đủ biết đây là điều thế nguyện quan trọng chủ yếu nhất.

Tiến thêm bước nữa, Bồ tát phát nguyện trong “*Phóng Quang Bát Nhã kinh*”: Chúng ta có thể xem lời phát nguyện trong phẩm *Mộng trung hành* [9] của *Phóng quang bát nhã Kinh* quyển 13 để biết thêm các điều nguyện của Bồ tát về cõi Phật thanh tịnh:

1. Lương thực y phục đầy đủ;
2. Không có chúng sinh phạm mười điều ác và người hạ tiện;
3. Nhẫn nhục không gây tổn hại;
4. Dùng mãnh tinh tấn;
5. Nhiếp tâm chính niệm;
6. Không có tà kiến;
7. Không có tà tụ;
8. Không có ba đường ác;
9. Đất đai bằng phẳng, trong sạch;
10. Đất bằng vàng ròng;
11. Không có ái dục;
12. Không có giai cấp;
13. Không có phân biệt gia thế;
14. Thân chúng sinh đều sắc vàng;
15. Trong nước không có vua hà khắc áp bức;
16. Điều tu Ba mươi bảy đạo phẩm;
17. Mọi người đều hóa sinh;
18. Người trong nước có năm thần thông và ánh quang minh;
19. Mọi người không có cầu uế;
20. Không có giới hạn thời gian;
21. Mọi người trong nước sống lâu;



22. Mọi người đều đầy đủ tướng bậc đại nhân;
23. Mọi người đầy đủ căn lành;
24. Mọi người không có ba cầu, bốn bệnh[10];
25. Trong nước không có Nhị thừa;
26. Trong nước không có tầng thượng mạn;
27. Thọ mệnh vô lượng, quang minh vô lượng, Thanh văn vô lượng;
28. Cõi nước rộng lớn;
29. Không có tự tính.

Phẩm Mộng hành trong kinh Đại phẩm bát nhã quyển 17 nói đến vấn đề phát nguyện cũng giống với *Phóng Quang bát nhã kinh*, chỉ có nguyện thứ mười tám là “người trong nước đặc năm thần thông và có ánh quang minh” được chia thành hai nguyện, tổng cộng có ba mươi nguyện, đây là điểm khác nhau giữa hai kinh.

Đem đối chiếu giữa *Phóng quang bát nhã* và *Đạo hành bát nhã* thì thấy số nguyện tăng thêm là hai mươi bốn nguyện,

và ý nghĩa trong nguyện cũng có chiều hướng lý tưởng rộng lớn hơn. Nghĩa là trong *Đạo hành bát nhã kinh*, Bồ tát phát nguyện mang ý nghĩa tích cực, không chỉ dừng lại ở chỗ đối trị mà là phát huy. Theo đó, không có ba đường ác địa ngục, ngã quỷ và súc sinh; Đem lòng từ bi yêu thương để đối xử nhau như cha mẹ, anh em; Âm thực, y phục, của cải cũng đều tự nhiên đầy đủ; Không có ba cầu, bốn bệnh; Trong nước không có bốn giai cấp, giàu sang, nghèo hèn hay nhân chủng khác nhau; Không có tên gọi vua chúa mà chỉ có Như Lai là bậc pháp vương; Mặt đất bằng phẳng, do vàng ròng làm thành; Không có núi đồi hầm hố gai góc cỏ độc, thanh tịnh trang nghiêm; không có nơu bắn, người dân đều do hóa sinh, không có trường hợp thai sinh; không có người rơi vào tà định tụ, không có hàng Nhị thừa hoặc kẻ tăng thượng mạn, họ đều được năm thần thông, thân có ánh quang minh, đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, thọ mệnh không có hạn lượng thời gian...

Qua đây, biết được các nguyện vọng tăng thêm và theo xu hướng lý tưởng hóa. Từ đó chúng ta học hỏi để chuyển hóa nội tâm của chính mình, từ việc vượt qua phiền não của cá nhân, cho đến nhận lỗi hoặc tha thứ bao dung cho tha nhân. Ngoài ra, chúng ta phải phát tâm hoàn thiện, thành tựu, đem lại lợi ích nhất có thể cho mọi người, không phân biệt thân sơ, số lượng nhiều hay ít nữa. Đó cũng là một nét đẹp tâm hồn, một tư tưởng đóng góp to lớn cho tiếng nói chung của cộng đồng hòa bình, thịnh vượng.

ĐỂ CHÚNG SINH ĐƯỢC AN TÂM TU HỌC LÀ Ý NGHĨA CHÂN CHÍNH CỦA VIỆC TỊNH HÓA CỒI PHẬT

Làm thế nào để tịnh hóa cõi Phật, biến một cõi ô trược thành cõi thanh tịnh? Căn cứ vào *Đại phẩm bát nhã kinh* quyển 26 phẩm *Tịnh Phật quốc*, có hướng dẫn: “Bồ tát xa rời tướng nghiệp thô như vậy, tự mình bỏ thí và hướng dẫn người khác bỏ thí: chúng sinh

cần thực phẩm thì Bồ tát cung cấp thực phẩm, cần y phục thì Bồ tát cung cấp y phục, cho đến những nhu yếu phẩm mà chúng sinh cần thì Bồ tát cũng cung cấp cho họ. Bồ tát cũng hướng dẫn mọi người bố thí, để cùng chúng sinh hưởng chung phúc đức này, cùng hồi hướng thanh tịnh cõi Phật. Đối với trí giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ cũng thực hành như thế” [11].

Trong phẩm Phật quốc thuộc Duy ma cật kinh quyền thượng đã đưa ra chi tiết từng sự thực tập riêng. “Trực tâm” là Tịnh độ của Bồ tát, nên khi Bồ tát thành Phật, chúng sinh không đối trá thì được sinh về cõi nước của Ngài. “Thâm tâm” là Tịnh độ của Bồ tát, nên khi Bồ tát thành Phật, nếu chúng sinh nào đầy đủ công đức thì được sinh về cõi nước của Ngài. “Bồ đề tâm” là Tịnh độ của Bồ tát, nên khi Bồ tát thành Phật, chúng sinh tu theo Đại thừa thì được sinh về cõi nước của Ngài. Những pháp bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh

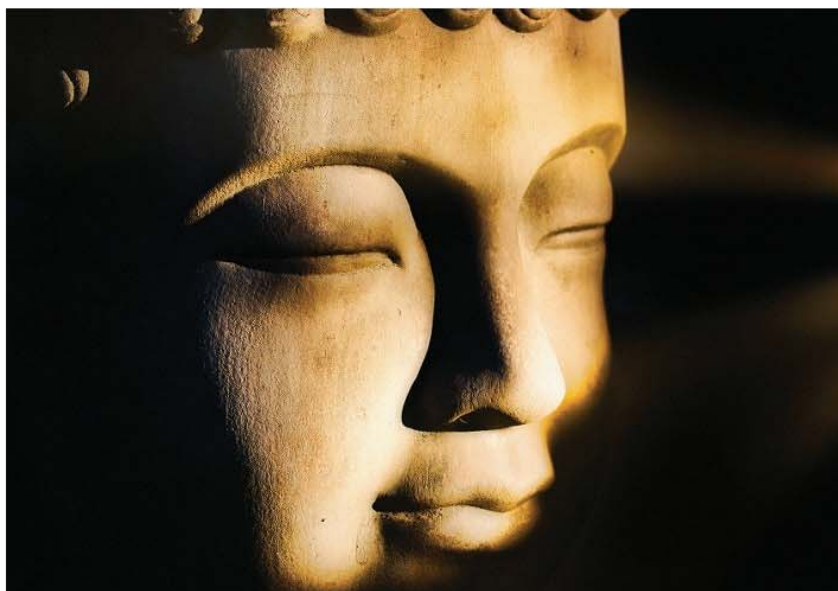
tấn, thiền định, trí tuệ, bốn tâm vô lượng, bốn nhiếp pháp, phương tiện, ba mươi bảy đạo phẩm, cho đến mười điều thiện đều là Tịnh độ của Bồ tát, nên khi Bồ tát thành Phật, chúng sinh nào thành tựu đầy đủ những pháp như vậy thì được sinh về cõi của Ngài. Vì thế, Bồ tát muốn được cõi nước thanh tịnh thì tâm mình phải thanh tịnh, tâm mình thanh tịnh thì cõi Phật cũng thanh tịnh.

Trong phẩm Phật bát nê hoàn thuộc A Súc Phật quốc kinh quyền hạ ghi: “*Hỏi: Bồ tát tu những đức hạnh nào sẽ được sinh về cõi Phật A Súc? Đáp: Bồ tát phải học theo Phật A Súc, khi xưa Ngài cầu đạo Bồ tát tu tập Sáu Ba la mật*” [12]. Những đoạn trích dẫn trên cho thấy tịnh độ là do trực tâm, thâm tâm của Bồ tát, cho đến do thực hiện mười điều thiện mà thành tựu. Điều này giống như nội dung trong *Đại phẩm bát nhã* đã trình bày, từ đó chứng minh được là nhờ tịnh hóa nghiệp thô nơi thân, khẩu, ý

của bậc giáo hóa (Bồ tát) và đối tượng giáo hóa (chúng sinh) mới có thể cùng tịnh hóa cõi Phật [13]. Có nghĩa là tự mình và tha nhân cùng xa rời mười ác mà thực hành mười điều thiện; xa lìa tham lam cho đến tâm ngu si mà thực hành Lục Ba la mật; cho đến không chấp trước vào tính chất hoặc tướng trạng của các pháp, liễu đạt được Vô tự tính Không, sau đó đem công đức này hồi hướng cho cõi Phật, cũng tức là đem tất cả nghiệp lực thanh tịnh tốt đẹp của Bồ tát và chúng sinh để cùng kiến tạo cõi Phật. Vậy muốn đạt được công đức như chư Phật, ta phải phát tâm thành Phật quả, phải trải qua thời gian vô lượng kiếp, làm cho thân tâm an ổn, hướng dẫn chúng sinh cũng thực hành theo để tâm an yên.

TÂM AN VẠN SỰ AN LÀ SỰ NGHIỆP PHÂN ĐẦU CHUNG CỦA CHƯ PHẬT BỒ TÁT VÀ MỌI NGƯỜI

Tuy nhiên, năng lực đơn độc của một vị Bồ tát không thể thực hiện được việc thanh tịnh cõi Phật rộng lớn như thế. Cho nên Bồ tát ban đầu giáo hóa chúng sinh mục đích là tập hợp lại năng lực của chúng sinh được giáo hóa để thành tựu ý nguyện. Tiếp sau là sự nghiệp phân đầu chung của chư Phật, Bồ tát và mọi người, cùng nhau chiêu cảm, phát huy kết quả thiện lành, tạo dựng một môi trường hoàn toàn là chúng sinh đã thanh tịnh thân, khẩu, ý. Bởi vậy, việc chung tay xây dựng một cộng đồng xã hội lý tưởng như cõi Tịnh độ không thể thiếu sự tham dự của chúng ta, và bản thân mỗi người hoàn toàn có thể chủ động đồng hành với chư Phật Bồ tát để kiến lập mười phương Tịnh độ.





Đại tỷ bà sa luận quyển 134 có viết: “Nếu cộng nghiệp của chúng sinh ở cõi này tăng trưởng thì thế giới thành tựu; còn nếu cộng nghiệp chúng sinh đã hết, thì thế giới hư hoại” [14]. Trong phẩm Thích tập tương ưng thuộc Đại trí độ luận quyển 37 lại viết: “Có khả năng kiến tạo cõi Phật thanh tịnh, thành tựu chúng sinh, thì Bồ tát trụ trong sự tương ưng với Không; không còn chướng ngại, giáo hóa chúng sinh, làm cho họ thực hành mười điều thiện và các pháp lành. Vì chúng sinh thực hành pháp lành nên cõi Phật thanh tịnh; vì họ không sát sinh nên được trường thọ; họ không có trộm cướp nên cõi Phật luôn phủ quý an vui, ước muốn được toại nguyện. Chúng sinh thực hành pháp lành như vậy nên kiến tạo được cõi Phật trang nghiêm... Mặc dù chúng sinh làm thiện, nhưng cũng phải theo cùng hạnh nguyện của Bồ tát, nhờ nhân duyên sức phương tiện hồi hướng đến cõi Phật thanh tịnh, giống như con trâu kéo xe, phải có người đánh xe mới có thể đi đến chỗ mong muốn” [15].

Đại trí độ luận quyển 7, phẩm Thích Sô phẩm [16] nói về nguyện của thế giới chư Phật thì đề cập:

“nếu làm phúc mà chẳng có phát nguyện thì chẳng có mục tiêu, lập nguyện là để dẫn đường, có như vậy mới thành tựu được mục tiêu... Lại nữa, việc trang nghiêm các thế giới Phật là việc lớn, nên cần phải có nguyện lực lớn”.

Điều này giống như sự hướng dẫn nhiệt huyết, trí tuệ của người lãnh đạo gương mẫu, cần kết hợp với việc người dân ở đó cũng phải đồng lòng, tích cực làm lành, nâng cao đức hạnh. Tịnh độ của chư Phật tuy do kết quả từ cộng nghiệp thanh tịnh thân, khẩu, ý của chúng sinh được giáo hóa, nhưng lý tưởng chung của điều đó vẫn là hạnh nguyện của Bồ tát. Đây là điều không thể thiếu, nếu không sẽ giống một chiếc xe không người lái, không thể đưa đến nơi chốn cần đến. Trang nghiêm cõi Phật cũng giống như vậy không khác. Từ thực tế cuộc sống, chúng ta mong muốn “tâm an vạn sự an” thì cần bình tâm quan sát thế giới, khởi tâm từ bi đối với thực trạng của xã hội. Từ đó nương theo Phật Bồ tát mà phát khởi hạnh nguyện, trau dồi trí tuệ, đức hạnh, giúp người giúp đời, thực hành Sáu Ba la mật, chung tay xây dựng cõi Tịnh độ trong nhân gian.

Chú thích:

* ĐĐ.TS Thích Vạn Lợi: Ủy viên viện nghiên cứu Phật học Việt Nam, Phó Giám đốc Trung tâm Biên Phiên dịch tư liệu Phật giáo Quốc tế, nghiên cứu viên viện Trần Nhân Tông Đại học Quốc gia Hà Nội, Phó ban thư ký dự án Dịch thuật và phát huy các tác phẩm phương Đông.

[1] Đại chính tạng, tập 8, tr.20.

[2] Đại chính tạng, tập 9, tr.235

[3] Hòa Thượng Thích Trí Tịnh, Trí Tịnh Toàn Tập - Tập 4 - Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm kinh, phẩm “Nhập Bát Tư Nghĩ Giải Thoát Cảnh Giới Phổ Hiền Hạnh Nguyên” thứ bốn mươi, Tôn Giáo, Hà Nội, 2011, Tr.770.

[4] Sa Môn Thích Tịnh Hạnh, Đại Tập 50 - Bộ Đại Tập I - Số 397 (Quyển 1- 48), Đại Phương Đẳng Đại Tập kinh, quyển 17, phẩm 8 “Bồ Tát Hư Không Tạng” (Phần 4), Hội Văn Hóa Giáo Dục Linh Sơn Đài Bắc, 2000, Tr.376-377.

[5] Phóng Quang bát nhã kinh quyển 3 phẩm Văn Tăng Na, Đại chính tạng, tập 8, tr.20.

[6] Sa Môn Thích Tịnh Hạnh, Đại Tập 31 - Bộ Bát Nhã XIV - Số 223 - 224, Đạo Hành Bát Nhã Ba la mật kinh quyển 6, phẩm 15 “Không Thoái Chuyển”, Hội Văn Hóa Giáo Dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, Tr.837.

[7] Sa Môn Thích Tịnh Hạnh, Đại Tập 32 - Bộ Bát Nhã XV - Số 225 - 230, Đại Minh Độ kinh, quyển 4, phẩm 11 “không Thế Tinh Kê”, Hội Văn Hóa Giáo Dục Linh Sơn Đài Bắc - Taiwan, 2000, Tr.95.

[8] Đại chính tạng, tập 8, trang. 566.

[9] Sa Môn Thích Tịnh Hạnh, Đại Tập 30 - Bộ Bát Nhã XIII - Số 221- 222, Phóng Quang Bát Nhã kinh, quyển 13, phẩm 59 “Thực Hành Trong Mộng”, Hội Văn Hóa Giáo Dục Linh Sơn Đài Bắc, 2000, Tr.379-384.

[10] Ba thứ cầu uế: tham, sân, si, làm khổ chúng sinh; bệnh do bốn đại chẳng điều hoà sinh ra.

[11] Hòa Thượng Thích Trí Tịnh, Trí Tịnh Toàn Tập - Tập 7 - Bát Nhã Ba La Mật Kinh, Phẩm “Tịnh Phật Quốc” thứ tám mươi hai, Thời Đại, 2012, Tr.326.

[12] Đại chính tạng tập 11, tr.761.

[13] Đại chính tạng tập 14, trang. 538.

[14] Sa Môn Thích Tịnh Hạnh, Đại Tập 93 Đại tỷ bà sa, quyển 134 Đại chúng uẩn luận về duyên, Hội Văn Hóa Giáo Dục Linh Sơn Đài Bắc, 2000, Tr.379-384.

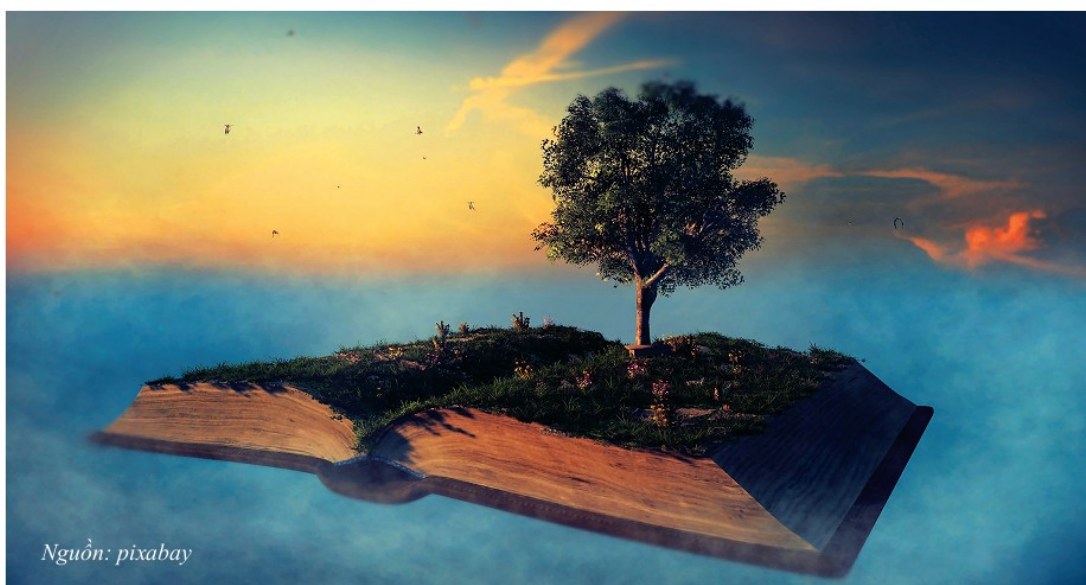
[15] Đại chính tạng, tập 25, tr.335.

[16] Đại chính tạng tập 25, tr.142.

KINH CHÁNH TRI KIẾN

NỀN TẢNG ĐẠO ĐỨC PHẬT HỌC

ĐD. Thích Thiện Đức*



Đức Phật xuất hiện trên thế gian đem lại an vui cho tất cả chúng sanh. Đạo Phật là đạo của giác ngộ và giải thoát. Sự giác ngộ và giải thoát ấy chính là đạt được trí tuệ, vì chỉ có trí tuệ mới là mục đích tối thượng để đưa con người đến con đường hạnh phúc. Trí tuệ lại được thành tựu trên nền tảng của chánh kiến và sự tu tập, đó là sự hiểu biết sáng suốt, đúng đắn, chân thật. Bởi có chánh kiến mới có thể nhận thức rõ mọi phiền não, từ đó tiến đến diệt trừ và chấm dứt tất cả khổ đau sanh tử. Cho nên, trí tuệ chính là chánh kiến, có chánh kiến tức là có trí tuệ, chánh kiến là nhân, là nền tảng phát triển của tuệ giác.

Những lời dạy của Đức Thế Tôn trong hệ thống Thánh điển Pāli, chánh kiến giữ vị trí đứng đầu, đóng vai trò quan trọng và then chốt không những trên con đường giải thoát, mà còn để đạt được an lạc trong hiện tại cuộc đời. Nổi bật trong đó là Kinh Chánh tri kiến, một trong những bản Kinh tiêu biểu nhấn mạnh về vai trò của chánh kiến.



TỔNG QUAN KINH CHÁNH TRI KIẾN (SAMMĀDITTHI SUTTA)

Kinh Chánh tri kiến (Sammāditthi Sutta) là một bản Kinh dài và quan trọng được tôn giả Sāriputta (Xá-lợi-phất) thuyết giảng cho các chúng Tỷ-kheo, địa điểm ở thành Sāvattthī (Xá-vệ), tại Jetavana (Kỳ-đà) - vườn của trưởng giả Anāthapindika (Cấp-cô-độc). Kinh Chánh tri kiến đứng vị trí thứ chín trong Kinh Trung Bộ (Majjhima Nikāya), thuộc hệ thống Kinh điển Nikāya. Mặc dù do tôn giả Xá-lợi-phất thuyết, nhưng nội dung và ý nghĩa của kinh rất hợp với những điều mà Đức Phật đã giảng dạy trong nhiều bài kinh.

Đại ý và cốt lõi trong bài Kinh là sự trình bày của tôn giả Sāriputta về chánh tri kiến đối với “mười sáu pháp”, chia làm năm nhóm: Căn bản bất thiện và thiện, Bốn loại thức ăn, Tứ diệu đế, 12 chi phần duyên khởi, Lậu hoặc và con đường chấm dứt lậu hoặc. Qua đó, Tôn giả muốn khẳng định do tuệ tri đúng đắn các pháp trên mà hành giả có khả năng tự chuyển hóa, diệt trừ tận gốc rễ tất cả tham tùy miên (rāgānusaya), sân tùy miên (patighānusaya), ngã kiến mạn tùy miên (attaditthimā), đoạn tận vô minh tùy miên (avijjānusaya), khiến cho minh (vijjā) được sanh khởi và chấm dứt mọi khổ đau ngay trong hiện tại của cuộc đời. Được như vậy, vị ấy xứng đáng là vị Thánh đệ tử có “Chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin Pháp tuyệt đối và thành tựu diệu pháp này” [1].

KHÁI LƯỢC CHÁNH TRI KIẾN (SAMMĀDITTHI)

Khái niệm về Tri kiến

Theo nghĩa của từ ngữ, *Sammā* dịch là “chánh, đúng đắn, hợp lý”, *Ditthi* dịch là “trí, kiến giải, quan điểm”, nghĩa là “hiểu đúng, thấy đúng, cái biết, cái thấy cao quý” nên Sammāditthi được gọi là “Chánh tri kiến, Tri kiến hay Chánh kiến”. Nói cách khác, chánh tri kiến là một sự nhận thức đúng đắn, hoàn



Nguồn: internet

chỉnh, như thật tuệ tri (pajānāti). Chính nhận thức, quan điểm đúng đắn và hợp lý đưa đến hành động và lời nói đúng đắn, hợp lý. Hành động và lời nói đúng đắn, chân thật đưa đến sự an lạc, giải thoát cho chính mình và cho mọi người trong hiện tại và tương lai. Như Đức Phật đã dạy:

*Có lỗi, biết có lỗi,
Không lỗi, biết là không;
Do chấp nhận chánh kiến,
Chúng sanh đi cõi lành.*

(Thích Minh Châu dịch, *Kinh Pháp Cú*, kệ 319)

Ngược lại, nhận thức và quan điểm sai lầm sẽ dẫn đến hành động và lời nói sai lầm, không đúng với sự thật. Hành động và lời nói sai lầm, lệch lạc đưa đến sự khổ đau cho chính mình và cho mọi người trong hiện tại và tương lai. Những nhận thức, quan điểm sai lầm, trái với sự thật đó chính là “tà kiến” (Micchāditthi):

*Không lỗi, lại thấy lỗi,
Có lỗi, lại thấy không;
Do chấp nhận tà kiến,
Chúng sanh đi ác thú.*

(Thích Minh Châu dịch, *Kinh Pháp Cú*, kệ 318)

Có hai loại chánh kiến đó là: “Chánh kiến hữu lậu có sanh y” và “Chánh kiến vô lậu, không có sanh y”. Chánh kiến hữu lậu: Là sự thấy đúng, hiểu đúng nhưng còn trong phạm vi thế gian (hiệp thế). Tri kiến hữu lậu là trí nhận pháp hữu vi làm cảnh, có thể dẫn đến tái sanh trong tương lai nên chưa thoát khỏi nghiệp, được hưởng phước báu lành của thiện nghiệp nên gọi là trí hữu lậu, còn tạo ra danh sắc mới nên gọi là sanh y: *“Có bổ thí, có cúng dường, có tế tự; có quả báo các nghiệp thiện ác; có đời này, có đời khác; có mẹ, có cha; có các loại hóa sanh; ở đời có các vị Sa môn, Bà la môn chánh hướng, chánh hạnh, sau khi với thượng trí tự mình chứng đạt đời này và đời khác lại tuyên bố lên. Như vậy, này các Tỷ kheo là chánh kiến hữu lậu, thuộc phước báo, đưa đến quả sanh y”* [2].

Chánh kiến vô lậu, siêu thế: Là sự hiểu đúng, thấy đúng một cách toàn vẹn, cao thượng, không bị trôi buộc bởi phiền não cấu uế (vô lậu), vượt thoát thế gian (siêu thế), là chi phần của Thánh đạo. Tuệ hòa hợp với Thánh đạo hay Thánh quả khi nhận Niết bàn làm cảnh. Loại trí này có công năng diệt nghiệp và không tạo ra danh sắc mới: *“Phàm cái gì, này các Tỷ kheo, thuộc trí tuệ, tuệ căn, tuệ lực, trạch pháp giác chi, chánh kiến, đạo chi của một vị tu tập Thánh đạo, thành thực trong Thánh đạo, có vô lậu tâm, có Thánh tâm. Chánh kiến như vậy, này các Tỷ kheo, thuộc bậc Thánh, vô lậu, siêu thế, thuộc đạo chi”* [3].

Tri kiến chân chánh, chánh trực

Tri kiến chân chánh hay tri kiến chánh trực là một trong “mười sức mạnh” [4] của một Tỷ-kheo Thánh đệ tử Phật. Đó là sự hiểu rõ, thấy rõ một cách đúng đắn, như thật tuệ tri về “thiện” (kusala) và “bất thiện” (akusala), cội rễ của thiện và bất thiện. Tuệ tri về “mười ác nghiệp”: Sát, đạo, dâm (thân), nói dối, nói hai lưỡi, nói lời độc ác, nói lời phù phiếm (khẩu) và tham, sân, tà kiến (ý), là bất thiện, là cội rễ của bất thiện (tham, sân, si): *“Chư Hiền, sát sanh là bất thiện, lấy của không cho là bất thiện, tà hạnh trong các dục là bất thiện, nói láo là bất thiện, nói hai lưỡi là bất thiện, ác khẩu là bất thiện, nói phù phiếm là bất thiện, tham dục là bất thiện, sân là bất thiện, tà kiến là bất thiện. Chư Hiền, như vậy gọi là các bất thiện”* [5].

Ngược lại, từ bỏ mười ác nghiệp và thực hành “mười thiện nghiệp” đó chính là tuệ tri về thiện, về cội rễ của thiện (vô tham, vô sân, vô si): *“Từ bỏ sát sanh là thiện, từ bỏ lấy của không cho là thiện, từ bỏ tà hạnh trong các dục là thiện, từ bỏ nói láo là thiện, từ bỏ nói hai lưỡi là thiện, từ bỏ ác khẩu là thiện, từ bỏ nói phù phiếm là thiện, không tham dục là thiện, không sân là thiện, Chánh tri kiến là thiện. Chư Hiền, như vậy gọi là các thiện”* [6].

Nếu thiện và bất thiện liên hệ trực tiếp đến cuộc sống của con người cho đến tất cả chủ nghĩa học thuyết, tôn giáo tại thế gian này thì sự sinh hoạt ăn uống tiêu dùng là điều không thể thiếu. Có bốn loại thức ăn: Đoàn thực (thức ăn vật lý), xúc thực (thức ăn tiếp xúc), tư niệm thực (thức ăn tác ý), thức thực (thức ăn ý thức) [7], giúp hỗ trợ và duy trì mạng sống của con người hiện tại cũng như cho sự tái sanh ở tương lai. Sự hiểu biết đúng đắn hay tuệ tri về thức ăn (āhāra), sự tập khởi, sự diệt đoạn, con đường đưa đến sự diệt đoạn của chúng. Ái (Dục ái, hữu ái, phi hữu ái) được xem là nguồn gốc thức ăn, nơi nào có lòng đam mê, tham ái thì nơi đó có



hưởng thụ và chiếm hữu. Muốn chấm dứt căn phải tu tập Bát Chánh đạo để có được sự an lạc.

Quy trình nhận thức chân chánh về bốn nguyên lý của thức ăn cũng chính là nói về “bốn chân lý cao thượng” (Cattāri Ariya saccāni) hay “bốn sự thật” (khô, tập, diệt và đạo): “*Sanh là khổ, già là khổ, bệnh là khổ, chết là khổ, sầu, bi, khổ, ưu, não là khổ, cầu không được là khổ, tóm lại năm thủ uẩn là khổ. Chư Hiền, như vậy gọi là Khổ (...). Chính là ái đưa đến tái sanh, cùng khởi hỷ dục và tham hưởng đến tái sanh, cùng khởi hỷ dục và tham, tìm cầu hỷ lạc chỗ này chỗ kia, tức là dục ái, phi hữu ái. Chư Hiền, như vậy gọi là Tập khởi của khổ. Chư Hiền, thế nào là Đoạn diệt của khổ? Đó là sự đoạn diệt ly tham, không có dư tàn, sự quăng bỏ, sự từ bỏ, sự giải thoát, sự vô chấp khát ái ấy. Chư Hiền, thế nào là Con đường đưa đến đoạn diệt của khổ? Chính là Thánh đạo tám ngành đưa đến khổ diệt*” [9].

Trong Kinh Chánh tri kiến, tôn giả Sāriputta đã chỉ rõ nội dung, bản chất của “Tứ Thánh đế”, một bước mang tính quy luật căn bản của sự tu tập hành trì

trong đạo Phật. Đó là hệ quy trình ngược, từ quả rồi đến nhân, tức nói lên thực tại khổ đau, sau đó mới chỉ ra nguyên nhân khổ đau, sự diệt trừ khổ đau và con đường đưa đến sự đoạn diệt đau khổ. Sự hiểu biết đúng đắn, tuệ tri về Tứ Thánh đế cho đến tuệ tri chơn chánh, chánh trực về các chi phần nhân duyên hay còn gọi là “Duyên khởi” (Paticcasamuppāda). Công thức quy trình Duyên khởi bắt nguồn từ già chết, sự tập khởi, sự đoạn diệt và con đường đưa đến sự đoạn diệt của chúng. Mười hai chi phần Duyên khởi gồm: Già chết (jarāmarana), sanh (jāti), hữu (bhava), thủ (upādāna), ái (tanhā), thọ (vedanā), xúc (phassa), lục nhập (salāyatana), danh sắc (nāma rūpa), thức (viññāna), hành (sankhāra), vô minh (avijjā). Cuối cùng là sự tuệ tri chơn chánh về các lậu hoặc (āsava), có ba lậu hoặc gồm: Dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu, sự tập khởi, sự đoạn diệt và con đường đưa đến sự đoạn diệt các lậu hoặc.

Tri kiến tin Pháp tuyệt đối

Tri kiến có lòng tin Pháp tuyệt đối, tức “niềm tin bất động” vào lời dạy của Đức Phật là hiểu rõ, thấy rõ các pháp hữu vi là “*vô thường, khổ, vô ngã, với tâm giải thoát, tâm bất động*” [10] nên có niềm tin tưởng vào Chánh pháp một cách tuyệt đối. Trong Phật giáo, “niềm tin” có vai trò quan trọng tạo nên sức mạnh tiềm tàng và vô tận, nó thúc đẩy sự nỗ lực phấn đấu để vươn tới mục đích cao cả và tối thượng. Nhưng niềm tin đó phải là chánh tín, chân chánh, có chánh kiến và được đặt cơ sở của sự hiểu biết, trí tuệ. Nên khi Đức Phật đề cập đến niềm tin thì bao giờ Ngài cũng hướng đến sự tu tập đó là: “*Tín, Tấn, Niệm, Định, Tuệ*” (Ngũ căn và Ngũ lực), một tiến trình tu tập, phát triển tâm linh từ thấp đến cao, từ cạn đến sâu trong đạo Phật. Nhưng khi niềm tin đã phát triển thành tuệ giác hay chánh kiến, thì niềm tin đó trở nên bất động, không có gì có thể làm lay chuyển được, có niềm tin tuyệt đối với Chánh pháp: “*Pháp này để cho người ít dục, pháp này không phải để cho người nhiều dục; pháp này để cho người biết đủ, pháp này không phải để cho người không biết đủ; pháp này để cho người sống thanh vắng, pháp này không phải để cho người ưa hội chúng; pháp này để cho người tinh cần tinh tấn, pháp này không phải để cho người biếng nhác; pháp này để cho người trú niệm, pháp này không phải để cho người thất niệm; pháp này để cho người thiền định, pháp này không phải để cho người không thiền định;*

Nguồn: pixabay

pháp này để cho người có trí tuệ, pháp này không phải để cho người ác tuệ (...). Pháp này để cho người không ưa hỷ luận, không thích hỷ luận; pháp này không phải để cho người ưa hỷ luận, thích hỷ luận” [11].

Đó là lòng tin Chánh pháp tuyệt đối của những bậc Đại nhân, bậc Thánh khi đã chứng đạt Niết-bàn (chánh kiến vô lậu, siêu thế). Còn đối hạng phàm phu có chánh kiến (chánh kiến hữu lậu, hiệp thế) thì đặt lòng tin, niềm tin vững chắc về Tam Bảo, về lời dạy của Đức Phật: “*Đó là Pháp, đó là Luật, đó là lời dạy của bậc Đạo sư*” [12]. Trong hai loại chánh kiến trên, Sāriputta đặc biệt nhấn mạnh đến “chánh kiến vô lậu, xuất thế gian” của bậc Thánh khi nói đến “lòng tin Pháp tuyệt đối” và “thành tựu diệu pháp” [13].

Thành tựu Diệu Pháp (Saddhamma)

Chữ Saddhamma, gồm Sam nghĩa là “tốt đẹp” và Dhamma nghĩa là “Pháp, giáo lý, chân lý”, nên Saddhamma có nghĩa là “Diệu Pháp”. Diệu pháp ở đây để khẳng định rằng, chánh tri kiến là một pháp môn mẫu nhiệm, có khả năng chuyển hóa những khổ đau sanh tử, đưa đến giải thoát và Niết-bàn.

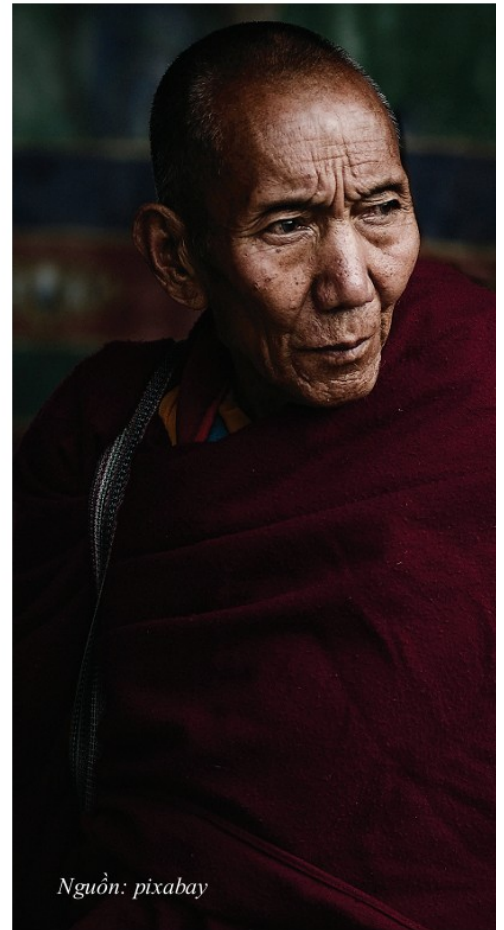
Diệu pháp là những chân lý tối thượng, vi diệu, rốt ráo, thù thắng do Đức Phật thuyết giảng, truyền dạy được kết tập thành hệ thống Kinh tạng Pāli, gồm 5 bộ Nikāya [14]. Hay nói một cách rõ ràng và cụ thể, Diệu Pháp tức chỉ cho 37 pháp (Phẩm trợ đạo) dẫn đến chứng đạt Niết-bàn đó là: Tứ niệm xứ, Tứ chánh cần, Tứ như ý túc, Ngũ căn, Ngũ lực, Thất giác

chi và Bát chánh đạo. Ngoài ra, Diệu Pháp còn chỉ cho những đức tánh cần thiết cho một vị Tỷ-kheo, hàng đệ tử xuất gia của Đức Phật: “*Có bảy diệu pháp này, này các Tỷ kheo. Thế nào là bảy? Tín, xảu hổ, sợ hãi, nghe nhiều, tinh tấn, chánh niệm, có trí tuệ. Này các Tỷ kheo, có bảy diệu pháp này*” [15]. Diệu Pháp còn nói đến sự thành tựu bảy sức mạnh: “*Này các Tỷ kheo, có bảy sức mạnh này. Thế nào là bảy? Tín lực, tấn lực, tầm lực, quý lực, niệm lực, định lực, tuệ lực. Này các Tỷ kheo, có bảy sức mạnh này*” [16].

Như vậy, thành tựu Diệu pháp được đặt trên nền tảng của chánh kiến, cơ sở của sự phát triển tuệ giác. Chính sự hiểu rõ, biết rõ, quan điểm, nhận thức đúng đắn, như thật tuệ tri, mà một vị đệ tử Phật thành tựu được “chánh tri kiến, có tri kiến chánh trực, có lòng tin pháp tuyệt đối, thành tựu diệu pháp”, chứng ngộ, giải thoát và tối thượng Niết-bàn.

CHÁNH TRI KIẾN ĐI ĐẦU TRONG BÁT CHÁNH ĐẠO

Con đường đưa đến giải thoát khỏi khổ đau sanh tử luân hồi do Đức Thế tôn tuyên thuyết khởi nguồn bằng sự nhận thức đúng đắn, chân thật về thực tại của vạn pháp. Có nhận thức đúng đắn mới có tư duy đúng đắn, lời nói đúng đắn, hành động đúng đắn, sinh sống đúng đắn, nỗ lực đúng đắn, nhớ nghĩ đúng đắn, định tâm đúng đắn, trí tuệ đúng đắn và đưa đến giải thoát, giác ngộ. Chánh tri kiến là dấu hiệu khởi đầu của “Bát Chánh đạo”, đóng vai trò quan trọng trên tiến trình tu tập Phật pháp: *Ở đây, này các Tỷ kheo, Chánh kiến đi hàng*



Nguồn: pixabay

đầu. Và như thế nào, này các Tỷ kheo, là Chánh kiến đi hàng đầu? Chánh tư duy, này các Tỷ kheo, do Chánh kiến được khởi lên. Chánh ngữ do Chánh tư duy được khởi lên. Chánh nghiệp do Chánh ngữ được khởi lên. Chánh mạng do Chánh nghiệp được khởi lên. Chánh tinh tấn do Chánh mạng được khởi lên. Chánh niệm do Chánh tinh tấn được khởi lên. Chánh định do Chánh niệm được khởi lên. Chánh trí do Chánh định được khởi lên [17].

Bát Chánh đạo (Ariya atthangika magga) tức con đường tám nhánh



hay tám chi phần để giải thoát sanh tử khổ đau, là một trong “Ba mươi bảy phẩm trợ đạo” và là pháp môn tu tập căn bản trong Phật giáo. Bất cứ một vị đệ tử xuất gia nào cũng phải hiểu rõ giáo lý này, đó là kim chỉ nam và phương pháp tu tập để đưa đến giải thoát của bậc Thánh. Nhưng muốn thành tựu đời sống của bậc Thánh phải như thật chân chánh về bốn chân lý Thánh đế: “*Với Tỳ kheo có chánh tri kiến này, này các Tỳ kheo, chờ đợi là vị ấy sẽ rõ biết: “Đây là khổ”; vị ấy sẽ rõ biết: “Đây là khổ tập khởi”; vị ấy sẽ rõ biết: “Đây là khổ đoạn diệt”*” [18].

Do chánh kiến đóng vai trò then chốt trong lộ trình thực hành Bát chánh đạo đưa đến sự liễu ngộ “Bốn Thánh đế”, con đường độc nhất đi vào giải thoát hết thảy lậu hoặc, đạt quả vị A-la-hán (Arahant) tối thượng và Niết-bàn [19]. Vì thế, Đức Phật đặc biệt nhấn mạnh đến chánh kiến, đề cao năng lực trí tuệ trong quá trình tu tập giải thoát của một vị hành giả đệ tử. Phải có nhận thức đúng đắn một cách như thật, toàn vẹn về vạn pháp, khổ đau sanh tử thì mới hiểu đúng, thấy rõ từ đó quyết tâm thực hành con đường chân lý giác ngộ. Bởi nếu không hiểu, thấy được bản chất của khổ đau vạn hữu thì sẽ mãi chìm trong si mê, tà kiến, không bao giờ biết được cách thực hành và nỗ lực thoát ly sanh tử.

ĐẠO PHẬT LÀ ĐẠO TRÍ TUỆ

Trong hầu hết các kinh điển của hệ thống Thánh điển Pāli, Đức Phật luôn luôn nhấn mạnh vai trò của trí tuệ trong việc đoạn trừ khổ đau của con người. Cũng vậy, người đệ tử Phật nếu muốn diệt trừ phiền não nhưng không học, không hiểu Phật pháp, không có trí tuệ thì không thể nào cắt đứt phiền não, phá tan vô minh và giác ngộ, giải thoát được. Đức Thế tôn là bậc đại giác ngộ, đại

trí tuệ nên Ngài luôn đề cao và ca ngợi trí tuệ. Do vậy, lời giáo huấn đầu tiên trong Kinh Tất Cả Lậu Hoặc, Đức Phật đã khẳng định rằng: “*Này các Tỳ kheo, Ta giảng sự diệt tận lậu hoặc cho người biết, cho người thấy, không phải cho người không biết, cho người không thấy*” [20].

Sự biết và thấy ở đây, tức là chỉ cho sự hiểu biết của con người, tức có nghĩa phải biết đạo lý, biết phân biệt đúng và sai, thiện và ác. Việc làm đúng phù hợp với chân lý được Đức Phật khuyến tấn phát triển và hành trì, còn những việc sai quấy bất thiện thì ngài khuyên cần phải xa lánh, từ bỏ và diệt trừ [21]. Ví như, một người muốn thực hành đời sống phạm hạnh của hàng xuất gia phải biết và thực hành “thiểu dục tri túc”, nếu chỉ biết thụ hưởng dục lạc, vật chất lợi dưỡng thì tâm sinh tham đắm, mong cầu không còn chỉ hướng tu tập; ngược lại, nếu khổ hạnh, ép xác thì cơ thể ốm yếu, tật bệnh, tinh thần không sáng suốt, minh mẫn. Do đó, thực hành lối sống trong sinh hoạt và tu tập theo lời Phật dạy nói lên sự hiểu biết đúng đắn và sự hiểu biết ấy chính là trí tuệ.

Đạo Phật đặc biệt chú trọng đến vai trò của trí tuệ, tức thấy đúng và biết đúng chân thật rõ ràng: “*Chánh pháp được Thế Tôn khéo thuyết giảng, một Chánh pháp thiết thực hiện tại, vượt ngoài thời gian, đến để mà thấy, luôn luôn hướng thượng, chỉ người có trí tự mình giác hiểu*” [22]. Giáo pháp của Thế tôn luôn có mối liên hệ mật thiết với đời sống hiện tại, có lợi ích ngay trong đời sống hiện tại. Chân lý ấy không bị giới hạn

bởi không gian, thời gian, dù ở điều kiện, hoàn cảnh, thời đại nào cũng đều đúng và hợp lý (Tứ đế, Duyên khởi, vô thường, vô ngã...), nên có giá trị trong hiện tại mà còn cả ở tương lai. Nhưng để đạt chân lý ấy, điều kiện tiên quyết phải được xây dựng từ nền tảng trí tuệ, có trí tuệ mới đạt tới sự giác ngộ. Đây là mục đích hướng đến của những bậc “Thượng nhân” với lý tưởng lấy trí tuệ làm sự nghiệp: “Duy tuệ thị nghiệp” (Kinh Bát Đại Nhân Giác).

CHÂN LÝ GIÁ TRỊ CỦA BÀI KINH VÀ SỰ ỨNG DỤNG VÀO ĐỜI SỐNG TU HỌC CỦA TỰ THÂN

Thông qua Kinh Chánh tri kiến, ta học được chánh kiến trong cuộc sống hằng ngày, đặt trên nền tảng của sự hành trì tu tập để đạt được cái nhìn tuệ giác. Lời kinh sâu sắc, không những dành cho đệ tử xuất gia mà còn cho hàng Phật tử tại gia và nhân loại. Chánh kiến là nhu cầu của cuộc sống, nơi nào có chánh kiến thì nơi đó có cuộc sống tốt đẹp, hạnh phúc, tất cả khổ đau được chuyển hóa tận gốc rễ. Đó là lý do Đức Phật đặt chánh kiến ở vị trí đầu tiên trong Bát Chánh đạo.

Do đó, khi học bản Kinh này, chúng ta phải thực tập và ứng dụng những lời dạy trong Kinh để đạt được chánh tri kiến. Mục đích của người xuất gia chúng ta là mong cầu sự giải thoát, sự



Nguồn: pixabay

giải thoát đó phải được xây dựng trên cơ sở là giác ngộ, tức trí tuệ hay chánh kiến. Có trí tuệ mới nhận thức được chân lý Tứ đế và nguyên lý Duyên khởi, thấy được bản chất của các pháp là vô thường, vô ngã thì mới có sự giải thoát. Đây cũng là ý nghĩa của câu “đến dễ mà thấy”, đến dễ tìm hiểu, thực hành để đạt giác ngộ chứ không phải đến dễ tin, vì niềm tin cũng chỉ là yếu tố đầu tiên để xây dựng nền tảng chánh kiến, đạt được trí tuệ, nên không chỉ có tin và dừng lại ở đó mà phải tự mình biết rõ [23]:

“Chớ có tin vì nghe báo cáo; chớ có tin vì nghe truyền thuyết; chớ có tin vì theo truyền thống; chớ có tin vì được kinh điển truyền

tụng; chớ có tin vì lý luận suy diễn; chớ có tin vì diễn giải tương tự; chớ có tin vì đánh giá hời hợt những dữ kiện; chớ có tin vì phù hợp với định kiến; chớ có tin vì xuất phát từ nơi có uy quyền; chớ có tin vì vị Sa môn là bậc Đạo sư của mình” [24].

Tự mình biết rõ, hiểu rõ đó là chánh kiến, có chánh kiến mới hiểu được giáo lý chánh pháp và thực hành đem lại lợi lạc cho tự thân. Nên chánh kiến có khả năng hướng thượng, đưa đến sự giác ngộ và trí tuệ tối thượng: *“Vị như, này các Tỷ kheo, trong các loài bàng sanh, con sư tử, vua các loài thú, được xem là tối thượng, tức là về sức mạnh, về tốc lực, về đông mãnh. Cũng vậy, này các Tỷ kheo, trong các pháp thuộc phần giác ngộ, tuệ căn được xem là tối thượng, tức là về giác ngộ” [25].*

Muốn trí tuệ được phát sanh, chúng ta phải thực hành thiền định, vì đây là cơ sở của tuệ giác, nội dung thực tập tất yếu của hành giả đệ tử Phật. Tu tập thiền định cũng chính là tu tập về tuệ căn (Ngũ căn), chánh kiến (Bát chánh đạo), tuệ (Tam vô lậu học), tuệ giác của thiền quán sẽ quét sạch mọi tham ái, sân hận, si mê, kiến mạn tùy miên, vô minh và khổ đau sanh tử.

Tóm lại, Kinh Chánh tri kiến là bản kinh quan trọng trong hệ thống kinh tạng Nikāya, có liên hệ đến các phương cách nhận thức,



Nguồn: pixabay

ứng xử và hành trì ở trong cuộc sống hằng ngày của một hành giả tu tập trên tiến trình giác ngộ và giải thoát. Phương pháp vận dụng chính yếu trong bài Kinh đó là sự thực tập hành trì để tự chuyển hóa từ phàm thành Thánh, từ khổ đau thành hạnh phúc, từ bóng tối u minh đi đến ánh sáng của trí tuệ. Chánh tri kiến chính là nền tảng căn bản cho những nhận thức về sự vật, hiện tượng và yếu tố then chốt để thành tựu được tất cả Pháp của Đạo Phật nói chung. Chính vì thế, Đức Phật đã chọn chánh tri kiến làm bước đầu tiên trên con đường tiến đến hạnh phúc, an lạc. Đó là sự hiểu đúng, biết đúng với sự thật, với chân lý “như lý tác ý” hay “như thật tuệ tri”.

Chú thích:

* ĐĐ. Thích Thiện Đức: Học viên Cao học khóa II - HVPGVN tại TP.HCM.

[1] Thích Minh Châu (dịch) (2013), *Toát yếu Kinh Trung Bộ (Majjhima Nikāya)*, tập 1, Thích Nữ Trí Hải (tóm tắt & chú giải), Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr.69-74.

[2] Thích Minh Châu (dịch) (2018), *Kinh Trung Bộ*, tập II, Đại Kinh Bốn Mươi, Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.402.

[3] Thích Minh Châu (dịch) (2018), *Sđđ*, tr.402.

[4] Thích Minh Châu (dịch) (2018), *Kinh Tăng Chi Bộ*, tập II, Chương Mười Pháp, Phẩm Trường lão, Phần Những sức mạnh, Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.654-655.

[5] Thích Minh Châu (dịch) (2018), *Kinh Trung Bộ*, tập I, Kinh Chánh tri kiến, Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.75.

[6] Thích Minh Châu (dịch) (2018), *Sđđ*, tr.76.

[7] Thích Minh Châu (dịch) (2018), *Sđđ*, tr.76-77.

[8] Dục ái, hữu ái, phi hữu ái.

[9] Thích Minh Châu (dịch) (2018), *Kinh Trung Bộ*, tập I, Kinh Chánh tri kiến, Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.77.

[10] Thích Minh Châu (dịch) (2018), *Kinh Tăng Chi Bộ*, tập II, Chương Chín Pháp, Phẩm Chỗ cư trú của hữu tình, Phần Trụ đá, Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.480-482.

[11] Thích Minh Châu (dịch) (2018), *Kinh Tăng Chi Bộ*, tập II, Chương Tám Pháp, Phẩm Gia chủ, Phần Tôn giả Anuruddha, Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.346.

[12] Thích Minh Châu (dịch) (2018), *Kinh Tăng Chi Bộ*, tập II, Chương Tám Pháp, Phẩm Gotamī, Phần Pháp tóm tắt, Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền,

Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.381-382.

[13] Thích Minh Châu (dịch) (2013), *Toát yếu Kinh Trung Bộ (Majjhima Nikāya)*, tập 1, Thích Nữ Trí Hải (tóm tắt & chú giải), Nxb. Hồng Đức, Hà Nội, tr.74-75.

[14] Gồm: *Kinh Trường Bộ (Dīgha Nikāya)*, *Kinh Trung Bộ (Majjhima Nikāya)*, *Kinh Tương Ưng Bộ (Samyutta Nikāya)*, *Kinh Tăng Chi Bộ (Anguttara Nikāya)* và *Kinh Tiểu Bộ (Khuddaka Nikāya)*. *Kinh Tiểu Bộ* gồm cả *Tạng Luật (Vinaya Pitaka)* và *Tạng Luận (Abhidhamma Pitaka)*.

[15] Thích Minh Châu (dịch) (2018), *Kinh Tăng Chi Bộ*, tập II, Chương Bảy Pháp, Phẩm Các Kinh không nhiếp, Phần Diệu Pháp, Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.286-287.

[16] Thích Minh Châu (dịch) (2018), *Kinh Tăng Chi Bộ*, tập II, Chương Bảy Pháp, Phẩm Tài sản, Phần Các sức mạnh tóm tắt, Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.174.

[17] Thích Minh Châu (dịch) (2018), *Kinh Trung Bộ*, tập II, Đại Kinh Bốn Mươi, Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.405.

[18] Thích Minh Châu (dịch) (2018), *Kinh Tương Ưng Bộ*, tập II, Kinh Ví Dụ Mặt Trời, Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, Nxb. Tôn giáo, tr.801-802.

[19] Thích Chơn Thiện (2009), *Phật học khái luận*, Nxb. Phương Đông, Hồ Chí Minh, tr.343.

[20] Thích Minh Châu (dịch) (2018), *Kinh Trung Bộ*, tập I, Kinh Tất Cả Lậu Hoặc, Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.25.

[21] Thích Hạnh Bình (2007), *Tìm hiểu giáo lý Phật giáo Nguyên Thủy*, Nxb. Phương Đông, tr.16-17.

[22] Thích Minh Châu (dịch) (2018), *Kinh Trường Bộ*, Kinh Đại Điện Tôn, Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.389.

[23] Thích Minh Châu (2004), *Đức Phật nhà đại giáo dục*, Nxb. Tôn Giáo, Hà Nội, tr.191-194.

[24] Thích Minh Châu (dịch) (2018), *Kinh Tăng Chi Bộ*, tập I, Chương Ba Pháp, Đại phẩm, Phần Các vị ở Kesaputta, Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.219.

[25] Thích Minh Châu (dịch) (2018), *Kinh Tương Ưng Bộ*, tập II, Kinh Sālā, Đại Tạng Kinh Việt Nam Nam Truyền, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, tr.633.

Nhẹ bước nhẹ về

Chiếu Tâm

Không ngại đường về bao cát bụi
Chỉ ngại tâm mình bụi ở trong
Không ngại đường về đầy khúc khuỷu
Chỉ ngại khúc khuỷu ở nơi lòng.

Không đứng ở góc nhìn chủ quan để ca ngợi con đường mình đã chọn. Bởi lẽ điều đó sẽ rơi vào đối đãi, thị phi, chơn vọng, ngã nhân... Điều mà tôi muốn chia sẻ ở đây chính là đời sống như thật mà tự thân đã và đang trải nghiệm.



Con đường mà người xưa gọi: “*Phát túc siêu phương, tâm hình dị tục*” là con đường tôi đã chọn. Với tôi, đó là điều đúng đắn nhất mà riêng tôi đã làm cho mình từ trước đến giờ. Nơi ngôi nhà của Bụt và Tăng thân, tôi tìm được chính mình; tìm được điều mà mình đã bỏ quên từ ngàn xưa.

Nếp sống áo nâu, trai tịnh không quá khó, cũng không quá dễ dàng. Nếu khó thì tại sao có người đã về

đến nơi; còn nếu dễ thì tại sao có kẻ không đi tới chốn? Riêng tôi đã bước, đang bước và sẽ bước, chỉ nguyện ước rằng được vững chí bền tâm để về đến “cố hương điền địa” của chính mình. Có thể nói, từ ngày rũ bỏ phong trần đến nay, tôi chưa bao giờ hối hận về phương hướng mà mình đã chọn. Tương lai như thế nào thì chẳng ai biết trước được, nhưng ngay bây giờ và nơi đây, chính tôi đang sống trong từng phút giây chánh niệm và an lạc.



Nguồn: internet

Cuộc sống mà chúng ta đang có là cuộc sống phong trần. Hễ phong trần thì không thể không có phiền não và tai ương. Nói điều này, để chúng ta ý thức rằng, đường đạo cũng lắm chông gai và trắc trở, chứ không bằng phẳng và được lót thảm đỏ để bạn và tôi bước. Bản thân tôi đã nếm trải niềm khổ đau, điều bất an, sự hụt hẫng, việc tổn thương, cơn giận dữ... của tha nhân và chính tôi tạo ra.

Nhìn chung, những gì ngoại cảnh tác động tới, tuy có xáo trộn và ru phiền nhưng còn dễ tháo gỡ hơn nội tâm ta đây khởi phiền não:

*Xin một lần buông xuống
Nghe đất trời thanh tân
Cõi lòng ta vô niệm
Bắt gặp lời chuông ngân.*

Và thế đấy, đã không ít lần tôi muốn chuyển hóa hoàn cảnh,

chuyển hóa tha nhân, với mục đích làm cho chung quanh vận hành theo ý chí của mình. Nhưng bạn biết không, tôi gặp nhiều chướng ngại và thất bại. Qua thời gian dài sống trong sự tỉnh thức tôi hiểu ra rằng, bỏ công để chuyển hóa tha nhân và hoàn cảnh chẳng bằng chuyển hóa chính mình. Nhiệm mầu thay, khi bắt đầu chuyển hướng, tôi cảm nhận được sự bình an; mọi thứ chừng như không còn chống trái và nghịch hành với tư duy - hành động của mình.

Cuộc sống trở nên hài hoà và nhẹ nhàng hơn:

*Rửa sạch đôi bàn tay
Đóa sen hồng thơm ngát
Rửa sạch tâm làm lạc
Tịnh độ chính nơi này.*

Đạt được Tịnh độ khi lòng mình tịnh, Niết bàn chỉ hiện khi tâm

ta an. Điều quan trọng là ta cố thật sự muốn trở về Tịnh độ và Niết bàn của chính mình hay không mà thôi. Ngày trước, tôi đánh mất sự bình an của mình, mãi chạy theo cái ảo ảnh và hư huyền của duyên trần. Bất hoà từ lời nói, bất ổn từ cử chỉ, bất an từ sự ganh tỵ với mọi người chung quanh. May thay, tôi kịp nhận ra đó không phải là thứ cần thiết và quan trọng trong đời sống của người con Phật, nên tôi đã dừng lại và buông xuống. Thật sự, khi dừng lại và buông xuống tôi liền bắt gặp mùa xuân, bắt gặp trăng thanh, bắt gặp gió mát... Và con đường tôi đi không còn là con đường cát bụi mà hóa thành con đường tràn ngập hương xuân. Tôi thênh thang nhẹ bước trên nẻo đường về. Đôi tay trở nên trong sạch, cõi lòng trở nên thanh thoi:

*Đôi bàn tay em đỏ
Vẫn sơ nguyên hình hài
Buổi bình minh đợi nắng
Nâng đỡ hạt sương mai.*

*Đôi bàn tay em đỏ
Như đóa hoa sen hồng
Kính dâng lên đức Phật
Hiểu rõ về sắc không.*

*Đôi bàn tay em đỏ
Xin chấp cánh cho đời
Mang về cho cuộc sống
Đóa mai vàng xinh tươi.*

Giờ đây, xin nguyện trọn đời này sống thật vẹn nguyên với con đường đã chọn, xin gạn lọc thân tâm và mang niềm tịnh lạc đến cho mình, cho tha nhân, cho người hữu duyên, cho cuộc sống này.



Nguyễn Minh Thuận



Bao ngày chân bước mãi mê!
Cuối năm con lại tìm về quê xưa
Thăm mái tranh đã bao mùa
Thăm hình bóng mẹ sớm trưa dài dẫu...

Rồi lòng chợt thấy quặn đau!
Khi nhìn tóc mẹ pha màu gió sương
Tháng ngày tần tảo ruộng nương...
Một đời ròn rên tình thương cao vơi

Con sao quên được một thời!
Vai mẹ nặng gánh giữa trời nắng trưa
Mẹ về công cả con mưa
Công niềm ao ước của đứa con khờ!

Đêm buồn vạt gió lượn lơ!
Lời ru mẹ hát âu ơ vi dẫu!
Con say trong giấc ngủ sâu
Để mẹ mòn mỏi canh thâu một mình

Chiều nay giữa buổi lặng thinh!
Nghe con gió đường chim chành thoảng qua
Con về vui với quê nhà
Cho xuân ấm áp chan hòa yêu thương.



Hướng đến kỷ niệm

40 NĂM
THÀNH LẬP GHPGVN



Bước khởi đầu

CÔNG CUỘC VẬN ĐỘNG THỐNG NHẤT PHẬT GIÁO VIỆT NAM (Kỳ 1)

HT. Thích Huệ Thông*

Nhân kỷ niệm 40 năm thành lập Giáo hội Phật giáo Việt Nam, Tạp chí Văn hóa Phật giáo trân trọng trích đăng các bài viết thuộc tác phẩm “Giáo hội Phật giáo Việt Nam: 40 năm hình thành và phát triển” của Hòa thượng Thích Huệ Thông. Các bài viết được sắp xếp và biên tập để cung cấp cho độc giả gần xa biết về những khó khăn, thách thức và nỗ lực không ngừng nghỉ của bao thế hệ Phật tử Việt Nam trong suốt nhiều năm, nhằm xây dựng, bảo vệ và phát triển Giáo hội Phật giáo Việt Nam.



Nguồn: Pixabay

1. KHÁI LƯỢC TÌNH HÌNH PHẬT GIÁO MIỀN NAM SAU NGÀY THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC

Sau ngày miền Nam giải phóng, đất nước hòa bình thống nhất, giang sơn nối liền một dải. Toàn dân tộc tập trung nguồn lực vào công cuộc tái thiết đất nước, hòa theo nhịp sống chung trong thời đại mới, chư Tăng Ni và quần chúng Phật tử tham gia lao động sản xuất, cải thiện môi trường, trồng cây gây rừng và tích cực tham gia công tác an sinh xã hội. Trong giai đoạn này, các bậc tôn Đức Tăng Ni tiếp tục đóng góp cho sự ổn định và duy trì các hoạt động Phật sự tại các tự viện trên cơ sở tuân thủ theo những quy định pháp luật hiện hành.

Khi nói đến bối cảnh Phật giáo Việt Nam sau ngày miền Nam giải phóng, thiết nghĩ chúng ta không thể không nhắc đến những hệ lụy do chính quyền Việt Nam Cộng hòa đã để lại trong lòng Phật giáo



Xe tăng Quân giải phóng tiến vào Dinh Độc Lập, trưa 30/4/75, kết thúc vẻ vang cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước.
Nguồn Ảnh: baotintuc.vn



Nguồn: internet



Việt Nam (giai đoạn từ năm 1954 đến năm 1975). Cùng với các chính sách cai trị tại miền Nam Việt Nam, ngay từ năm 1954, quân đội Mỹ đã tìm mọi cách đưa gần một triệu đồng bào miền Bắc di cư vào Nam, trong đó có hàng chục vạn tín đồ Phật giáo. Đồng thời lợi dụng, lôi kéo một bộ phận Tăng Ni làm hậu thuẫn cho ý đồ chính trị hòng lèo lái phong trào Phật giáo di cư, theo định hướng có lợi cho chánh quyền Sài Gòn. Đây cũng chính là một trong những tồn tại của chế độ Việt Nam Cộng hoà trong lòng Phật giáo sau ngày đất nước hòa bình thống nhất.

Mặt khác, tại miền Nam thời bấy giờ có rất nhiều Giáo hội, tổ chức Hội và hệ phái sinh hoạt một cách rời rạc, riêng lẻ. Đồng thời một số ít cá nhân trong các Giáo hội, tổ chức Hội và hệ phái đã từng tham gia các tổ chức, đảng phái của chế độ Việt Nam Cộng hoà chẳng hạn như tham gia đảng Dân Chủ hay tổ chức Nha Tuyên Ủy. Có những nhận thức dị biệt về công cuộc tái thiết xây dựng đất nước sau ngày giải phóng, nên vẫn còn mang tâm lý co cụm, lẩn tránh và nguy hiểm hơn, ẩn chứa trong đó là thái độ bất mãn, bất hợp tác, dù thành phần này không đáng kể nhưng cũng là vật cản nhất định trên bước đường Phật giáo Việt Nam tiến đến công cuộc thống nhất thành một mối.

Theo tài liệu lưu trữ tại Tổ đình Giác Lâm¹ thì tại Sài Gòn thời bấy giờ có đến hàng chục hệ phái tôn giáo có Văn phòng Trung ương đóng trên địa bàn thành phố Sài Gòn. Trong đó có Giáo hội Tăng già Nguyên thủy của Hòa thượng Thích Giới Nghiêm; Giáo hội Tăng già Nam Việt của Hòa thượng Trí Tịnh, Hòa thượng Thiện Hòa; Giáo hội Lục Hòa Phật Tử của Hòa thượng Minh Thành, Hòa thượng Thiện Hào; Giáo hội Lục Hòa Tăng của Hòa thượng Thiện Tông và Hòa thượng Thành Đạo; Giáo hội Thiền Tịnh Đạo Tráng của Hòa thượng Pháp Triều và Hòa thượng Minh Trực; Thiền Thai Thiền Tông Giáo Thiên Hữu Hội của Tổ Huệ Đăng; Hội Phật học Nam Việt của cư sĩ Chánh trí - Mai Thọ Truyền; Phật giáo Nguyên Thủy của Hòa thượng Bửu Chơn và cư sĩ Nguyễn Văn Điêu; Hội Tăng già Khất sĩ Việt Nam do ngài Minh Đăng Quang sáng lập.

Từ Hội Tăng già khất sĩ Việt Nam đã phát sinh thêm: Hệ phái Khất sĩ chùa Lộc Uyển (Quận 6); Hệ phái Khất sĩ Giác Nhiên tịnh xá Trung Tâm (Bình Thạnh); Hệ phái Ni giới Khất sĩ của Ni sư Huỳnh Liên ở tịnh xá Ngọc Phương; Giáo hội Cổ Sơn Môn của Sư Trí Hưng; Thiền Thai Giáo Quán Tông của Hòa thượng Đạt Pháp; Hội Tịnh Độ Tông Việt Nam của cư sĩ Đoàn Trung Còn ở số 145 đường Đề Thám; Tịnh Độ Cư sĩ Phật hội của Sư cụ Minh Trí; Giáo hội Hồng

Môn Minh Đạo của bà Hồng Tâm Trúc Lâm Nương và Thanh Quang; Giáo hội Phật giáo Hoa Tông của Hòa thượng Siêu Trần và Phước Quang; Giáo hội Tăng già Trung Việt của Hòa thượng Trí Thủ chùa Quảng Hương Già Lam; Giáo hội Tăng già Bắc Việt của Hòa thượng Tâm Giác chùa Vĩnh Nghiêm; Giáo hội Phật giáo Xã hội của Hòa thượng Trí Dũng chùa Nam Thiên Nhất Trụ (Thủ Đức); Giáo hội Phật giáo Việt Nam Trung phần của Thượng tọa Đức Tân; Hội Việt Nam Phật giáo Bắc Việt của cư sĩ Vũ Bảo Ninh; Ủy ban Liên hiệp thuần túy Phật giáo của Hòa thượng Nhựt Minh; Phật giáo Nam Tông của bà con Campuchia ở miền Nam có 500 ngôi chùa và trên 3 triệu tín đồ gồm các hệ phái: phái Maranikay của Thạch In, chùa Bồ Đề (288/34A Dương Bá Trạc); phái Thérévada của Kim Cang, trụ sở Trung ương đặt tại chùa Thérévada Trương Minh Giảng; phái Khemaranykay của Lâm Em, trụ sở Trung ương đặt tại chùa Chantaranikay số 164/235; Giáo phái Thérévada của Sơn Thái Nguyên; Môn đồ Phật Thầy Tây An thành lập các hệ phái: Phật giáo Tứ Ân Hiếu Nghĩa của Nguyễn Long Châu và Nguyễn Long Giao (Núi Tượng); Giáo hội Bửu Sơn Kỳ Hương của Nguyễn Tất Đắc; Phật giáo Hòa Hảo của Huỳnh Phú Sổ; Đạo Cao Đài cũng phân thành các phái: Mười hai phái của cụ Cao Triều Phát; phái Tây Ninh của Phạm Công Tắc; phái ông Ca ở Mỹ Tho; phái ông Trương ở Bến Tre; Phái ông Trung ở Tân An; Phái ông Chiêu ở Cần Thơ; Tôn giáo Hoàn Cầu của Lê Lộc Ba; Giáo hội Tin Lành Việt Nam, Giáo hội Thiên Chúa giáo; giáo phái người Ấn Độ ở Việt Nam; Ấn giáo chùa Ô Đê đường Tôn Thất Hiệp; Hồi giáo đường Thái Lập Thành; Phật giáo chùa Bà Đen đường Trương Định, đó là chưa kể đến các môi đạo phát sinh đặc biệt lạ thường như đạo Khoai, đạo Năm, đạo Dừa...

Ngoài những Giáo hội, tổ chức Hội và hệ phái Phật giáo được liệt kê trên đây, thời bấy giờ còn có các Giáo hội, tổ chức Hội và hệ phái khác cần phải kể đến, đó là Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, Giáo hội Phật giáo Cổ truyền Việt Nam, Giáo hội Tăng già Nguyên Thủy Việt Nam, Hội Đoàn kết sư sãi yêu nước Tây Nam Bộ, Giáo hội Tăng già Khất sĩ Việt Nam, Giáo hội Thiên Thai Giáo Quán Tông, Hội Phật học Nam Việt... Ở đây, người viết liệt kê những hệ phái môi đạo khá đầy đủ như vậy nhằm cho thấy tình hình tôn giáo hoạt động trong thời kỳ này đan xen dày đặc, quả là vô cùng phức

tạp... Trước tình hình này, ngay sau ngày giải phóng miền Nam, nhằm mục đích cùng với chính quyền, nhân dân ổn định trật tự kỷ cương để chung tay xây dựng đất nước phát triển giàu mạnh, chư Tôn đức giáo phẩm nặng lòng vì đạo pháp và dân tộc trong hệ thống Tăng già đã hướng đến việc thống nhất các Giáo hội, các tổ chức Hội và hệ phái Phật giáo thành một Giáo hội duy nhất mang tên Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

Sau ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, nhìn chung tình hình Phật giáo trong nước dần dần trở lại ổn định. Tuy nhiên trước những tồn tại như đã nêu, nếu mong muốn Phật giáo có được sự ổn định và phát triển bền vững, cũng như góp phần hiệu quả vào công cuộc tái thiết, xây dựng đất nước, thì điều kiện đầu tiên là cần phải thống nhất các Giáo hội, tổ chức Hội và hệ phái Phật giáo trong cả nước lại thành một mối duy nhất trên tinh thần lục hòa cộng trụ, thượng tôn pháp luật và nhất là được sự đồng thuận nhất trí cao của chư Tôn đức lãnh đạo các Giáo hội, tổ chức Hội và hệ phái Phật giáo trong cả nước. Trên đây là bối cảnh chung của đất nước và của Phật giáo sau ngày miền Nam giải phóng, từ những yêu cầu thực tế, từ trách nhiệm thiêng liêng cao cả của Tăng già giao phó, chư Tôn đức có tâm huyết với đạo pháp và dân tộc đã gấp rút tiến hành các hoạt động thiết thực để thống nhất các Giáo hội, tổ chức Hội và hệ phái Phật giáo trong cả nước, hình thành nên một Giáo hội duy nhất của Phật giáo Việt Nam trong thời đại mới.

2. NHỮNG NỖ LỰC TIỀN KHỞI TRONG CÔNG CUỘC VẬN ĐỘNG THỐNG NHẤT PHẬT GIÁO VIỆT NAM

Bước khởi đầu công cuộc vận động thống nhất Phật giáo Việt Nam đó chính là công tác vận động hiệp thương, đi đến Hội nghị thống nhất Phật giáo Việt Nam, nhằm mục đích hưng thịnh Phật giáo Việt Nam trong thời đại mới và góp phần xây dựng phát triển đất nước Việt Nam thân yêu. Có thể nói, đây là điều mà chư Tôn đức vốn nặng lòng vì đạo pháp và dân tộc luôn canh cánh trong lòng, cũng là điều mà toàn thể Tăng, Ni và Phật giáo đồ Việt Nam hằng mơ ước, hơn nữa đây không chỉ là điều bất khả, trần trụi của hầu hết các bậc tôn túc trong các Giáo hội, tổ chức Hội, các hệ phái Phật giáo thời bấy giờ, mà đây còn là tầm nhìn chiến lược, là trách nhiệm thiêng liêng của Phật giáo Việt Nam trước đạo pháp



Nguồn: Pixabay

và dân tộc trong thời đại. Và điều kỳ diệu là hoài bão, ước mơ này đã được trở thành hiện thực khi Giáo hội Phật giáo Việt Nam chính thức ra đời tại Hội nghị thống nhất Phật giáo Việt Nam tổ chức tại chùa Quán Sứ, thủ đô Hà Nội, vào ngày 7/11/1981.

Tuy nhiên, sự ra đời của Giáo hội Phật giáo Việt Nam vào ngày 7/11/1981, là cả một quá trình tích cực dần dần trong chuỗi hoạt động vận động hiệp thương rất trí tuệ và nhiều công sức của chư Tôn đức giáo phẩm trong các Giáo hội, tổ chức Hội và hệ phái Phật giáo trong cả nước. Trước khi nói đến công cuộc vận động thống nhất Phật giáo Việt Nam, trước hết chúng ta cần quay lại bối cảnh Phật giáo miền Bắc.

Tại miền Bắc, từ năm 1954 đến năm 1975, nhân dân và đồng bào Phật tử được sống trong cảnh tự do độc lập, tích cực tăng gia sản xuất, thanh niên tham gia chiến đấu góp phần giải phóng miền Nam, Bên cạnh đó, Tăng, Ni và Phật tử tại miền Bắc cũng tích cực tham gia lao động, một bộ phận thanh niên

Tăng lên đường nhập ngũ theo tiếng gọi của non sông, các hoạt động tại cơ sở tự viện vẫn hoạt động bình thường theo truyền thống sơn môn pháp phái. Nhân đây chúng tôi khái quát toàn cảnh tình hình Phật giáo miền Bắc, khoảng thời gian trước và sau năm 1945, tại miền Bắc, Hội Phật giáo Bắc Kỳ đã thành lập được các Ban Đồng ấu, Ban Thanh niên, Ban Phụ nữ, mãi đến tháng 10/1950, Hội Phật giáo Việt Nam Bắc Việt mới quyết định thành lập tổ chức Gia đình Phật hóa phổ Bắc Việt. Về các hoạt động yêu nước của Phật giáo miền Bắc trong khoảng thời gian này đã diễn ra một số sự kiện quan trọng, đó là sau ngày Cách mạng tháng 8 thành công đúng 9 ngày, vào ngày 28/8/1945, tại trụ sở Hội Khai Trí Tiến Đức (gần chùa Bà Đá) đã diễn ra một cuộc họp trọng thể với sự tham dự của trên 100 đại biểu Tăng, Ni, cư sĩ đại diện cho các sơn môn ở Hà Nội, Hà Đông, Hưng Yên, Hải Phòng... do Hòa thượng Thích Thanh Thao chủ trì, có các ông Nguyễn Lương Bằng, Hoàng Quốc Việt đại diện cho Mặt trận Việt Minh tham dự. Hội nghị Phật giáo đã nhiệt liệt hoan nghênh ủng hộ Việt Minh và đi đến quyết

định thành lập một tổ chức Phật giáo yêu nước lấy tên là Hội Phật giáo cứu quốc, Ban Chấp hành được bầu gồm 9 người do Hòa thượng Thích Thanh Thao làm Chủ tịch, Thượng tọa Thích Thanh Đặc và bác sĩ Nguyễn Hữu Thuyết là Phó Chủ tịch...

Sau đó hai ngày, vào ngày 30/8/1945, một tổ chức yêu nước của Phật giáo tại miền Bắc nữa cũng đã lần lượt ra đời, đó là Ủy ban nhân dân cách mạng Tăng già cứu quốc đoàn phủ bộ Thủy Nguyên, thuộc Đề tứ chiến khu, trụ sở đặt tại chùa Phương Mỹ, cách phủ lý Thủy Nguyên hai cây số. Các tổ chức Phật giáo yêu nước tại miền Bắc lúc bấy giờ ra đời đều cùng chung mục đích, đó là tham gia vào công cuộc cách mạng để cùng cố nền độc lập nước nhà, bài trừ hủ tục mê tín dị đoan, tham gia công tác hồng thập tự, làm công tác cứu tế và từ thiện... Từ những tổ chức yêu nước này, Phật giáo tại miền Bắc đã phát triển một đội ngũ Tăng sĩ yêu nước có tinh thần và trách nhiệm cao cả đối với đạo pháp và dân tộc, họ là những hạt nhân lãnh đạo các tổ chức Phật giáo tại miền Bắc được hình thành sau ngày Cách mạng tháng Tám...

Về mặt tổ chức, các cấp Giáo hội cơ sở trực thuộc Trung ương Giáo hội của Hội Phật giáo Bắc Kỳ, ban đầu gồm cấp tỉnh (thành), phủ (huyện), gọi chung là Ban Đại lý Hội Phật giáo. Từ năm 1950 đến năm 1951, các tổ chức Giáo hội cơ sở của Phật giáo ở miền Bắc, bên cạnh cấp tỉnh, thành, phủ, huyện, còn phát triển xuống đến cấp xã, phường, đều gọi chung là Chi hội Việt Nam Phật giáo. Thời bấy giờ, các tổ chức Giáo hội cơ sở tại miền Bắc thường sử dụng các ngôi chùa để làm trụ sở (hội quán) sinh hoạt cho các chi hội Phật giáo tại địa phương, những ngôi chùa này thường ổn định về kiến trúc cảnh quan, không gian thờ tự và đối tượng thờ tự.

Đến năm 1958, Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam được thành lập ở miền Bắc, do Hòa thượng Thích Trí Độ làm Hội trưởng (1958-1979), trong khoảng thời gian từ năm 1958 đến năm 1975, dưới sự lãnh đạo của Hòa thượng Thích Trí Độ, Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ ổn định và phát triển Phật giáo tại miền Bắc, phát huy vai trò hộ quốc an dân của Phật giáo và đóng góp đáng kể vào đời sống văn hóa và an sinh xã hội. Như vậy, tại miền Bắc từ năm 1958 đến năm 1975, toàn miền Bắc chỉ có một tổ chức

Giáo hội duy nhất, đó là Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam, chính vì vậy mà vấn đề vận động hiệp thương để đi đến đại hội thống nhất Phật giáo Việt Nam tại miền Bắc diễn ra rất thuận lợi khi được sự hưởng ứng, đồng thuận, nhất trí cao của chư Tôn đức giáo phẩm lãnh đạo Hội Phật giáo Thống nhất Việt Nam.

Tại miền Nam, tình hình Phật giáo chúng tôi đã khái quát trong mục “Bối cảnh Phật giáo Việt Nam sau ngày miền Nam giải phóng” trong đoạn này không đề cập chi tiết, mà chỉ xin trích dẫn lời của Hòa thượng Thích Hiện Pháp, Phó Ban Liên lạc Phật giáo yêu nước TP.HCM để tóm gọn những gian nan khó khăn ban đầu mà Ban Liên lạc Phật giáo yêu nước TP.HCM và Ban Liên lạc Phật giáo yêu nước của một số tỉnh lúc bấy giờ phải đối mặt trong quá trình công tác vận động thống nhất Phật giáo Việt Nam, đó là “đầy khó khăn và nhiều nghi ngại” bởi vì theo Ngài: “Một số vị ngỡ vực các thành viên của Ban Liên lạc, có những nơi mà khi đoàn đến, các vị đó đóng cửa không tiếp hay cố tình lánh mặt làm cho nhiệm vụ của Ban chậm đi một bước so với yêu cầu đề ra”².

Như vậy dễ thấy rằng, nếu công cuộc vận động hiệp thương nhằm mục đích thống nhất Phật giáo Việt Nam diễn ra khá thuận lợi tại miền Bắc, thì tại miền Nam, bước đầu cuộc vận động đã gặp không ít trở ngại, nếu như không có sự nỗ lực và tâm huyết của chư Tôn đức trong Ban Liên lạc Phật giáo yêu nước TP.HCM và nhất là được sự đồng thuận nhất trí cao của chư Tôn đức trong hàng giáo phẩm của các Giáo hội, tổ chức Hội và hệ phái khu vực phía Nam, đặc biệt là sự hưởng ứng ủng hộ của Tăng, Ni, Phật tử trong ngôi nhà Phật giáo Việt Nam.

(Tiếp theo kỳ 2: **Sự ra đời của Ban liên lạc Phật giáo yêu nước TP. Hồ Chí Minh**).

Chú thích:

* HT. Thích Huệ Thông - Phó Tổng Thư ký kiêm Chánh Văn phòng 2 Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

1. Lược sử đấu tranh của Phật giáo Nam kỳ - Sài Gòn Gia Định 1862-1975.

2. Trích lời phát biểu của Hòa thượng Thích Hiện Pháp - Phó Chủ tịch Ban Liên lạc Phật giáo yêu nước TP.HCM, đăng trong bài viết “Kỷ niệm 40 năm giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (30/04/1975 - 30/04/2015) - Bài 1: Phật giáo Sài Gòn - TP.HCM: Giai đoạn chuyển giao” trên báo Giác Ngộ Online do tác giả Bảo Thiên thực hiện.



Tinh thần bình đẳng TRONG PHẬT GIÁO

TT. Thích Phước Đạt*

Kể từ khi Đức Phật thành đạo và chuyển bánh xe pháp thì lý tưởng thực thi tinh thần bình đẳng giải thoát và bình đẳng xã hội đã bắt đầu thể nhập và dần dần lan toả không chỉ trong xã hội Ấn Độ cổ đại mà còn truyền bá khắp các nước trên con đường truyền bá Chánh pháp khắp mọi nơi. Đó vừa là thông điệp mang giá trị tối thượng thiêng liêng Phật giáo đóng góp cho nhân loại trên phương diện bình đẳng giải thoát tâm linh, vừa cống hiến cho nhân loại một tuyên ngôn bình đẳng xã hội trong việc thiết lập nền hạnh phúc nhân văn, nhân quyền mà bất cứ ai hiện hữu trên cõi đời đều mong chờ và hy vọng.



Đức Phật từng dạy rằng: “Ta ra đời vì lòng thương tưởng với đời và vì hạnh phúc của chư Thiên và loài người”, cũng chính Đức Phật tuyên bố rằng: “Cũng như nước biển chỉ có một vị là mặn, đạo của Như Lai cũng

có một vị là giải thoát”. Đây chính là cơ sở nền tảng để mỗi cá nhân tự giải thoát khổ đau cho chính mình và cộng đồng, xã hội thực thi lý tưởng xây dựng đời sống hạnh phúc, bình đẳng, dân chủ và tự do trong mọi thiết chế.

Và như thế từ ý niệm giải thoát, mới có khái niệm bình đẳng giải thoát, bình đẳng xã hội hay dân chủ, đoàn kết trong xã hội có sự phân chia giai cấp. Thực ra, giải thoát là khát vọng muôn thuở của con người trong mọi thời đại, mọi xã hội, chứ không riêng gì trong thời đại Đức Phật. Giải thoát, thường được hiểu là sự cỏi trói, giải phóng các ràng buộc, hệ lụy bức bách, khổ đau của đời người. Ý nghĩa giải thoát mà Đạo Phật thiết lập không chỉ mang nội dung bao quát về vấn đề giải thoát xiềng xích, mâu thuẫn đối kháng các giai tầng, giai cấp hay vấn đề cơm áo gạo tiền của sinh tồn mà còn là giải thoát khỏi sự thống khổ, nỗi đau sâu tận của sanh, già, bệnh, chết, của sanh tử luân hồi trong cái thế giới vô thường đầy biến động.

Chính Đức Phật được sinh ra và lớn lên trong một xã hội bị chi phối bởi giáo điều giải thoát của Bà-la-môn giáo. Một xã hội mà ý niệm giải thoát của Bà-la-môn giáo chỉ dành cho những người thuộc đẳng cấp đẳng cấp giáo sĩ và vương tướng thuộc Bà-la-môn và đẳng cấp Sát-đế-lỵ. Còn người thuộc đẳng cấp tiện dân Thủ-đà-la thì không có quyền nghe kinh, xem kinh Veda, nếu phạm thì bị cực hình. Kinh Veda là chân lý tuyệt đối, phải tin và phục tùng. Từ đó, việc tổ chức tế đàn cúng phước là điều tối thượng, mọi người kể cả vua chúa phải tôn sùng đẳng cấp Bà-la-môn như là đẳng cấp cao quý nhất trong xã hội, đẳng cấp có thể giao tiếp với thần linh, thậm chí có thể sai sử thần linh. Và như thế, ngay trong xã hội Ấn Độ cổ đại, ta thấy con người thành nô lệ của tế đàn của kinh Veda, thần linh và đẳng cấp Bà-la-môn.

Trong khi đó, Đức Phật tự thân trải nghiệm con đường giải thoát bằng sự tự thân tu tập, tự thân hành trì và tự thân chứng ngộ. Khi còn là thái tử Ngài đã từ giả ngai vàng điện ngọc, dẫn thân tiếp cận 4 cửa thành để nhận ra bốn hiện thực sống động của sinh già bệnh tử. Chính điều này làm Ngài quyết định thực hành cuộc đời tu hành của mình qua 6 năm khổ hạnh, 49 ngày đêm tư duy thiền định và thành Phật ngay giữa cõi đời này.

Đạo Phật là đạo đến để mà thấy, thấy mà trải nghiệm và tự thực chứng. Đức Phật từng tuyên bố trong nhiều bản kinh: *"Ta là Phật đã thành, chúng sinh là Phật sẽ thành"*. Giáo lý Ngài chứng ngộ dưới gốc cây Bồ đề là giáo lý Duyên khởi, con người và vạn pháp là do duyên sinh. Do nhân

Từ đây, Đạo Phật đi vào cuộc đời, đã mở ra cánh cửa giải thoát bình đẳng cho con người, đồng nghĩa nó có tác động vào xã hội về việc ý thức xây dựng một thiết chế xã hội bảo vệ quyền được sinh ra và quyền được mưu cầu về hạnh phúc, độc lập, tự do của con người trong chiều hướng thẳng tiến đi lên tất yếu của lịch sử. Cũng lý tưởng này, mà con người tự chuyển hoá chính mình và góp phần cải tạo thế giới xoay xung quanh môi trường sống của mình. Đạo Phật càng khẳng định không ai sinh ra phải bị xem là thành phần giai cấp nô lệ cho kẻ khác và cam chịu đóng khung khi bị áp bức phục tùng giai cấp thống trị. Chính Đức Phật chưa từng bao giờ tự xưng mình là đấng Sáng tạo hay đòi hỏi tín đồ phải tin và phục tùng mình như thần linh.



Người: phatgiao.org.vn

duyên sinh nên con người có vô số mối quan hệ, tương quan tương duyên. Cũng vì thế giáo lý của Đạo Phật khẳng định con người là chủ nhân của nghiệp, là người thừa kế nghiệp, ai nỗ lực tu hành, chuyển hoá nội tâm đều thành Phật. Tất cả mọi người sinh ra, lớn lên, trưởng thành, chết đi đều bình đẳng về mặt giải thoát, không phân biệt người đó thuộc giai cấp nào trong xã hội.

Đức Phật chỉ hiện thân là một con người, nhưng là một con người hoàn thiện, toàn bích nhờ công phu tu tập chứng ngộ. Và Ngài cũng chỉ cho con người nhận thức sự thật khổ đau và chỉ ra con đường giải thoát mọi khổ đau để trở thành có phẩm hạnh cao quý như Ngài. Trước khi nhập Niết Bàn, đức Phật đã di huấn cho Ananda rằng: *"Chắc chắn là sẽ*

có người nào đó nghĩ rằng, Ta sẽ lãnh đạo Tăng chúng, Tăng chúng sẽ phụ thuộc vào Ta, Ta sẽ có những chỉ thị để điều hành mọi vấn đề của Tăng chúng. Không, Như Lai không nghĩ rằng, Như Lai phải lãnh đạo Tăng chúng và Tăng chúng phải phụ thuộc vào Như Lai. Sao Như Lai lại có thể để lại những chỉ thị cho Tăng chúng. Vì vậy, này Ananda, hãy lấy chính mình làm ngọn đèn. Hãy lấy chính mình làm chỗ dựa cho mình. Hãy nắm vững chánh pháp như ngọn đèn, hãy nắm vững chánh pháp như một chỗ dựa. Hãy tìm chỗ dựa ở nơi chính mình, chớ không ở bất cứ người nào khác”.

Đó là giá trị nhân văn cao nhất trong ý niệm bình đẳng giải thoát, cũng là cơ sở thực thi lý tưởng bình đẳng xã hội của quyền làm người. Đó là đạo lộ thực hành nếp sống đạo đức hiền thiện, trau dồi phẩm hạnh theo năm giới, theo luật nghi, gia phong nếp nhà. Sự trau dồi nội tâm kiên định vững chãi trong ứng xử với các mối quan hệ của con người theo tinh thần “lục hoà”, chính là sáu sự hòa hợp, bao gồm mọi người cùng ở một trú xứ, cùng hưởng phúc lợi, cùng nói năng hòa hợp, cùng thực thi những nguyên tắc chung... Nhất là sự thăng tiến trí tuệ bừng sáng để mọi người cùng nhau đóng góp cho đời trên mọi phương diện lĩnh vực của thời đại. Vì lẽ đó, mọi người tự nỗ lực hoàn thiện chính mình, là góp phần công đức cho xã hội. Phật Thích Ca từng khuyến cáo các đệ tử: “*Các người phải tự tin ở bản thân các người, các người phải sống chân chính dựa vào bản thân nỗ lực của các người. Các người phải dựa vào bản thân*



các người để cuối cùng dứt bỏ hết được mọi tư tưởng vị kỷ, và nhờ đó đoạn trừ mọi đau khổ”...

Phật giáo được truyền bá vào Việt Nam từ đầu thế kỷ I sau Công nguyên, trong bối cảnh nước ta bị nhà Hán đô hộ với chủ trương đồng hoá dân tộc ta thành người Hán. Chính lý tưởng bình đẳng giải thoát của Đạo Phật đã hoà nhập vào tinh thần yêu nước, yêu độc lập, yêu tự chủ, yêu tự do của nhân dân ta. Tất cả đã tạo nên sức mạnh nội tại đoàn kết toàn dân mà không phân biệt đạo hay đời, tại gia hay xuất gia để tạo nên kỳ tích chấm dứt một nghìn năm phong kiến Trung Hoa đô hộ, để thiết lập một quốc gia Đại Việt hùng cường thời Lý – Trần từ đó về sau. Nói theo cách diễn đạt của

thiền sư Mâu Tử để giải quyết vấn đề này trong *Lý Hoặc Luận* vào thế kỷ II sau Công nguyên là: “*Ở trong nhà thì hiếu thảo với mẹ cha, ra ngoài xã hội thì yêu nước hộ dân, khi ngồi một mình thì phải biết tu thân*”.

Thực tế mỗi người dân Việt thực thi nếp sống đạo đức là thực thi thông điệp bình đẳng giải thoát, cũng là góp phần xây dựng tinh thần bình đẳng xã hội. Cuộc sống đạo đức hiền thiện của người dân hằng ngày sẽ dần dần đem lại sự định tâm, sự bình lặng và trong sáng của tâm thức, từ đó trí tuệ khai mở để giải quyết các vấn đề xã hội đặt ra, quốc gia yêu cầu, cá nhân con người mong chờ. Thiền sư Pháp Thuận đã cụ thể hoá tinh thần bình đẳng giải thoát và bình



đảng xã hội qua tuyên ngôn:
*“Quốc tộ như đằng lạc,
 Nam thiên lý thái bình,
 Vô vi cư điện các,
 Xử xử tức đao binh”*
*(Vận nước như dây mây leo quán quýt,
 Ở cõi trời Nam cảnh thái bình.
 Vô vi ở nơi cung điện,
 Khắp mọi nơi đều tắt hết đao binh).*

Còn vua Trần Thái Tông nghe theo lời khuyên của Quốc sư Trúc Lâm mà thực thi lý tưởng bình đẳng giải thoát thành Phật ở đời: *“Trong núi vốn không có Phật, Phật ở trong tâm. Lòng lặng mà biết, đó là Phật thật”*. Ông đã vừa làm vua, vừa làm Phật, vừa lãnh đạo toàn dân đoàn kết đánh tan đội quân Nguyên Mông xâm lược nước ta lần thứ nhất trong buổi đầu khai sáng sáng ra triều

đại nhà Trần. Bí quyết thành công vào thời đại nhà Trần là các nhà lãnh đạo quốc gia, cũng là lãnh Đạo Phật giáo Đại Việt đã biết đánh thức và cụ thể hoá tinh thần bình đẳng giải thoát Đạo Phật bằng tinh thần yêu nước là yêu đạo, yêu đạo là yêu khả năng chuyển hoá nội tâm tu tập của mỗi người để thành Phật ngay ở đời. Và như thế ai cũng phát huy khả năng tiềm ẩn thành Phật của mình, là thành con người tự chuyển hoá, tự hoàn thiện cao nhất để đóng góp cho đời và cho đạo dù là xuất gia hay tại gia. Đúng như vua Trần Thái Tông đã nói trong bài *Phổ khuyến Phát Bồ đề tâm* văn trong sách *Khoá Hư Lục*: *“Mạc vấn đại ẩn tiểu ẩn, bất câu tăng tục, xuất gia tại gia, chỉ yếu biện tâm...”* (Không kể là ở ẩn trên núi hay là giữa thị thành, không kể là tăng hay tục, là xuất gia hay tại gia, điều chủ yếu phải làm là biện tâm, tức là tu tập tâm, chuyển hoá tâm...).

Tinh thần này còn được các nhà lãnh đạo nhà Trần đẩy lên cao khi chủ trương Phật và chúng sinh là không khác. Trong bài *Phật tâm ca*, Thượng sĩ cũng khẳng định: *“Phật tức tâm, tâm tức Phật”*. Khi Trần Nhân Tông lên ngôi Hoàng đế, Ngài tiếp nối tinh thần bình đẳng giải thoát thực thi sức mạnh nội kết toàn dân, thể hiện qua hội nghị Diên Hồng để đi đến thắng lợi hoàn toàn, và hướng đến xây dựng quốc gia Đại Việt hùng cường bấy giờ. Quốc gia ấy chính là thế giới Phật quốc, là Tây phương Cực lạc ngay giữa cõi đời này mà Phật hoàng Trần Nhân Tông hướng đến trong tuyên ngôn *Cư trần lạc đạo phú*: *“Tịnh độ là lòng trong sạch, Chớ còn nghi ngờ đến Phương Tây”*,

*Di Đà là tịnh lặng soi,
 Mưa phải nhọc tìm về Cực lạc...”*.

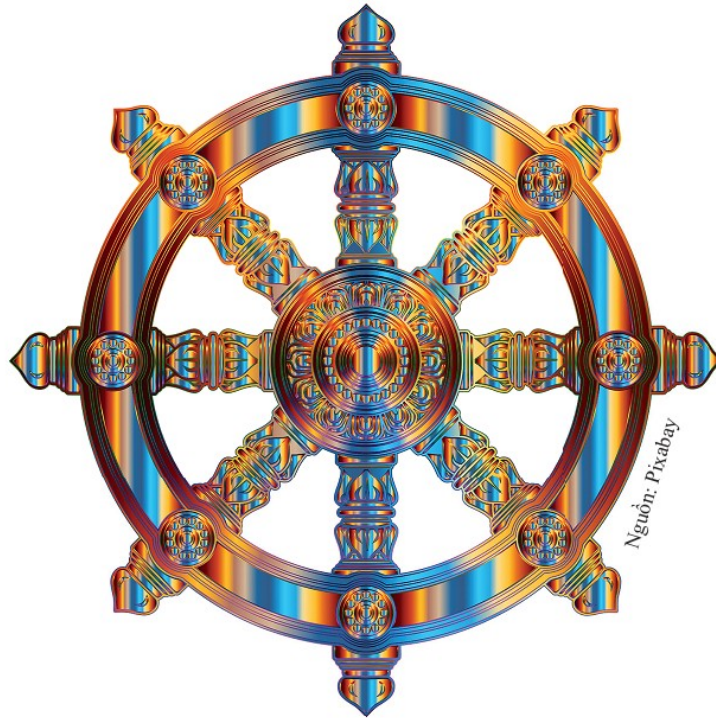
Tiếp nối tinh thần này, ngày nay đất nước ta đang trên đà hội nhập và phát triển. Phật giáo từ Việt Nam từ xưa đến nay bao giờ cũng đồng hành cùng dân tộc trong mọi thời đại. Sự hội nhập toàn cầu của đất nước cũng chính là sự hội nhập Phật giáo đối với cộng đồng xã hội, với các dân tộc, quốc gia thân hữu trong tinh thần:
*“Mỗi người mỗi nước, mỗi non.
 Khi vào cửa Phật, con chung một nhà”*.

Từ điểm nhìn này, dưới ánh sáng của Đạo Phật, tất cả mọi dân tộc cũng như mọi người đều bình đẳng về hạnh phúc, về tự do trong đời sống hiện hữu này. Bản kinh Diệu Pháp Liên Hoa là sự minh chứng cho lý tưởng giải thoát bình đẳng trong hiện thực hoá cuộc đời. Hình ảnh hoa sen đầu ở trong bùn, vươn lên từ trong bùn lầy, nở hoa tươi đẹp vô cùng. Nó minh chứng cho sự hợp nhất, sự quy hướng về Phật thừa duy nhất. Cũng vậy, mọi người, mọi thành phần xuất thân khác nhau trong xã hội cũng có thể sống trong nhà Phật, ăn cơm Phật, mặc áo Phật, làm việc Phật với cái tâm Phật thì sẽ có cuộc sống an lạc, hạnh phúc cho bản thân và cộng đồng. Đó chính là Diệu Pháp Liên Hoa mà Đạo Phật cung cấp cho chúng ta qua mọi thời đại. Hẳn nhiên thời đại 4.0 là thời đại kết nối toàn cầu, con người càng có thuận duyên quy hướng các giá trị về tinh thần bình đẳng giải thoát, bình đẳng xã hội mà Phật giáo đem lại.

* TT.TS Thích Phước Đạt - Ủy viên HĐTS, Phó ban kiêm Chánh Thư ký Ban Giáo dục Phật giáo Trung ương GHPGVN.

Tìm hiểu một số đặc điểm hoằng pháp của Đức Phật

và áp dụng những đặc điểm này trong công tác đào tạo giảng sư phía Bắc



ĐD. Thích Chánh Thuần

Bài viết tập trung nghiên cứu đặc điểm hoằng pháp của Đức Phật thông qua hệ thống kinh điển Nam truyền và Bắc truyền. Sau đó, rút ra những bài học áp dụng trong công tác đào tạo giảng sư phía Bắc. Kết quả nghiên cứu: sự nghiệp hoằng pháp của Đức Phật có 6 đặc điểm cơ bản; Phòng đào tạo Lớp giảng sư phía Bắc đã áp dụng một cách hợp lý các đặc điểm này và xây dựng thành 8 nguyên tắc đào tạo mang tính định hướng.

Trong những năm qua, công tác hoằng pháp và đào tạo giảng sư ở khu vực phía Nam và phía Bắc đã đạt được những thành tựu nhất định, đáng ghi nhận và khích lệ. Tuy nhiên, thông qua nhiều diễn đàn Phật giáo, theo đánh giá của chư Tôn đức nói chung: “Công tác hoằng pháp và đào tạo giảng sư của cả nước còn nhiều vấn đề tồn tại về mặt chủ quan và khách quan”.

Hệ lụy là Phật giáo đã và đang phải đối mặt với nhiều thách thức về sự thanh tịnh hòa hợp trong Tăng đoàn, sự lung lay và suy giảm niềm tin của xã hội đối với Phật giáo, mặt trái của dư luận truyền thông, sự xuống cấp một phần của đạo đức xã hội,... Để giải quyết



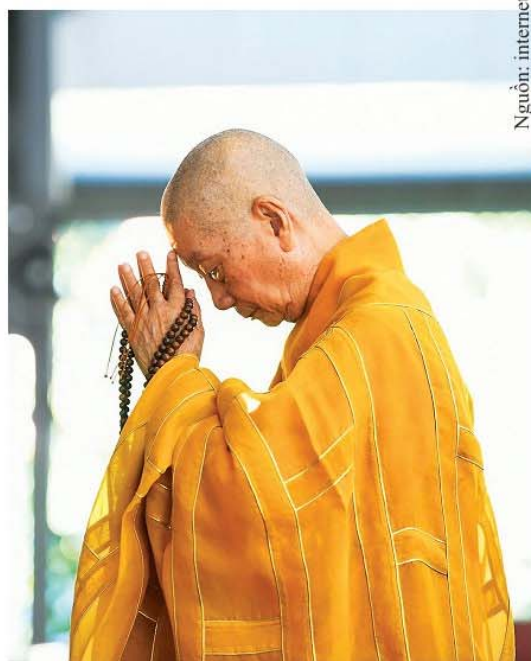
vấn đề này, ở góc độ lớp đào tạo giảng sư khu vực phía Bắc, bài viết tập trung nghiên cứu những đặc điểm hoằng pháp độ sinh cơ bản của Đức Phật thông qua hệ thống kinh điển Nam truyền và Bắc truyền, từ đó rút ra những bài học, áp dụng thực tế vào công tác đào tạo giảng sư tại Lớp đào tạo giảng sư khu vực phía Bắc, nhằm góp một phần nhỏ vào sự phát triển trong công tác hoằng pháp của Giáo hội nói chung và công tác đào tạo giảng sư nói riêng.

ĐẶC ĐIỂM HOẰNG PHÁP CỦA ĐỨC PHẬT

Cuộc đời phạm hạnh của Đức Phật vốn là một sự vĩ đại: Ngài thị hiện Đản sinh, Xuất gia, Thành đạo, chuyển bánh xe pháp đã mang lại nhiều giá trị cho con người về sự an lạc, giải thoát, hòa bình, tự do, bình đẳng, ... Để tôn vinh giá trị đạo đức, văn hóa, tư tưởng hòa bình, đoàn kết hữu nghị của Đức Phật, Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc đã lấy ngày Đức Phật Đản sinh, Thành đạo, Nhập Niết bàn làm ngày Lễ Vesak - lễ hội văn hóa, tôn giáo quốc tế của Liên Hợp Quốc (1). Trong sự nghiệp hoằng pháp lợi sinh, Đức Phật không chuyển bánh xe pháp bằng quyền năng phép thuật, mà Ngài dùng trí tuệ giác ngộ và những phương pháp Phật pháp. Nghiên cứu cho thấy, sự nghiệp hoằng pháp độ sinh của Đức Phật có sáu đặc điểm cơ bản dưới đây:

- Thứ nhất, Đức Phật dẫn thân vào cuộc đời hoằng pháp cứu độ chúng sinh

Hạnh nguyện lớn nhất của Đức Phật thị hiện ra đời chính là cứu độ chúng sinh: “Đức Phật ra đời là vì một nhân duyên lớn duy nhất là khai thị chúng sinh ngộ nhập tri kiến Phật” (2), Đức Phật đã nhiều lần khẳng định: “Một cách chân chính về Ta sẽ nói như sau: Là vị hữu tình không có si ám, sinh ra ở đời vì hạnh phúc cho muôn loài, vì an lạc cho muôn loài, vì lòng thương tưởng cho đời, vì lợi ích, vì hạnh phúc, vì an lạc cho loài Trời và loài Người”. Vì vậy, cuộc đời phạm hạnh của đức Phật xuất hiện trên thế gian này chỉ có hai mục đích chính: tự độ và độ tha. Sau khi thành đạo Đức Phật không nhập Niết Bàn ngay, mà trên đôi chân trần suốt 49



Nguồn: internet

năm, Ngài đi khắp các nẻo đường bắc Ấn Độ thực hiện sứ mệnh hoằng pháp, dẫn thân vào cuộc đời cứu độ chúng sinh. Minh chứng điều này, kinh Đại Điện Tôn dẫn: “*Này chư Thiện hữu ở Tam thập tam thiên các vị nghĩ thế nào? Như Lai dẫn thân vì hạnh phúc cho chúng sanh, vì an lạc cho chúng sanh, vì lòng thương tưởng cho đời, vì hạnh phúc vì an lạc cho loài Trời và loài Người*” (3).

- Thứ hai, Đức Phật dùng chính sự thực hành phạm hạnh của bản thân để giáo hóa chúng sinh (Hoằng pháp bằng thân giáo)

Đức Phật không chỉ dùng trí tuệ giác ngộ giáo hóa độ sinh mà Ngài còn dùng chính cuộc đời phạm hạnh của mình giáo hóa. Ngài Ưu Đà Di nói năm pháp tu tập thân giáo của Đức Phật, năm pháp gồm: “*Sa-môn Cù-dàm tri túc về thô y, lại khen ngợi tri túc về thô y; Sa-môn Cù-dàm tri túc về ăn uống đạm bạc, lại khen ngợi về tri túc đạm bạc;*



Nguồn: thuvienhoasen.org

Sa-môn Cù-đàm ăn ít, lại khen ngợi sự ăn ít; Sa-môn Cù-đàm tri túc về chỗ nghỉ ngơi và giường chõng thô sơ, lại khen ngợi tri túc về chỗ nghỉ ngơi và giường chõng thô sơ; Sa-môn Cù-đàm tinh tọa và ngợi khen tinh tọa” (4). Tuy nhiên, năm pháp này, chưa phải là sự rốt ráo về thân giáo. Cũng trong kinh này Đức Phật nói 5 pháp rốt ráo của thân giáo Như Lai: “Những gì là năm? Đây Ưu-đà-di, Ta có đệ tử do giới vô thượng, khen ngợi Ta rằng, ‘Thế Tôn có giới, đại giới, lời nói đúng theo việc làm, việc làm đúng theo lời nói’ (5). Điều này nói lên: Đức Phật tri hành hợp nhất - lời nói luôn đi đôi với việc làm, nghĩa là tất cả những gì Đức Phật dạy đệ tử, thì Ngài cũng tự mình thực hành những lời dạy đó. Vì vậy việc làm, hành động của Đức Phật là bài học thân giáo, là tấm gương, là khuôn mẫu để các đệ tử noi theo.

- Thứ ba, Đức Phật nói pháp có nhân duyên

Giáo lý căn bản của Đạo Phật là duyên khởi. Đức Phật giác ngộ giáo lý duyên khởi, nên khi nói pháp, Ngài đều căn cứ vào nhân, vào duyên để nói. Nói pháp có nhân duyên nghĩa là nói pháp có căn cứ, không phải vô căn cứ, nói pháp phù hợp với nhân duyên: “Lại nữa, Ưu-đà-di, Ta có đệ tử do vô thượng tri kiến, khen ngợi Ta rằng, ‘Thế Tôn biết khắp chứ không phải không biết; thấy khắp chứ không phải không thấy. Ngài nói pháp cho đệ tử có nhân chứ không phải không nhân, có duyên chứ không phải không duyên, có thể (giải) đáp chứ không phải không thể (giải) đáp, có thể xả ly chứ không phải không thể xả ly’ (6).

Từ quan điểm nói pháp có nhân duyên, trong kinh Thiện Pháp, Đức Phật khuyên các vị Tỷ kheo phạm hạnh, muốn tu tập và hoằng dương Phật pháp cần thành tựu bảy pháp: “Bấy giờ Đức Thế Tôn bảo các vị tỷ khiêu rằng: Nếu có Tỷ khiêu thành tựu bảy pháp tất được hoan hỷ an lạc trong pháp hiền thánh, thẳng tiến đến lậu tận. Bảy pháp đó là gì? Đó là biết pháp, biết nghĩa, biết thời, biết tiết độ, biết mình, biết chúng hội và biết sự hơn kém của người” (7). Bảy phương pháp Đức Phật dạy thể hiện trí tuệ vượt thời đại trong công tác hoằng pháp, giáo dục giảng dạy, vừa mang tính chất nguyên tắc, định hướng, vừa là công cụ, kỹ năng, thái độ cần thiết mà mỗi sư giả Như Lai cần phải hội đủ.

- Thứ tư, Đức Phật xây dựng Tăng đoàn hòa hợp, thanh tịnh

Phật pháp có được sương minh hay không phụ thuộc vào sự hòa hợp, thanh tịnh của Tăng đoàn. Khi Tăng đoàn hòa hợp thanh tịnh, không những khiến Phật pháp được hưng long mà còn khiến trời người được lợi lạc: “Một pháp xuất hiện ở đời khiến cho trời người an lạc, trời người được lợi. Một pháp đó là: Làm cho chúng Tăng hòa hợp, thì sau khi thân hoại mệnh chung sẽ sinh vào cõi Thiện, trên cõi trời, hoặc trong cõi người” (8). Vì thế, Đức Phật luôn hướng dẫn Tăng đoàn thực hành đời sống hòa hợp thanh tịnh, Ngài thường khuyên các vị tỷ kheo: “Không nghe từ người kia nói lại người này để phá hoại người kia. Chia rẽ thì làm cho hòa hợp, đã hòa hợp thì làm cho hoan hỷ. Không kết bè đảng, không vui theo bè đảng, không ca ngợi việc kết bè đảng” (9). Ngay cả khi



Nguồn: internet

Đức Phật không còn tại thế, Ngài vẫn di huấn Tăng đoàn phải hòa hợp thanh tịnh: “*Này A-nan, như vậy sau khi Ta khuất bóng, các con sống cộng đồng hòa hợp hoan hỷ không tranh chấp, cùng đồng nhất trong một tâm, cùng đồng nhất trong một giáo pháp, hòa hợp như nước với sữa, sống an lạc như lúc Ta còn tại thế*” (10).

- Thứ năm, Đức Phật thuyết pháp thiết thực với hiện tại, phù hợp, giải quyết được những vấn đề cuộc sống

Đức Phật thuyết pháp, chuyển bánh xe pháp, không ngoài mục đích giúp con người hết khổ được vui, giải quyết những vấn đề của cuộc sống, Ngài nói: “*Mục đích mà Ta thuyết giảng Chánh pháp là đưa người thực hành đến chỗ tận diệt khổ đau*” (11). Vì vậy, Đức Phật nói pháp lấy con người làm trung tâm, thiết thực trong hiện tại, giải quyết được vấn đề cuộc sống: “*Chánh pháp được Thế Tôn khéo léo thuyết giảng, thiết thực hiện tại, vượt ngoài thời gian, đến để mà thấy, luôn luôn hướng thượng, chỉ người có trí tuệ mình giác hiểu. Một vị giảng sư thuyết pháp hướng thượng như vậy, một vị Đạo sư đầy đủ đức tánh như vậy, chúng ta thật khó tìm thấy được trong quá khứ cũng như trong hiện tại, trừ Thế Tôn*” (12). Điều này không có nghĩa Đức Phật coi thường quá khứ và tương lai. Giáo lý Đức Phật thiết thực và chú trọng hiện tại, vì hiện tại có thể giải quyết được nghiệp của quá khứ và có thể mang lại kết quả tốt trong tương lai.

- Thứ sáu, Đức Phật bình đẳng trong giáo pháp và quan điểm, tư tưởng

Đức Phật luôn khẳng định tất cả chúng sanh đều có Phật tính. Ngài là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành. Trên tinh thần bình đẳng đó Đức Phật chỉ ra sự tác hại của việc phân chia đẳng cấp trong xã hội Ấn Độ bấy giờ. Ngài tuyên ngôn về tinh thần bình đẳng, về quyền con người. Trong giáo Pháp, Ngài luôn dạy “*đến để mà thấy*” - nghĩa là mục đích cao nhất của mọi người đến với Đạo Phật là để giác ngộ. Đức Phật không ép buộc, không bắt mọi người phải tin Phật. Ngài đề cao niềm tin, nhưng niềm tin được xếp thứ hai sau trí tuệ: “*Này các Tỷ-kheo, đối với ai mà lòng tin đối với Như Lai được an lập, căn cứ, an trú trên những dữ kiện, những văn cú, những văn tự như vậy, này các Tỷ-kheo, lòng tin như vậy được gọi là có dữ kiện đầy đủ, căn cứ trên (chánh) kiến, vững chắc, không thể bị phá hoại bởi một Sa-môn, Bà-la-môn*” (13). Như vậy, lòng tin Như Lai cần được xác lập có căn cứ trên chính kiến (cái nhìn trí tuệ chân chính). Điều đó có nghĩa, mọi người chỉ tin Phật khi có chính kiến, có căn cứ, ... chứ không phải cứ cái gì được gọi là kinh Phật, điều gì Tăng nói đều tin. Quan điểm này cũng thể hiện tinh thần tự do, bình đẳng về quan điểm tư tưởng của Đức Phật.

ỨNG DỤNG PHƯƠNG THỨC, ĐẶC ĐIỂM HOẰNG PHÁP CỦA ĐỨC PHẬT TRONG CÔNG TÁC ĐÀO TẠO GIẢNG SƯ TẠI LỚP ĐÀO TẠO GIẢNG SƯ KHU VỰC PHÍA BẮC

*** Lớp Đào tạo giảng sư khu vực phía Bắc**

Lớp Đào tạo giảng sư khu vực phía Bắc (Trực thuộc Phân Ban Đào tạo giảng sư - Ban hoằng



Nguồn: daophatkhatzi.vn

pháp Trung ương) có trụ sở tại chùa Vạn Phúc, xã Phú Lỗ, huyện Sóc Sơn (Hà Nội), là lớp đào tạo giảng sư đầu tiên ở phía Bắc và được khai giảng vào ngày 16/10/2018. Hiện tại lớp, có 85 Tăng ni giảng sinh từ 17 tỉnh thành khu vực phía Bắc theo học. Lớp học được thành lập với mong muốn nhằm đào tạo ra những vị Tăng ni giảng sinh có đầy đủ kiến thức Phật học, có năng lực, phạm hạnh, kiến thức, kỹ năng, phương pháp thuyết giảng vững vàng để phục vụ công tác hoằng pháp chung của giáo hội được tốt hơn.

*** Ứng dụng phương thức đặc điểm hoằng pháp của Đức Phật**

Trên cơ sở nghiên cứu những đặc điểm hoằng pháp của Đức Phật, những nghiên cứu chủ quan và khách quan khác nhau, cùng những định hướng của Chư Tôn đức Phân ban Đào tạo giảng sư, Phòng đào tạo đã xây dựng 8 nguyên tắc đào tạo mang tính định hướng, áp dụng nghiêm túc cho Lớp đào tạo giảng sư phía Bắc như sau:

- *Xây dựng, đảm bảo hình ảnh Tăng đoàn;*
- *Xây dựng, phát huy sức mạnh tập thể, sức mạnh Tăng đoàn dựa trên nền tảng tinh thần: Thanh tịnh, đoàn kết, hòa hợp, bình đẳng, dân chủ, lắng nghe, cầu thị, tôn trọng, chia sẻ, cống hiến, dấn thân, kỷ luật, kiên định, tinh tiến;*
- *Không chạy theo thị hiếu, chấp nhận ít tương tác, đảm bảo hình ảnh giảng sư, đảm bảo hình ảnh người xuất gia, đảm bảo uy nghi phép tắc người xuất gia;*
- *Ứng dụng toàn diện phương pháp hoằng pháp*

giáo dục của Đức Phật, kết hợp với các phương pháp giảng dạy đương đại, cụ thể định hướng này trong chương trình đào tạo và hệ thống giáo trình;

- *Xây dựng hệ thống, áp dụng toàn diện công nghệ thông tin trong công tác đào tạo, hoằng pháp, phù hợp với tinh thần giá trị Phật giáo.*
- *Xây dựng Tăng đoàn giảng sư đoàn kết, thanh tịnh, hòa hợp, cống hiến, dấn thân.*
- *Hướng đến xây dựng đội ngũ giảng sư cơ hữu từ nguồn tại chỗ.*

Có thể nói, sự nghiệp hoằng pháp của Đức Phật vốn bất khả tư nghị, không thể đánh giá hết được. Nhưng thông qua công tác nghiên cứu kinh điển Nam truyền và Bắc truyền, bài nghiên cứu nêu lên Sự nghiệp hoằng pháp của Đức Phật có 6 đặc điểm cơ bản. Phòng đào tạo Lớp đào tạo giảng sư khu vực phía Bắc đã nghiên cứu kỹ những đặc điểm này, kết hợp với các nghiên cứu tham khảo khác, áp dụng vào việc xây dựng 8 nguyên tắc mang tính chất định hướng trong công tác đào tạo giảng sư. Bước đầu của việc áp dụng này, đã mang lại những hiệu quả rõ rệt trong công tác đào tạo giảng dạy.

Chú thích:

- (1) Resolution passed by the general assembly: 54/115. International recognition of Vesak day at United Nations headquarters and other United Nations offices, 1999.
- (2) Hòa thượng Thích Trí Tịnh, Kinh Diệu Pháp Liên Hoa, Nxb Tôn Giáo năm 2000, tr.4.
- (3) HT. Minh Châu dịch, “Kinh Trung Bộ” tập 1, ‘Kinh Sợ hãi Khiếp Đám’, Viện NCPHVN ấn hành, 1992, tr.53.
- (4) HT. Minh Châu dịch, “Kinh Trường Bộ”, ‘Kinh Đại điển tôn, Viện NCPHVN ấn hành, 1992, tr.53.
- (5) HT. Tuệ Sĩ, Kinh Trung A Hàm, kinh Tiền Mao 207, Nxb Văn hóa Phương Đông năm 1992, tr.832-833.
- (6) HT. Tuệ Sĩ, Kinh Trung A Hàm, kinh Tiền Mao 207, Nxb Văn hóa Phương Đông năm 1992, tr.835
- (7) HT. Tuệ Sĩ, Kinh Trung A Hàm, kinh Tiền Mao 207, Nxb Văn hóa Phương Đông năm 1992, tr.835.
- (8) Thượng tọa Thích Hạnh Bình, Những vấn đề cốt lõi trong kinh Trung A Hàm, Nxb Hồng Đức năm 2018, tr.99.
- (9) Thích Phước Sơn dịch, Luật Ma Ha Tăng Kỳ quyển 11, Nxb Tôn Giáo năm 2008.
- (10) HT. Tuệ Sĩ, Kinh Trung A Hàm, Kinh Tương Tích Dự, Nxb Văn Hóa Phương Đông năm 1992, tr.259-260.
- (11) HT. Tuệ Sĩ, Kinh Trung A Hàm, Kinh Châu Na, Nxb Văn Hóa Phương Đông, năm 1992, tr.715-716.
- (12) HT Thích Minh Châu, Trường Bộ Kinh Tập 3, Kinh Ba Lê, tr.7.
- (13) HT Thích Minh Châu, Trường Bộ Kinh, Đại Điển Tôn, tr.228.



Nguồn: phatgiao.org.vn

GIÁO DỤC

GIÁ TRỊ CỐT LÕI CỦA PHẬT GIÁO

ĐD. Thích Nhuận Lạc

Hơn 25 thế kỷ trước, nơi cõi Bồ-đề, đức Thế Tôn vượt thắng nội ma ngoại chướng, chứng nghiệm giác ngộ, giải thoát. Từ đó, mở ra cho nhân loại một nguồn sáng chân lý, thiết lập nền giáo dục Phật giáo, mà Đức Phật là người thầy chỉ đường. Đó là một nền giáo dục nhân bản và trí tuệ, có lợi ích thiết thực cho con người và đưa con người đi vào chân lý do chính Đức Phật đã chứng nghiệm. Ngay từ thời điểm bánh xe pháp được chuyển, Phật giáo luôn lấy chúng sanh và cuộc đời làm đối tượng nhằm giải quyết nhu cầu giải thoát khổ đau cho nhân loại và tạo ảnh hưởng sâu rộng đối với xã hội loài người.





Nguồn: phatgiaio.org.vn

Hệ thống giáo lý của Phật giáo lưu truyền với nhiều tư tưởng nổi bật, trong đó quan niệm về giáo dục góp phần xây dựng con người và xã hội có một giá trị rất lớn. Với tính chất một nền giáo dục đa chiều, đa lĩnh vực, giáo dục Phật giáo đã mang đến cho nhân loại nhiều giá trị thiết thực, ứng dụng đầy đủ và toàn diện vào đời sống nhằm giải quyết những vấn đề xã hội. Giáo dục Phật giáo áp dụng năm nguyên tắc đạo đức để phát huy những điều thiện, loại bỏ bất thiện trong tâm thức, cải biến hành vi và suy nghĩ con người trở nên thánh thiện, hướng đến mục đích cuối cùng là giác ngộ giải thoát.

ĐẶC ĐIỂM GIÁO DỤC PHẬT GIÁO

Phù hợp chân lý: Tất cả hệ thống giáo lý mà Đức Phật đã giảng dạy đều nhằm mục đích hướng con người đến đời sống hạnh phúc, an lạc, hòa bình, thịnh vượng cho thế giới và giác ngộ giải thoát cho từng cá thể. Những lời dạy đó phù hợp với chân lý mà nhân

loại mong muốn hướng đến. Nền tảng giáo dục trong giáo lý Phật Đà luôn phù hợp với gốc rễ văn hóa con người dù ở bất cứ miền địa dư nào. Vì vậy, con người có thể dựa trên nền tảng chân lý Phật giáo mà áp dụng vào đời sống nhằm thay đổi tư tưởng cho đến cải biến xã hội. Như trong kinh Ca Diếp Sur từ hống có dạy: “*Sa môn Gotama rống tiếng rống con sư tử, rống ở giữa đại chúng, rống với tinh thần vô úy, có người hỏi Sa môn Gotama, Sa môn Gotama trả lời khi được hỏi, câu trả lời làm cho tâm người ta được thỏa mãn, người ta xem ý kiến của Sa môn Gotama đáng được nghe, sau khi được nghe, người ta tin tưởng, người ta biểu lộ lòng tin tưởng, người ta đạt đến chỗ như thực. Đạt đến chỗ như thực, người ta đem ra thực hành*” [1].

Nền giáo dục Phật giáo luôn quan tâm đến đời sống xã hội, giúp con người hoàn thiện nhân cách sống với đầy đủ các giá trị về trí tuệ và đạo đức, tiến đến một thế giới hòa

binh và hạnh phúc. Giáo dục toàn diện con người về việc cải thiện môi sinh, nhờ nuôi dưỡng lòng từ bi và nhận thức lý duyên sinh một cách sâu sắc, hóa giải cộng nghiệp của nhân loại để hướng đến việc kiến tạo một thế giới hòa bình và an lạc thực sự.

Phù hợp trình độ cá nhân: Đạo Phật ra đời đến nay đã trên 25 thế kỷ, nhưng những giá trị minh triết trong giáo lý vẫn còn nguyên giá trị. Nguồn tư tưởng giác ngộ giải thoát, tinh thần vô ngã vị tha mà Đức Phật đã tuyên thuyết vẫn ngày một thăng hoa trong đời sống nhân loại, nhờ sự giáo dục bài bản trên nền tảng Giới - Định - Tuệ.

Giáo lý Phật Đà mệnh mông vô tận, nhưng tùy hoàn cảnh, tùy nhân duyên mỗi người mà lời dạy Đức Phật trở thành một bài học thiết thực. Tùy theo sở tri và nhân duyên từng cá thể mà Đức Phật có phương pháp giáo dục cho phù hợp. Trong Kinh Ambattha Đức Phật dạy: “*Như người dựng đứng lại những gì đã bị quăng xuống, phơi bày ra những gì bị che kín, chỉ đường cho người bị lạc hướng, đem đèn sáng vào ở bóng tối để những ai có mắt có thể thấy sắc. Cũng vậy, chánh pháp được tôn giả Gotama dùng nhiều biện pháp trình bày, giải thích. Tôn giả Gotama, con, con của con, vợ của con, tùy tùng của con, bạn hữu của con xin quy y Thế Tôn Gotama, quy y Pháp và quy y chúng Tỳ kheo*” [2].

Trong giới luật cũng tùy phạm tùy chế để phù hợp với trình độ cá nhân. Giới luật của Phật vì vậy cũng mang một tính chất “biệt giải thoát”, tùy theo sự thực tập cũng như khả năng cá nhân của từng người mà thành tựu giải thoát khác nhau.



Nguồn: Pixabay

Có ý nghĩa thiết thực: Giáo lý Phật Đà không phải một học thuyết mơ hồ mà chứa đựng đầy đủ tính thực tiễn. Đức Phật thường từ chối trả lời các câu hỏi về những vấn đề siêu hình vì nó không mang lại lợi ích thiết thực trong sự tiến bộ tâm linh của con người. Ngài chỉ tuyên thuyết những điều cần thiết cho cuộc đời và con đường vượt thoát khổ đau: *“Đừng nghĩ về quá khứ, vì quá khứ không còn, đừng vọng tưởng tương lai, vì tương lai chưa tới, hãy quán chiếu sự sống, trong giây phút hiện tại”* [3]. Trong giáo dục Phật giáo, Đức Phật hướng đến giải quyết những vấn đề thực tế nơi bản thân con người, vì lợi ích chúng sanh.

Điều này cho thấy hệ thống giáo dục Phật giáo không lý luận suông, mà chú trọng phương thức đối trị để giải quyết vấn đề. Phật giáo quan niệm về hiện pháp lạc trú, nhìn nhận một cách trung dung về khổ đau. Như trong bài kệ thuộc phẩm *Cây lau* trích từ Tương Ưng Bộ kinh I: *“Không than việc đã*

qua, không mong việc sắp tới, sống ngay với hiện tại, do vậy sắc thù diệu. Do mong việc sắp tới, do than việc đã qua, nên kẻ ngu héo mòn, như lau xanh lìa cành”. Cần phải có đời sống hạnh phúc ngay trong hiện tại thông qua các pháp môn Đức Phật chỉ dạy tùy thuộc căn cơ mỗi người để thành tựu đạo đức đạt đến hạnh phúc ngay trong hiện tại, chứ không chấp chặt vào việc loại bỏ đau khổ tiêu cực.

Cũng như việc không chỉ hướng đến lợi ích thiết thực trong hiện tại mà còn mang giá trị thiết thực đến thời gian sau đó. *“Này các Tỷ kheo, ví như lạc, mật, thực tố và đường trộn lẫn với nhau. Rồi có người đi đến, bị bệnh kiết lỵ. Và có người nói với người ấy như sau: Này bạn, đây là lạc, mật, thực tố và đường trộn lẫn với nhau. Nếu bạn muốn, hãy uống. Trong khi uống, bạn sẽ thích thú về sắc, về hương, về vị. Sau khi uống người kia được an lạc. Này các Tỷ kheo, Ta nói pháp hành này giống như ví dụ ấy, tức là pháp hành hiện tại*

lạc, tương lai quả báo cũng lạc” [4]. Chính tính chất thiết thực đó làm nên một diện mạo giáo dục Phật giáo làm lợi ích cho nhân loại chứ không chỉ chú trọng vào việc truyền bá giáo lý tôn giáo hay huyền hoặc con người tin theo giáo lý một cách mù quáng.

Đầy đủ giá trị nhân bản: Giáo dục Phật giáo mang trên mình những giá trị nhân bản rất cao và trên nhiều phương diện. Bởi lẽ, giáo dục Phật giáo là nền giáo dục bình đẳng, tôn trọng nhân sinh đề cao tinh thần tự chủ, truyền đạt những giá trị tư tưởng tự do, hướng đến những giá trị hòa bình và kêu gọi trách nhiệm với tha nhân.

Theo quan niệm nhà Phật, tất cả chúng sanh đều có Phật tánh. Vì vậy, trên bình diện giáo dục, tính chất bình đẳng ấy vẫn được đề cao. Giáo dục Phật giáo không phân biệt giai cấp, giới tính, xuất thân. Tất cả mọi người, mọi loài đều có quyền nhận được sự giáo dục Phật giáo mà thực hành để

PHẬT GIÁO & THỜI ĐẠI

có thể giải thoát tự thân. Phật giáo không thừa nhận một tạo vật chủ, có khả năng sáng tạo ra thế giới cũng như con người. Vũ trụ luận cũng như nhân sinh quan Phật giáo phủ nhận thần quyền, thông qua *kinh Khởi thế nhân bốn* thuộc Trường bộ kinh, Phật giáo quan niệm về thế giới không có tạo vật chủ và không có thời điểm bắt đầu hình thành thế giới. Vì vậy theo quan điểm Phật giáo, con người là chủ thể của nghiệp, chính con người có quyền làm chủ bản thân và quyết định đời sống chính mình. Do đó, việc thụ hưởng giáo dục cũng như thực hiện các chức năng giáo dục con người có quyền tự chủ tuyệt đối.



Từ việc có được sự tự chủ của bản thân trong phạm trù giáo dục, Phật giáo hướng con người đến sự tự do trong tư duy mà không áp đặt. Con người cần xây dựng chánh kiến tự thân, như Đức Phật đã dạy dân Kālama: “*Này các Kālama, đừng để dẫn dắt bởi những báo cáo, hay bởi truyền thống, hay bởi tin đồn. Đừng để bị dẫn dắt bởi thẩm quyền kinh điển, hay lý luận suông, hay bởi suy lý, hay bởi sự xét đoán bề ngoài, hay bởi vì thích thú trong những lý luận, hay bởi những điều dường như có thể xảy ra, hay bởi ý nghĩa đây là bậc đạo sư của chúng ta. Nhưng này các Kālama, khi nào các ông biết chắc rằng những điều ấy là thiện, là tốt, hãy chấp nhận và theo chúng*” [5]. Khuyến khích tự do tư duy là một đặc tính rất nhân bản trong giáo dục Phật giáo.

Phật giáo là một tôn giáo hòa bình. Do đó, giáo dục của Phật giáo cũng mang đậm tính chất hòa bình và nhân sinh, mang trên mình một trách nhiệm đặc biệt với tha nhân. Từ khi còn tại thế, Đức Phật đã

từng dạy: “*Hỡi các Tỳ kheo! Như Lai đã được giải thoát khỏi mọi ràng buộc thế gian và xuất thế gian, các ông cũng vậy... Này các Tỳ kheo, hãy đi vì lợi lạc của nhiều người, vì hạnh phúc của số đông, vì lòng lân mẫn đối với thế gian, vì lợi lạc, vì hạnh phúc của trời và người. Các ông hãy đi, nhưng đừng đi hai người cùng một hướng, hãy đi mỗi người một ngã, hãy truyền bá chánh pháp. Này các Tỳ kheo, chánh pháp toàn thiện ở phần đầu, phần giữa cũng như phần cuối, cả trong ý tứ và lời văn. Hãy tuyên bố về cuộc sống toàn thiện và thanh tịnh... Chính Như Lai cũng đi, Như lai sẽ đi về hướng Uruvela ở Sanānigāma để hoằng dương giáo pháp. Hãy phát lên ngọn cờ của bậc thiện trí, hãy truyền dạy giáo pháp cao siêu, hãy mang lại sự tốt đẹp cho người khác; được vậy, là các ông đã hoàn tất nhiệm vụ*” [6]. Giáo dục Phật giáo luôn đặt trách nhiệm giáo dục tha nhân lên trên hết. Những giá trị giáo dục của Phật giáo không chỉ dành riêng cho tín đồ Phật giáo mà cho toàn

thể nhân loại thực tập hướng đến giải thoát khổ đau.

Hướng đến giải thoát: Giải thoát là một trong ba thắng đức của Phật. Giải thoát hoàn toàn là sự chung kết của Phật Đà, cũng là xu hướng chung của chúng sanh. Không những nhân loại mà loài nào cũng thế, vì đang trong mê lầm đau khổ nên đều có quan niệm lánh khổ tìm vui, mong cầu giải thoát. Vì vậy, người đời thường gọi Đạo Phật là đạo giải thoát chung cho chúng sanh. Đức Phật đã dạy: “*Này Potthapāda, những câu hỏi không thuộc về mục đích giải thoát, không thuộc về pháp, không thuộc căn bản của Phạm hạnh, không đưa đến yếm ly, đến ly tham, đến tịch diệt, đến tịch tĩnh, đến thắng trí, đến giác ngộ, đến Niết bàn. Vì vậy Ta không trả lời*” [7].

Bản hoài của Phật xuất thế là cốt dạy chúng sanh diệt bỏ mê lầm, giác ngộ chân lý, và đem an vui đến cho mọi loài. Ngài



không quan tâm đến sự khoái lạc huy hoàng của một đế vương, không dừng chân trong rừng khô hạn. Bao nhiêu nỗi vui đẹp ở những chỗ ấy đối với Ngài đều là cái vui trá hình, chưa phải là dứt hẳn được mê lầm, giải thoát ngoài vòng luân hồi sanh tử. Mục đích của người theo đạo Phật là sự giải thoát nên Phật giáo cần phải phát tâm hướng mạnh về giải thoát, thì sự tu hành mới càng lâu bền và mới đạt được con đường giải thoát. Đó không chỉ là sự giải thoát cho bản thân mà còn giải thoát cho nhân sinh.

NHỮNG GIÁ TRỊ CỦA GIÁO DỤC PHẬT GIÁO

Xây dựng con người: Giúp cá nhân giải thoát khỏi mọi xiềng xích bằng chính sự tu tập tự thân với phương châm của người Thầy “*Giương mẫu tốt hơn giáo huấn suông*”. Học tập là một tiến trình đưa đến tự nhận thức, như Đức Phật dạy: “*Này các Tỳ kheo, đối với ai mà nhận thức đối với Như Lai được an lập, căn cứ an trú*

trên những dữ kiện, những văn cú, những văn tự như vậy. Này các Tỳ kheo, nhận thức như vậy được gọi là có dữ kiện đầy đủ, căn cứ trên chánh kiến, vững chắc không thể bị phá hoại bởi một Sa môn, Bà la môn, chư Thiên, Māra, Phạm thiên hay bất cứ ai ở đời” [8].

Từ nhận thức đúng đắn, con người mới xây dựng cho mình một lộ trình tu tập, hình thành nên một tiến trình tự giải thoát và áp dụng vào kinh nghiệm tu tập của Tăng đoàn để xây dựng Tăng thân vững chãi. Có thể nói, hiểu biết là điều kiện cần thiết mà giáo dục có thể mang lại cho con người. Từ đó, con người mới có thể đạt được những giá trị chân, thiện, mỹ. Nói hiểu biết là điều kiện cần thì sự thực hành, rèn luyện của con người là điều kiện đủ. Hiểu biết mà không thực hành thì không đưa đến một giá trị nào trong đời sống. Khi đã đầy đủ hai yếu tố trên, con người tự nhiên sẽ hình thành những giá trị thánh thiện, diệt trừ bản ngã hướng tới an lạc, giải thoát tự thân. Vì vậy, Đức Phật khẳng định “*Này Udāyi, Ta thuyết giảng con đường tu hành cho các đệ tử. Và các đệ tử của Ta y cứ con đường tu hành này, sau khi đoạn tận các lậu hoặc, tự mình chứng ngộ với thắng trí, chứng đạt và an trú ngay trong hiện tại vô lậu tâm giải thoát, tuệ giải thoát*” [9].

Trong nền giáo dục tu viện Phật giáo, việc học không tách rời với việc làm. Người học dù là tu sĩ hay cư sĩ cũng phải thi hành một số nhiệm vụ khác nhau liên quan đến việc duy trì và bảo vệ tu viện. Trong hệ thống giáo dục Tây Tạng, Tăng sinh thực sự học thêm nghề mộc, nề, may và thêu bên cạnh các môn học phải thi

cử khác. Đó là nền giáo dục toàn diện mà Phật giáo hướng tới để xây dựng con người hoàn thiện về Đức dục, Trí dục và Thể dục. Nền giáo dục thuần túy nội điển Phật giáo có thể giúp con người hoàn thiện các giá trị đó. Nhưng trong xã hội hiện đại, Phật giáo không thể tách rời đời sống nên việc xây dựng con người không thể không giáo dục các yếu tố ngoại điển. Để từ đó tri thức về Đạo và Tục dung thông, là hành trang cần thiết xây dựng một con người toàn diện. Bản chất giáo dục Phật giáo mang trên mình những giá trị khai phóng rất cao, nên việc khuyến khích xây dựng con người toàn diện như vậy là thiết thực và nhân bản.

Góp phần cải thiện xã hội: Giáo dục Phật giáo xây dựng con người là hạt nhân của những tập thể nhỏ, từ đó tác động làm thay đổi bản chất xã hội. Như vậy từ việc xây dựng giá trị con người toàn diện, giáo dục Phật giáo khuyến khích xây dựng tập thể toàn diện đó là Tăng đoàn. Tăng đoàn là một tổ chức dân chủ phân quyền của những người cùng địa vị có thể thích nghi với mọi hoàn cảnh. Động cơ xuất phát từ một lý tưởng tiếp cận tương đồng với cả lợi ích cá nhân lẫn lòng vị tha, vượt qua mọi thử thách. Đó là tác nhân thay đổi hữu hiệu nhất một cộng đồng. Một cộng đồng lý tưởng mà trực tiếp ở đây là Tăng đoàn có giá trị hạt nhân nhằm xây dựng xã hội theo tinh thần Phật giáo.

Đáp ứng nhu cầu cho những người cư sĩ hộ trì Phật pháp, Tăng sĩ thường thực hiện các lễ nghi Phật giáo tại tư thất của quần chúng Phật tử để thắt chặt mối dây liên lạc với đời sống cộng đồng. Đồng thời việc giảng dạy cho lớp trẻ là

nhiệm vụ chung nhằm truyền bá kiến thức dân tộc cũng như truyền thụ văn học Phật giáo cho thanh thiếu niên. Để thực hiện nhiệm vụ đó bắt buộc Tăng đoàn phải thực sự vững mạnh. Một Tăng thân rệu rã thì không thể nào nhập thế, thực hiện sứ mệnh đem lại an vui hạnh phúc cho con người.

Từ con người được giáo dục toàn diện, cho đến xây dựng một cộng đồng những người được giáo dục toàn diện như vậy. Theo một tiến trình nhất định sẽ xây dựng được một xã hội lý tưởng. Muốn đạt được tiến trình ấy, Giáo dục Phật giáo cần phải có quá trình lâu dài, ngoài giáo dục tính chất nhân bản vốn có của Phật giáo, để đi vào xã hội không thể bỏ qua tinh thần dân tộc. Những giá trị của dân tộc là xúc tác để quá trình đi vào đời của Phật giáo thuận lợi hơn. Và để vượt ra khỏi biên giới một quốc gia thì cần phải xây dựng nên một nền giáo dục khai phóng, đưa con người phát triển lên, tầm cao mới. Có như vậy một nền giáo dục Phật giáo mới có thể đủ sức thay đổi diện mạo xã hội, phát huy trọn vẹn tinh thần Phật giáo trong đời sống con người.

Có thể nói, giáo dục Phật giáo đề cao phẩm hạnh trí tuệ, tức phẩm hạnh được hình thành thông qua giáo dục bên cạnh phẩm hạnh luân lý hình thành qua hoạt động thường nhật. Với Phật giáo, việc giáo dục luôn được đề cao, như trong kinh Kiền Cối, Đức Phật khẳng định: “Này Kevaddha, thế nào là giáo hóa thần thông? Ở đời có Tỷ-kheo giáo hóa như sau: Hãy suy tư như thế này, chớ có suy tư như thế kia; hãy tác ý như thế này, chớ có tác ý như thế kia; hãy trừ bỏ điều này, hãy chứng đạt

và an trú điều kia. Này Kevaddha, như vậy gọi là giáo hóa thần thông”[10.] Phật giáo quan niệm việc giáo dục như một sự mẫu nhiệm, là sự giáo hóa thần thông kỳ diệu nhất, có thể cải biến con người. Theo các quan niệm đạo đức học chính việc giáo dục góp phần rất lớn cho việc hình thành nhân cách đạo đức của con người.

Vai trò giáo dục là không thể khinh nhẹ, giáo dục là hoạt động định hướng, làm giáo dục không tốt là một tai hại lớn hủy diệt cả một thế hệ. Giáo dục Phật giáo cũng không nằm ngoài quy luật đó, chính vì đó là một sự thần kỳ, một cách giáo hóa mẫu nhiệm nên không được phép chủ quan. Dạy và học là mạch sống của Phật giáo, giáo dục Phật giáo không tốt chính là tự làm suy giảm mạng mạch Phật pháp. Muốn Phật pháp trường tồn thì phải xây dựng một nền giáo dục Phật giáo vững chắc. Trước và trên hết phải giáo dục Tăng Ni bài bản, xây dựng con người toàn diện để làm sứ giả Như Lai. Từ đó mới tiếp tục đặt vấn đề lan tỏa giáo dục Phật giáo ra bên ngoài bốn bức tường tự viện. Không có con người giáo dục toàn diện làm nền tảng thì không thể nói chuyện viễn vông về xây dựng một xã hội theo tinh thần Phật giáo.

Do đó, giáo dục Phật giáo hiện đại cần phải đúc kết những giá trị tinh hoa trong Tam tạng để làm cốt lõi. Những giá trị đó là nền tảng căn bản xây dựng nên một đường hướng giáo dục nhân bản là tiên quyết. Thử đến cần phải dựa trên đó, áp dụng vào nền tảng bản xứ xây dựng nên những giá trị dân tộc. Cuối cùng cần phải vận dụng cho phù hợp

với thời đại nhằm thành tựu các giá trị khai phóng cho giáo dục Phật giáo. Xây dựng nên ba triết lý giáo dục đó là cơ sở để hình thành nên một nền giáo dục Phật giáo hiện đại có giá trị cao để xây dựng con người và xã hội.

Chú thích:

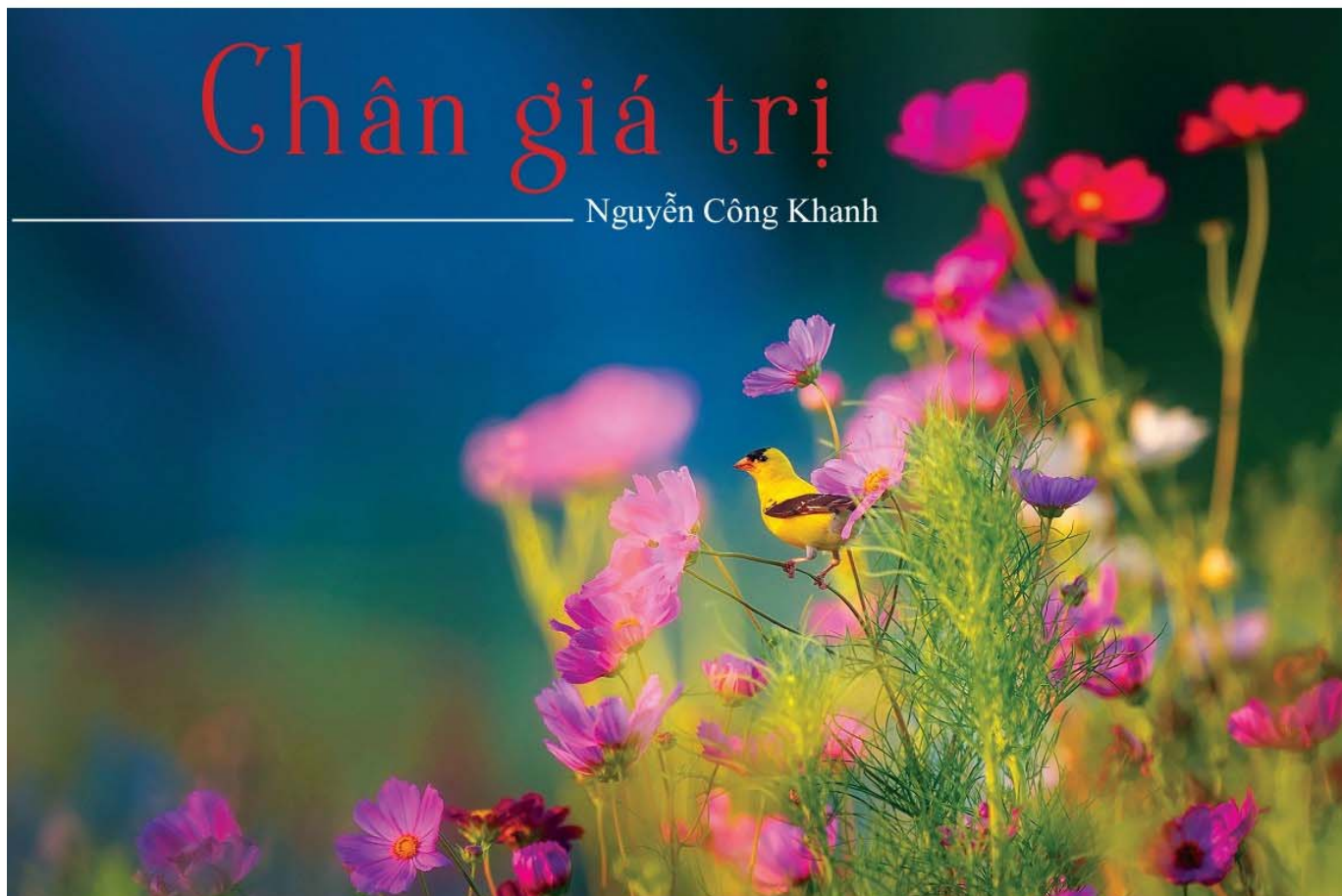
- [1] HT. Thích Minh Châu (2013), *Kinh Trường bộ*, Kinh Ca Diếp Sư tử hống D.08, Nxb Tôn giáo, tr.168.
- [2] HT. Thích Minh Châu (2013), *Kinh Trường bộ*, Kinh Ambattha D.03, Nxb Tôn giáo, tr.107.
- [3] HT. Thích Minh Châu (2012), *Kinh Trung bộ*, Tập II, Kinh nhất dạ hiền giả M.131, Nxb Tôn giáo, tr.543.
- [4] HT. Thích Minh Châu (2015), *Kinh Trung bộ*, Tập I, Kinh Pháp hành M.46, Nxb Tôn giáo, tr.387.
- [5] HT. Thích Minh Châu (2012), *Kinh Tăng chi bộ*, Tập I, Kinh Kalama A.131, Nxb Tôn giáo, tr.543.
- [6] TK Indacanda Nguyệt Thiên dịch (2006) *Vinaya Pitaka*, Đại phẩm I, BCC, tr.238.
- [7] HT. Thích Minh Châu (2013), *Kinh Trường bộ*, Kinh Potthapāda D.09, Nxb Tôn giáo, tr.173.
- [8] HT. Thích Minh Châu (2015), *Kinh Trung bộ*, Tập I, Kinh Tư sát M.47, Nxb Tôn giáo, tr.392.
- [9] HT. Thích Minh Châu (2012), *Kinh Trung bộ*, Tập II, Kinh Sakuludāyī M.77, Nxb Tôn giáo, tr.48.
- [10] HT. Thích Minh Châu (2013), *Kinh Trường bộ*, Kinh Kevaddha D.11, Nxb Tôn giáo, tr.193.

Tài liệu tham khảo:

1. HT. Thích Minh Châu (2012), *Kinh Trung bộ*, Tập II, Nxb Tôn giáo.
2. HT. Thích Minh Châu (2012), *Kinh Tăng chi bộ*, Tập I, Nxb Tôn giáo.
3. HT. Thích Minh Châu (2013), *Kinh Trường bộ*, Nxb Tôn giáo.
4. HT. Thích Minh Châu (2014), *Kinh Tương Ưng bộ*, Tập II, Nxb Tôn giáo.
5. HT. Thích Minh Châu (2015), *Kinh Trung bộ*, Tập I, Nxb Tôn giáo.
6. TK Indacanda Nguyệt Thiên dịch (2006) *Vinaya Pitaka*, Đại phẩm I, BCC.
7. *Kinh Trường A Hàm*, Tập I, Nxb Hồng Đức.
8. *Kinh Trung A Hàm*, Tập I, Nxb Hồng Đức.

Chân giá trị

Nguyễn Công Khanh



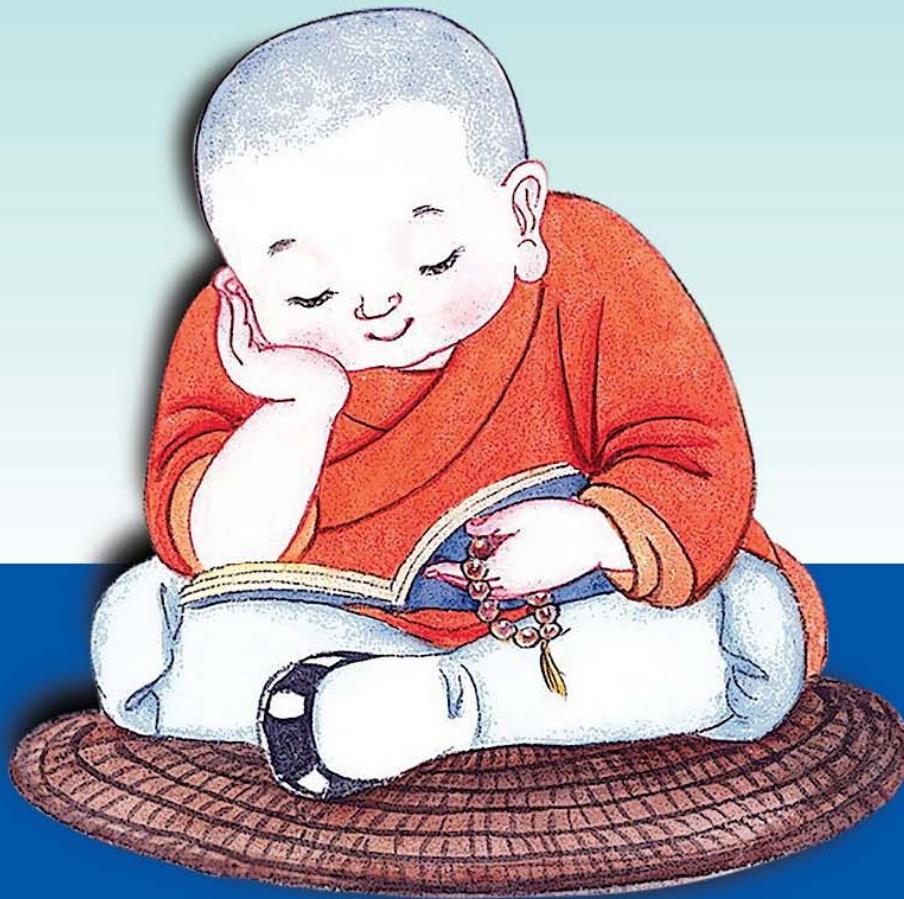
Nhang trầm
Hương mãi thơm dai
Hạnh người nhân đức
Luôn hoài
Lưu danh!

Hạt quý
Sanh trái ngọt lành
Dòng đời quy luật
Ngọn ngành
Từ đây...



PHẬT GIÁO

VĂN HÓA & ĐỜI SỐNG



Nguồn: gdpthienhoa3.wordpress.com



Dấu ấn Phật giáo trong
truyền dân gian gắn với

Lễ hội Chol Chnăm Thmây

Trần Thanh Tuấn*

CỦA NGƯỜI KHMER NAM BỘ



Người Khmer Nam Bộ có nền văn hóa hết sức đa dạng mà trong đó lễ hội Chol Chnăm Thmây là nét văn hóa truyền thống vô cùng đặc sắc. Giống như tết Nguyên Đán của người Kinh, Chol Chnăm Thmây là lễ hội đánh dấu khởi đầu năm mới của người Khmer. Trong lễ hội có lễ rước đại lịch (Mahasangkran) được tổ chức vào ngày đầu tiên của lễ Chol Chnăm Thmây, tức ngày 13 Khe chét (ngày 13/4 Dương lịch) theo lịch đồng bào Khmer.

Mỗi hạt cát do tin đổ đắp lên thành núi sẽ giải thoát được một kẻ có tội ở thế gian. Vì thế, người Khmer rất hăng hái đắp núi cát, để mong Đức Phật thấy sự khổ cực của mình mà ban phước lành cho.



Nguồn: Vinacult.vn

Theo quan niệm đồng bào Khmer, tháng Tư là điểm giao thời giữa mùa nắng và mưa. Cỏ cây trở lại tươi tốt và thiên nhiên trở dậy sức sống. Chính sự thay đổi, bừng lên của thiên nhiên được mọi người quan niệm như sự khởi đầu của năm mới. Việc tổ chức lễ Chôl Chnăm Thmây xuất phát từ mục đích cầu xin mùa khô qua mau, để bắt đầu mùa vụ mới.

NHỮNG TRUYỆN DÂN GIAN LIÊN QUAN ĐẾN LỄ HỘI CHÔL CHNĂM THMĂY

Theo Sơn Phước Hoan và Sơn Ngọc Cang (trong Chuyện kể Khmer - NXB Giáo dục, 1995), nguồn gốc hình thành lễ rước Đại lịch, lễ tổng tiễn năm cũ và chào đón năm mới được giải thích

bằng câu chuyện huyền thoại về sự thắng thế của Phật giáo trước Bà La Môn. Chuyện kể rằng, ngày xưa có một cậu bé tên là Thommabal rất thông minh. Bảy tuổi đã đem sự hiểu biết của mình truyền bá cho mọi người, dân chúng rất thần phục và thích nghe cậu thuyết giảng. Tiếng đồn về tài trí của Thommabal chẳng mấy chốc vang đến thượng giới. Các vị thần cũng xuống trần gian nghe Thommabal thuyết giảng. Do vậy, những buổi thuyết giảng của thần Kabul Maha Prum trên thượng giới ngày càng vắng vẻ.

Thần Kabul Maha Prum vốn rất có uy trên thượng giới. Nay nghe ở trần gian có kẻ hơn mình, thần tức giận. Thần gọi hết các thiên

thần trở về, không cho xuống trần gian nghe thuyết giảng và tìm cách hãm hại Thommabal. Thần đặt ra ba câu hỏi và bắt Thommabal trả lời trong vòng bảy ngày.

- Câu thứ nhất: Buổi sáng cái duyên con người ở đâu?
- Câu thứ hai: Buổi trưa cái duyên con người ở đâu?
- Câu thứ ba: Buổi tối cái duyên con người ở đâu?

Thommabal suy nghĩ suốt ngày đêm vẫn không tìm được lời giải. Đến ngày thứ sáu, chàng đi lang thang một mệt mỏi, thất vọng, ngồi nghỉ dưới cây thốt nốt, tình cờ nghe được lời giải từ hai con chim đại bàng. Đúng hẹn, thần Kabul Maha Prum tay cầm gươm vàng, đáp xuống gặp Thommabal. Chàng trả lời đúng câu hỏi của thần Kabul Maha Prum:

- Sáng, duyên của con người ở trên mặt, nên ngủ dậy người ta phải rửa mặt cho tươi tỉnh.
- Trưa, duyên con người ở trên ngực, nên người ta phải tắm cho mát.
- Tối, duyên con người ở dưới chân, nên người ta rửa chân trước khi đi ngủ.

Thua cuộc, thần tự cắt đầu mình, tự sát. Trước khi cắt, thần căn dặn những người con gái của thần hãy để đầu thần trên một khay vàng và đặt tại tháp trên núi Pre sô me.



Nguồn: Laodong.vn

Bởi, nếu để đầu người rơi xuống biển, biển sẽ cạn, nếu để đầu người trên không thì trời không mưa, nếu để đầu xuống đất, thì đất sẽ khô cằn, cỏ cây không mọc được. Từ đó về sau, hàng năm cứ đến ngày thần tự sát, bảy cô gái xuống trần gian, vào tháp, bưng mâm đầu của cha lên núi, rồi đi vòng quanh chân núi ba lần theo hướng mặt trời mọc. Đó chính là ngày vào năm mới (Chôl Chnăm Thmây) của người Khmer.

SỰ TÍCH ĐẮP NÚI CÁT TRONG LỄ HỘI CHÔL CHNĂM THMÂY

Trong lễ hội Chôl Chnăm Thmây còn có lễ tục gọi là tục đắp núi cát. Trong văn học dân gian có nhiều câu chuyện liên quan đến

Sự tích đắp núi cát.

Ngày xưa, theo quan niệm của Bà La Môn giáo, người Khmer đắp chín núi, một núi ở giữa là núi Tudi gọi là trung tâm của thế giới, tám núi xung quanh theo bốn phương tám hướng của vũ trụ, tượng trưng cho tất cả các đại sơn của khoa thiên văn Ấn Độ. Đến khi Phật giáo du nhập vào Việt Nam, nguồn gốc của lễ đắp núi cát trong những ngày lễ Chôl Chnăm Thmây được giải thích bằng câu chuyện liên quan đến Phật giáo: Núi cát tượng trưng cho ngôi tháp ở tầng trời thứ ba, nơi cất giữ tóc của Thái tử Tất Đạt Đa lúc ngài bỏ nhà đi tìm thầy học đạo. Mỗi hạt cát do tín đồ đắp lên thành núi sẽ giải thoát được một kẻ có tội ở thế gian. Vì thế, người Khmer

rất hăng hái đắp núi cát, để mong Đức Phật thấy sự khổ cực của mình mà ban phước lành cho. Người Khmer còn gọi lễ đắp núi cát là “phúc duyên đắp núi cát” (Anisoong pun phnum khsách).

Lễ này còn được giải thích bằng một câu chuyện khác cũng liên quan đến Phật giáo: Chuyện kể về một người làm nghề săn bắt, từ trẻ đến già đã giết hại quá nhiều muông thú, nhưng ông được một nhà sư hướng dẫn tích phước bằng cách đắp nhiều núi cát trong một ngôi chùa gần nơi ông ở.

Về già, ông thường xuyên đau ốm, do bị ám ảnh bởi bảy thú vây quanh hành hung, đòi nợ oan nghiệt. Nhờ ông đã tích phước

*Tết Chôl Chnăm Thmây là dịp để Phật tử
thể hiện tâm niệm của mình với Đức Phật,
với ông bà cha mẹ.*

trong việc đắp nhiều núi cát, ông tỉnh táo bảo bọn muông thú hãy đếm hết những hạt cát từ núi mà ông đã đắp, trước khi đến đòi nợ ông. Bọn thú đồng ý, chúng cùng nhau đi đếm, nhưng không tài nào đếm hết, chán ngán, chúng bỏ đi và người thợ săn hết bệnh. Từ đó, ông cố gắng tích đức bằng cách làm việc thiện cho đến khi chết được lên thiên đàng.

Ngoài các nguồn gốc trên, ở Sóc Trăng còn lưu truyền một truyền thuyết giải thích nguồn gốc ra đời của lễ đắp núi cát. Truyền thuyết kể rằng: ngày xưa, con người vốn ăn thịt và sát sinh nhiều thú vật. Cho nên có những con thú lên trời thưa với Đế Thích. Đế Thích bèn gọi con người lên hỏi tội. Con người chọn ra một người đại diện, rất thông minh lên Trời để trả lời những câu hỏi của Đế Thích.

Đế Thích thấy phù hợp, ông khuyên bảo bầy thú và bầy thú không dám thưa kiện nữa. Đế Thích cũng khuyên bảo con người: nếu con người do sinh tồn phải làm nhiều chuyện sát sinh mà muốn trở thành người tốt, có sức khỏe để làm nhiều việc thiện lành thì mỗi năm phải đắp núi cát một lần. Núi cát là để giảm trừ đi quả báo của con người, để cầu siêu cho những linh hồn mà mình đã sát sinh và xin phước báu cho chính người đắp, mỗi hạt cát được đắp là một điều phước cho con người.



Nguồn: Internet

Núi cát có rất nhiều hạt cát, cho nên càng đắp được nhiều núi cát thì càng tích được nhiều phước cho bản thân, rửa được những tội lỗi đã gây nên. Đắp núi cát là phải thành tâm, thành ý, đắp bằng cả tấm lòng của mình thì mới mong xóa được những tội lỗi đã gây nên.

**DẤU ẤN PHẬT GIÁO TRONG
TRUYỀN DÂN GIAN GẮN
VỚI LỄ HỘI CHÔL CHNĂM
THMÂY CỦA NGƯỜI
KHMER NAM BỘ**

***Mô típ ra câu đố, trả lời câu đố
và sự thắng thế của Phật Giáo:***

Sự tích Chôl Chnăm Thmây có ý nghĩa quan trọng trong đời sống tinh thần của người Khmer. Bởi đây là sự tích giải thích nguồn gốc lễ hội quan trọng bậc nhất trong năm của người Khmer. Hơn thế nữa Sự tích này phản ánh quan

niệm về vũ trụ luận của người Khmer xưa (mặc dầu còn thô sơ). Nòng cốt của truyện này chính là mô típ *ra câu đố và giải câu đố* nhằm đề cao trí thông minh của con người trước sức mạnh của thế giới tự nhiên. Cậu bé Thommabal bằng trí tuệ của mình đã chiến thắng vị thần tối cao Kabul Maha Prum - thần bốn mặt trên cả hai phương diện: Thuyết pháp và giải câu đố.

Câu đố của thần tối cao Kabul Maha Prum tượng trưng cho sự thách đố của thần thánh đối với con người. Đó chính là “thế lực” luôn được con người sùng bái tôn thờ. Cậu bé bảy tuổi tượng trưng cho sự nhỏ bé của con người trước quyền năng tối thượng của thần linh. Thế nhưng cuối cùng con người đã chiến thắng.

Đây thực chất là một câu đố không có lời giải đáp duy nhất đúng như một bài toán mà là một câu đố đòi hỏi một sự biện luận trong câu trả lời. Việc giải đố tùy thuộc vào vốn văn hóa và việc biện luận để nhằm thuyết phục người đưa ra câu đố. Ban đầu cậu bé chịu thua sự thông thái của thần linh, nhưng sau đó nhờ sự mách bảo của loài chim cậu bé đã giải đáp được. Mô típ *ra câu đố và trả lời câu đố*, xuất hiện phổ biến trong kho tàng truyện cổ dân gian của thế giới và Việt Nam. Nổi tiếng trong truyện Hi Lạp cổ đại là truyện về câu hỏi nổi tiếng của Sphinx (Nhân sư Sphinx, sinh vật vốn là một con quỷ với đầu và bộ ngực phụ nữ, thân của sư tử, cánh của đại bàng, và chót đuôi rắn).

Sphinx dịch ra trong tiếng Ả Rập nghĩa là “Cha đẻ của nỗi sợ hãi”: *“Sinh vật có một tiếng nói, bốn chân vào buổi sáng, hai chân vào buổi chiều, ba chân vào buổi tối”*. Trả lời sai sẽ bị Sphinx ăn thịt. Nhà vua Oedipus đã trả lời đúng. Sphinx đặt câu thứ hai: *“Hai chị em, một sinh ra thì một qua đời, họ là ai?”*. Oedipus đã trả lời đúng lần thứ hai (đáp án là ngày và đêm, cả hai từ đều là giống cái trong tiếng Hy Lạp), và Sphinx giận quá, đã tự sát bằng cách tự ăn thịt chính mình.

Có thể thấy điểm chung giữa câu đố của thần tối cao Kaburl Maha Prum và Nhân sư Sphinx chính là suy tư của con người về thời gian của đời người trong dòng miên viễn của vũ trụ. Tính tượng trưng trong câu hỏi của thần tối cao Kaburl Maha Prum đó chính là ba giai đoạn của đời người, buổi sáng tượng trưng cho việc con người mới sinh ra, buổi trưa

chính là giai đoạn trưởng thành, buổi tối chính là lúc con người về già. Thế nên câu đố ấy giàu tính triết lý, phản ánh những trăn trở của con người trên hành trình tìm đến giá trị sống cũng như ý nghĩa sống của mình trên cõi đời này.

Phật giáo có thể nói là tôn giáo có những triết lý sâu sắc về vấn đề này. Chính nhờ đó, Phật giáo có điều kiện đi sâu, chiếm lĩnh đời sống tinh thần của người bình dân. Vì thế sự tích này còn phản ánh hiện thực đời sống tinh thần của người Khmer Nam Bộ, đó chính là sự đấu tranh gay gắt giữa Phật giáo và Bà La Môn giáo. Việc các thiên thần, người trần gian đều thích nghe Thommabal giảng thuyết và hành động thần Kaburl Maha Prum (còn gọi là Brahma, đây là vị thần tối cao của Bà La Môn giáo) tự chặt đầu không chỉ thể hiện sự thắng thế của Phật giáo trong xã hội Khmer lúc bấy giờ mà còn thể hiện sự bình đẳng trong chúng sinh, không phân biệt đẳng cấp khác quy định của Bà La Môn giáo trước đây.

Mô típ luân hồi nhân quả của Phật giáo:

Phật giáo quan niệm vòng sinh tử luân hồi của con người đã có từ vô thủy. Khi chết đi, tùy theo nghiệp lực dẫn dắt mà tái sinh vào một trong lục đạo. Thuyết luân hồi lại có mối quan hệ mật thiết với thuyết nhân quả. Nếu kiếp này, chúng ta làm nhiều điều thiện lành (gieo Nhân tốt) thì khi mất đi sẽ được đầu thai vào kiếp người trở lên mà không bị đọa vào cõi súc sanh, ngạ quỷ hay địa ngục (nhận Quả lành). Ngược lại nếu gieo nhân xấu ở kiếp này thì kiếp sau sẽ gặp nhiều điều khổ đau bất hạnh. Thế nên, đồng bào Khmer Nam bộ

theo Phật giáo thường quan niệm cần phải tích đức trong hiện tiền để mưu cầu niềm hạnh phúc an nhiên ở kiếp sau.

Câu chuyện giải thích tục đắp núi cát của người Khmer như đã trình bày ở trên đều nhằm minh chứng thuyết luân hồi nhân quả. Người hành nghề săn bắt, giết hại nhiều loài thú (gieo nhân ác) thế nên bị linh hồn bọn thú quấy nhiễu hoặc bị kiện lên Đế Thích (quả dữ). Để khắc phục, con người phải tích đức (gieo nhân lành) trong kiếp lai sinh được hưởng phước báu. Thế nên, việc đắp núi cát là một biểu trưng cho sự cần cù tích góp công đức kiếp sống, để sửa chữa những lỗi lầm đã làm.

Tóm lại, Những truyện dân gian liên quan đến Tết cổ truyền của đồng bào Khmer Nam Bộ là những bài học về cách sống, lối sống cho người Khmer theo triết lý đạo Phật. Tết Chôl Chnăm Thmây là dịp để Phật tử thể hiện tâm niệm của mình với Đức Phật, với ông bà cha mẹ mình. Tuy nhiên qua những phân tích trên, chúng ta còn nhận thấy ẩn tàng trong những mô típ là nhân sinh quan, vũ trụ quan của người Khmer xưa hết sức sâu sắc đầy tính minh triết.

* Ths. Trần Thanh Tuấn - GV: Trường THPT Long Hiệp - Huyện Trà Cú - Tỉnh Trà Vinh.

Tài liệu tham khảo:

1. La Mai Thi Gia - *Mô típ trong nghiên cứu truyện kể dân gian, lý thuyết và ứng dụng* - NXB Văn hóa - Văn nghệ - 2018.
2. Sơn Phước Hoan - Sơn Ngọc Cang - *Chuyện kể Khmer* (song ngữ), tập 4, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1995.
3. Lê Chí Quế, Võ Quang Nhơn, Nguyễn Hùng Vĩ, *Văn học Dân gian Việt Nam*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004.
4. Phạm Thu Yến - *Phân tích tác phẩm Văn học dân gian theo đặc trưng thể loại* - NXB Đại học quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2013.

Tương lai



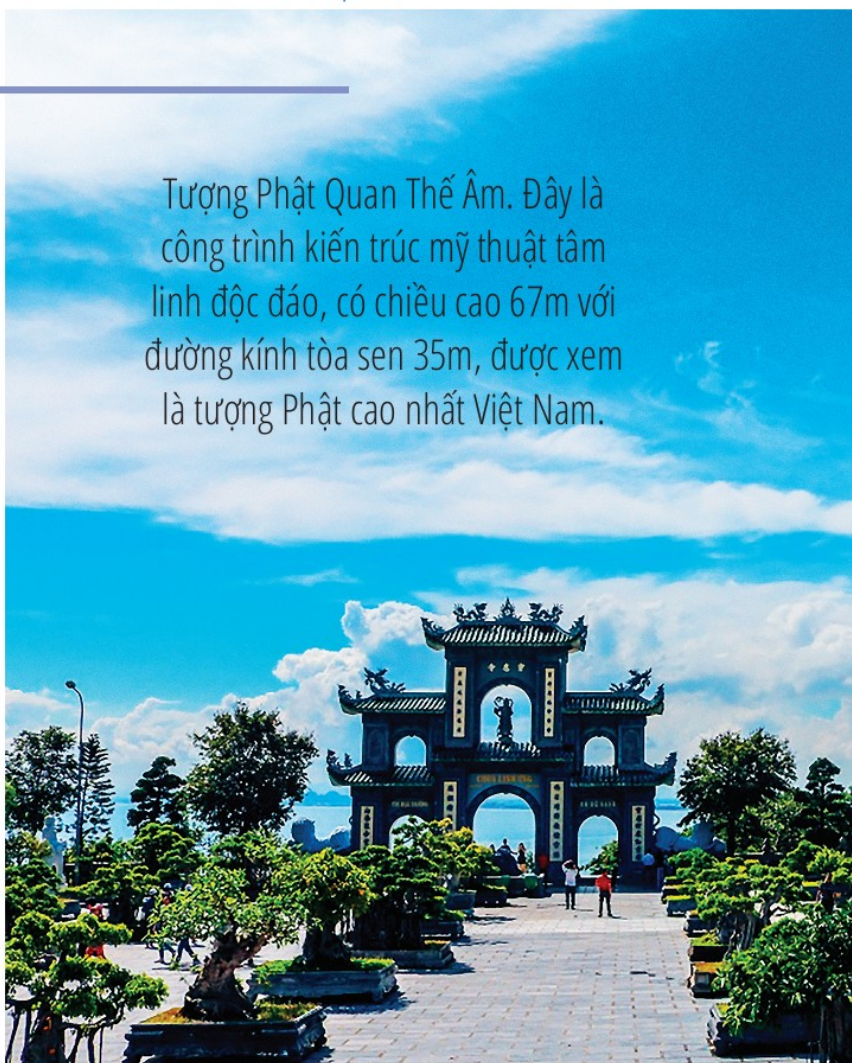
PHÁT TRIỂN DU LỊCH TÂM LINH TẠI CHÙA LINH ỨNG BÃI BỤT ĐÀ NẴNG

Đình Đức Hiền*

Du lịch tâm linh là loại hình du lịch văn hóa, lấy yếu tố văn hóa tâm linh làm mục tiêu để thỏa mãn nhu cầu con người trong đời sống tinh thần. Loại hình du lịch này chủ yếu khai thác những yếu tố văn hóa tâm linh trong quá trình diễn ra các hoạt động du lịch, dựa vào những giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể gắn với lịch sử hình thành nhận thức con người về thế giới, những giá trị về đức tin trong tín ngưỡng, tôn giáo; từ đó mang lại những cảm xúc và trải nghiệm thiêng liêng về tinh thần của con người trong khi đi du lịch. Vì thế, du lịch tâm linh trên thế giới nói chung và ở nước ta nói riêng đã và đang trở thành một xu hướng phổ biến, được rất nhiều khách du lịch trong và ngoài nước quan tâm.

Trên địa bàn TP. Đà Nẵng, du lịch tâm linh Phật giáo nói chung, tại chùa Linh Ứng Bãi Bụt nói riêng cơ bản đã được các ban/ngành chức năng của thành phố và nhiều công ty lữ hành quan tâm khai thác, tuy nhiên so với tiềm năng vốn có vẫn

Tượng Phật Quan Thế Âm. Đây là công trình kiến trúc mỹ thuật tâm linh độc đáo, có chiều cao 67m với đường kính tòa sen 35m, được xem là tượng Phật cao nhất Việt Nam.



còn những hạn chế nhất định, cần được chú trọng và quan tâm nhiều hơn trong thời gian tới.

MỘT ĐỊA ĐIỂM NHIỀU TIỀM NĂNG

Đà Nẵng là thành phố có vị trí chiến lược quan trọng của cả nước, vừa có vùng biển, vừa có vùng núi, trung du, đồng bằng... Những nét đặc trưng về địa lý cùng yếu tố văn hóa truyền thống phong phú, bản chất con người

thuần hậu... đã hình thành nên một vùng văn hóa - xã hội Đà Nẵng đặc sắc, và tạo thành những cơ sở quan trọng, hấp dẫn cho nhiều tổ chức tôn giáo sớm hội tụ, trong đó có Phật giáo...

Theo đó, về mặt lịch sử, có nhiều nhà nghiên cứu lịch sử cho rằng Phật giáo được truyền vào Đà Nẵng vào khoảng thế kỷ XVII, trong đó Ngũ Hành Sơn được xem là cái nôi đầu tiên của Phật

giáo TP. Đà Nẵng, đồng thời cũng là một trong những trung tâm Phật giáo quan trọng của Đảng Trong. Khi Phật giáo bắt đầu du nhập vào Đà Nẵng người Việt đã tạo dựng ở Ngũ Hành Sơn một hệ thống các ngôi chùa dãy đặc, hầu như ngọn núi, hang động nào cũng có thờ Phật, hoặc thờ những vật linh khí của nhà Phật. Nơi đây cũng đã đón tiếp rất nhiều vua chúa, quan lại, Tăng Ni trong và ngoài nước viếng thăm.

Đến nay, Phật giáo tại TP. Đà Nẵng có các hệ phái thuộc Phật giáo Bắc Tông, Nam Tông và hệ phái Khất sĩ, với hơn 110 ngôi chùa và có khoảng hơn 500 chức sắc. Tại TP. Đà Nẵng, đối với Phật giáo có các lễ hội quy mô lớn như:

- Lễ Phật đản tổ chức hằng năm vào tháng 4 âm lịch;
- Lễ Vu lan tổ chức hằng năm vào tháng 7 âm lịch;
- Lễ hội Quán Thế Âm - Ngũ Hành Sơn tổ chức hằng năm vào tháng 2 âm lịch;
- Lễ Vu lan Báo hiếu - Ngũ Hành Sơn diễn ra từ các năm 2017, 2018, 2019;
- Trong đó, lễ hội Quán Thế Âm - Ngũ Hành Sơn là 1 trong 15 lễ hội lớn, khá ấn tượng mang tầm cỡ quốc gia, cùng với những giá trị độc đáo vốn có của mình, lễ hội là kênh thông tin để quảng bá hình ảnh thành phố, cầu nối đưa hình ảnh TP. Đà Nẵng vươn tầm đến mọi miền đất nước và bạn bè quốc tế.

Bên cạnh đó, đáng chú ý trong số các ngôi chùa Phật giáo thuộc Thiên phái Lâm Tế Chúc Thánh trên địa bàn thành phố hiện nay như: chùa Vu Lan, Tân Ninh, Linh ứng Bà Nà, Linh ứng Bãi Bụt, Linh Ứng Non Nước... có chùa Linh Ứng Bãi Bụt, hiện



Nguồn: Dulich.petrotimes.vn

Tương truyền, vào thời vua Minh Mạng, dân chài ven biển nơi đây đã phát hiện một tượng Phật trên bãi cát bằng, lập am thờ tự, kể từ đó sóng yên biển lặng, dân chài yên ổn làm ăn, từ đó nơi đây có tên gọi là Bãi Bụt, hay còn gọi là Cõi Phật giữa chốn trần gian.

đang tọa lạc tại khu vực Bán đảo Sơn Trà, thuộc phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng. Chùa nằm cách trung tâm TP. Đà Nẵng khoảng 10km về hướng Đông Bắc, được khởi công xây dựng năm 2004 và khánh thành vào năm 2010, với diện tích khoảng 12 héc ta, do cố Hòa thượng Thích Thiện Nguyên xây dựng.

Điểm độc đáo và nổi bật nhất trong quần thể kiến trúc chùa là bức tượng Phật Quan Thế Âm. Đây là công trình kiến trúc mỹ thuật

tâm linh độc đáo, có chiều cao 67m với đường kính tòa sen 35m, được xem là tượng Phật cao nhất Việt Nam. Tượng đứng tựa lưng vào núi, hướng ra biển, trên mão tượng Quan Âm có tượng Phật Tổ cao 2m. Trong lòng tượng có 17 tầng, mỗi tầng đều có bệ thờ tổng cộng 21 bức tượng Phật với hình dáng, vẻ mặt, tư thế khác nhau, gọi là “Phật trung hữu Phật”.

Thêm vào đó, chùa còn gắn với địa danh bán đảo Sơn Trà - là nơi giao hòa giữa biển trời với núi sông và gắn liền với một câu

chuyện huyền bí. Tương truyền, vào thời vua Minh Mạng, dân chài ven biển nơi đây đã phát hiện một tượng Phật trên bãi cát bằng, lập am thờ tự, kể từ đó sóng yên biển lặng, dân chài yên ổn làm ăn, từ đó nơi đây có tên gọi là Bãi Bụt, hay còn gọi là Cõi Phật giữa chốn trần gian. Về lễ nghi, hằng năm chùa đều tổ chức những ngày lễ tế lớn như lễ vía Phật Đản sanh, lễ vía Quan Thế âm; lễ Vu Lan báo hiếu, lễ vía Đức Phật thành đạo, riêng ngày 19 âm lịch hằng tháng chùa đều tổ chức khóa tu một ngày cho Phật tử... Hiện nay, Đại đức Thích

Nguồn: Mytour.vn



Chúc Trí được cử làm tri sự chùa. Có thể nói, chùa Linh Ứng - Bãi Bụt hiện được xem là ngôi chùa lớn nhất tại TP. Đà Nẵng cả về quy mô cũng như kiến trúc nghệ thuật. Ngôi chùa mang một phong cách hiện đại kết hợp với tính truyền thống vốn có của chùa chiền Việt Nam, với mái ngói uốn cong có hình rồng, những trụ cột vững chắc được bao quanh bởi những con rồng uốn lượn rất tinh xảo. Toàn khuôn viên của chùa rộng khoảng 12 hecta, chùa không chỉ là biểu tượng cho sự phát triển của Phật giáo Việt Nam mà còn mang ý nghĩa rất lớn trong đời sống tâm linh của cộng đồng dân cư Đà Nẵng và khách du lịch thập phương.

Trong những năm qua, chùa Linh Ứng Bãi Bụt đã trở thành địa điểm thu hút du khách trong ngoài nước đến thăm viếng và đã được công nhận là điểm du lịch địa phương trên địa bàn TP. Đà Nẵng tại Quyết định số 3023/QĐ-UBND, ngày 06 tháng 6 năm 2017 của UBND TP. Đà Nẵng. Theo đó, tên điểm du lịch là Điểm du lịch chùa Linh Ứng - Bán đảo Sơn Trà, tên tiếng Anh là Tourist Site Linh Ung Pagoda - Son Tra.

Đặc biệt, tính đến ngày 28/5/2019, trong số 58 bức ảnh du lịch đẹp nhất năm 2019, có bức ảnh chụp tượng Phật Quán Thế Âm hiện đang tọa lạc tại



chùa Linh Ứng Bãi Bụt, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng, đã được các biên tập viên của kênh CNN bình chọn là ảnh du lịch đẹp nhất nửa đầu năm 2019.

Hằng năm có nhiều đoàn khách quốc tế từ Hàn Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ đến hoạt động giao lưu tại TP. Đà Nẵng ghé thăm nơi đây... Ngoài ra, theo thống kê của Ban Quản lý Bán đảo Sơn Trà và các Bãi biển du lịch Đà Nẵng, riêng tại chùa Linh ứng - Bãi Bụt Sơn Trà vào các ngày trong dịp lễ tết Nguyên đán hằng năm trung bình có khoảng 15.000 người/ngày đến viếng, tham quan.

Như vậy, tiềm năng về du lịch tâm linh Phật giáo tại chùa Linh Ứng Bãi Bụt (TP. Đà Nẵng) tương đối lớn, điều này không chỉ thể hiện ở việc nơi đây chính là một địa điểm du lịch nổi tiếng của TP. Đà Nẵng có nhiều khách du lịch đến tham quan, một điểm đến không thể bỏ qua của bất kỳ ai khi tới Đà Nẵng; là nơi có những dấu ấn riêng với nhiều quan cảnh đẹp, kiến trúc độc đáo, không gian bình yên; bên cạnh đó, nơi đây còn gắn với ưu thế vị trí địa lý của Đà Nẵng vốn là nơi có nhiều thuận lợi và tiềm năng về phát triển du lịch.



Nguồn: Danangfantasticcity.com

NHỮNG ĐỀ XUẤT VÀ GIẢI PHÁP

Để góp phần vào việc nâng cao hiệu quả khai thác các tiềm năng về du lịch tâm linh Phật giáo tại chùa Linh Ứng Bãi Bụt (TP. Đà Nẵng). Trước hết, cần có sự thay đổi, nâng cao về mặt nhận thức, tư duy trong việc khai thác các tiềm năng về du lịch tâm linh Phật giáo tại chùa Linh Ứng Bãi Bụt nói riêng cũng như tại TP. Đà Nẵng hiện nay nói chung, trong đó chú trọng đến việc khai thác toàn diện các tiềm năng hiện có, không đơn thuần dừng lại ở việc khai thác những mặt nổi; đồng thời không chỉ tập trung khai thác vào một thời điểm hay mùa vụ nhất định mà có thể nghiên cứu khai thác quanh năm.

Tiếp theo cần chú trọng vào việc khai thác các hoạt động du lịch tâm linh mang tính cộng đồng trong Phật giáo như mời du khách tham gia các khóa tu, nghe thuyết giảng Phật Pháp tại chùa Linh Ứng Bãi Bụt; thực hành các nghi thức thiền định, khám phá ẩm thực chay của Phật giáo tại chùa... từ đó giúp du khách có

những trải nghiệm mới, nhất là trong việc khám phá nội tâm tinh thần của bản thân mỗi du khách.

Thêm vào đó, cần tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với hoạt động tại khu du lịch Bãi Bụt - Sơn Trà, nhất là trong việc bảo vệ môi trường, thiên nhiên xung quanh khu vực chùa Linh Ứng Bãi Bụt, tăng cường khai thác các dịch vụ, tu bổ và nâng cấp, bảo vệ cảnh quan, công tác phòng cháy chữa cháy rừng, đảm bảo an ninh trật tự, an toàn cho khách tham quan du lịch tại chùa, kịp thời phát hiện, xử lý các hoạt động trái mục đích, hoặc các hành vi vi phạm pháp luật; tạo điều kiện thuận lợi cho việc tham gia giao thông của các phương tiện vận chuyển khách du lịch, đồng thời đảm bảo giữ gìn sự tôn nghiêm và xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh đô thị tại chùa Linh Ứng Bãi Bụt.

Ngoài ra, cần tiếp tục đẩy mạnh việc hợp tác với các địa phương lân cận như Quảng Nam, Thừa Thiên- Huế... trong việc khai thác các tiềm năng về du lịch tâm

...trước hết, cần có sự thay đổi, nâng cao về mặt nhận thức, tư duy trong việc khai thác các tiềm năng về du lịch tâm linh Phật giáo...

linh Phật giáo tại TP Đà Nẵng nói chung và tại chùa Linh Ứng Bãi Bụt nói riêng. Bên cạnh đó, trong địa bàn thành phố, nên có sự liên kết, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ sở Phật giáo có giá trị về mặt du lịch, từ đó hình thành các tour du lịch Phật giáo nội thành liên hoàn, hấp dẫn.

Cuối cùng, cần nghiên cứu thiết kế, xây dựng các khu vực ở lại qua đêm cho du khách có nhu cầu, xây dựng sản phẩm du lịch đặc trưng mang dấu ấn tâm linh Phật giáo của chùa Linh Ứng Bãi Bụt, phân đầu tạo dựng nơi đây trở thành khu du lịch trọng điểm quốc gia gắn với các sự kiện Phật giáo lớn của đất nước và TP. Đà Nẵng.

* Th.S Đinh Đức Hiền (Ban Tôn giáo, Sở Nội vụ TP Đà Nẵng).

Tài liệu tham khảo:

1. Thạch Phương - Nguyễn Đình An (Chủ biên): Địa chí Quảng Nam - Đà Nẵng, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2010.
2. Thích Như Tịnh, *Hành trạng chư Thiền đức xứ Quảng*, Nxb Tôn giáo, Hà Nội, 2008.
3. Nhiều tác giả, *Những gương sống tốt đời đẹp đạo*, Nxb Tôn giáo, 2001.
4. Ban Tôn giáo Chính phủ, *Tạp chí Công tác tôn giáo*, số 5, 2020.
5. Cục Văn hóa Cơ sở, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, *Tạp chí Xây dựng đời sống văn hóa*, số 205, tháng 7/2019.
6. [Http://www.baodanang.vn](http://www.baodanang.vn), Cổng thông tin của Báo Đà Nẵng điện tử.
7. [Http://tourism.danang.gov.vn](http://tourism.danang.gov.vn), Cổng thông tin của Sở Du lịch thành phố Đà Nẵng.
8. [Https://danang.gov.vn](https://danang.gov.vn) Cổng thông tin của UBND thành phố Đà Nẵng.

TÍN NGƯỠNG THỜ CÚNG THÀNH HOÀNG dưới Triều Nguyễn

Ngọc Lâm*



Nguồn: phatgiaobaclieu.com

Tín ngưỡng thờ Thành hoàng làng là một tín ngưỡng khá phổ biến ở làng xã của người Việt. “Người Việt phổ biến nhất, nổi bật nhất là thờ thần ở làng, không làng nào là không có đình, đền, miếu thờ thần”¹.

Bởi thế, thần Thành hoàng là biểu tượng thiêng liêng nhất của cả làng, tín ngưỡng thờ Thành hoàng là sự kết hợp đỉnh cao của tín ngưỡng sùng bái con người và tín ngưỡng sùng bái thần linh.

Văn hoá Việt Nam xét về bản chất là một nền văn hoá xóm làng. Làng Việt Nam từ lâu đã là nơi sinh ra và bảo lưu văn hoá làng - văn hoá dân tộc. Cho đến nay, văn hoá làng vẫn tồn tại với sự cô đọng trong lối sống, phong tục tập quán, tín ngưỡng, văn hoá dân gian.... Làng Việt ở đồng bằng Bắc bộ là nơi lưu truyền các giá trị văn hóa làng, thu giữ nhiều loại hình tôn giáo và văn hóa truyền thống, trong đó có tín ngưỡng thờ Thành hoàng làng. Tuy nhiên, truyền thống thờ Thành hoàng ở nước ta chỉ thực sự có quy củ và phát triển dưới thời Nguyễn.

Vua Lý Thái Tổ, sau khi dời đô ra thành Đại La, đổi tên Thăng Long (1010), thường mộng thấy một ông già đầu bạc, đứng trước bệ vái chào hô vạn tuế.... Vua tỉnh dậy, sai quan đến tế, phong làm “Quốc đô Thăng Long Thành hoàng Đại vương”.

NGUỒN GỐC TÍN NGƯỠNG THỜ THÀNH HOÀNG

Thành hoàng làng (Thành hoàng) là danh từ chung để chỉ vị thần được thờ trong làng xã Việt Nam. Giống như Táo công và Thổ công, Thành hoàng cai quản và quyết định họa phúc của một làng và thường được thờ ở đình làng. Do vậy, hầu hết ở mỗi làng quê hay phố nghề (nơi thị thành) đều lập đình (hoặc đền, miếu) thờ vị Thành hoàng của làng hay phường hội. Thành hoàng là người có công với dân, với nước, lập làng, dựng ấp hay sáng lập nên một nghề (ông tổ của nghề).

Tục thờ Thành hoàng ở nước ta là do ảnh hưởng từ văn hóa Trung Hoa truyền sang từ thời Đường. Theo Phan Kế Bính, dù trước đó nhân dân ta đã có những tín ngưỡng dân gian, nhưng sau khi du nhập vào làng xã Việt Nam, tục thờ Thành hoàng nhanh chóng bám rễ trong tâm thức người Việt, phát triển đa dạng, thể hiện truyền thống “uống nước nhớ nguồn”. Tôn thờ Thành hoàng làng chính là một nhu cầu tâm lý, người dân thờ Thành hoàng làng để phục vụ hiện thực cuộc sống, là chỗ dựa tinh thần không thể thiếu được, là động lực thúc đẩy sản xuất và ổn định cuộc sống.

Sách “*Trung Quốc thần bí văn hóa*” viết: “Thành hoàng tức thành

hào, hào có nước gọi là trì, không có nước gọi là hoàng². Đắp đất làm thành, đào hào làm hoàng”. Nhiều học giả cho rằng từ Thành hoàng bắt nguồn từ câu của kinh dịch “Thành phục vụ hoàng”.

Theo giáo sư Hà Văn Tấn, thờ Thành hoàng đã có từ sớm ở Trung Quốc và được ghi ở Lễ Ký, sớm nhất là thời Tam quốc (220-265). Đó là đền thờ Thành hoàng do Tôn Quyền lập năm 239 ở Vu Hồ, An Huy. Đến thời Tùy (581-618) đã có tục dùng động vật để tế Thành hoàng. Thời Đường (618-907) tục thờ Thành hoàng đã phổ biến, có thơ văn tế Thành hoàng. Bấy giờ, Thành hoàng đã có hình ảnh con người và cũng từ đây, Thành hoàng không còn hóa thân của thành trì nữa mà là một con người cụ thể nào đó.

Theo *Gia Thái Cối Kê chí* của Lục Du thì Bàng Ngọc vốn là tướng nhà Tùy, sau quy phục nhà Đường, làm quan đến Thượng thư Bộ Công, Đô đốc U Châu, vì có ân đức với dân, sau khi chết được phong làm Thành hoàng. Thời Tống (960-1271), các phủ, châu, huyện trên toàn đất Trung Quốc đều có thờ thần Thành hoàng. Vua Tống thường gia phong cho các thần Thành hoàng. Sang thời Nguyên (1271-1368), miếu Thành hoàng được thành lập ở Thượng Đô. Đến thời Minh



(1368-1644), Minh Thái Tổ Chu Nguyên Chương phong hàng loạt Thành hoàng, ông nói: “*Trẫm đặt Thành hoàng của kinh sư, thống thuộc các thần ở các phủ, châu, huyện, để giám sát việc thiện, việc ác của dân mà giáng phúc hay giáng họa*” (Tục văn hiến thông khảo, quần tư khảo). Thời Thanh (1644-1911) việc thờ Thành hoàng vẫn được coi trọng³. Có thể nói, ở Trung Quốc, Thành hoàng là vị thần bảo vệ thành trì cấp quốc gia, cấp phủ, châu, huyện và cư dân trong thành.

Tín ngưỡng Thành hoàng du nhập vào Việt Nam thời Bắc thuộc. Theo *Việt Điện U Linh*, năm Trường Khánh thứ 3 (823) đời Đường Mục



Lễ hội Kỳ Yên, Đình Bình Thủy, Cần Thơ. Nguồn: thamhiemmekong.com

Tông, Lý Nguyên Gia sang làm đô hộ thấy cửa Bắc thành Long Biên có dòng nước chảy ngược, địa thế xinh đẹp, mới tìm chỗ cao ráo dời phủ lỵ vào đóng tại đây, sửa dựng phủ, nhà cửa, mở nhiều công ngõ. Nguyên Gia sai giết trâu bò, làm tiệc mời các kỳ lão trong làng đến dự, rồi hỏi chuyện về Vương (họ Tô tên Lịch) và ngỏ ý muốn tâu xin thờ Vương làm Thành hoàng. Mọi người đều vui thuận tán thành và hưng công dựng nên ngôi đền rất nguy nga tráng lệ.... Đến thời Cao Biền sang đắp thành Đại La (866), nghe tiếng Vương Anh Linh nên sửa lễ đền tế, tôn làm “Đô phủ Thành hoàng Thành quân”. Vua Lý Thái Tổ, sau khi dời đô ra thành Đại La, đổi tên Thăng Long

(1010), thường mộng thấy một ông già đầu bạc, đứng trước bệ vải chào hô vạn tuế.... Vua tỉnh dậy, sai quan đến tế, phong làm “Quốc đô Thăng Long Thành hoàng Đại vương”. Từ đó, cư dân trong thành đến lễ cầu đảo, thề ước, đều thấy linh ứng. Năm Trùng Hưng thứ 1 nhà Trần (1285) sắc phong hai chữ Bảo quốc, năm thứ 4 (1288) thêm hai chữ Trấn linh, năm Hưng Long thứ 21 (1313) gia phong hai chữ Định bang⁴.

Như vậy, sau mấy lần gia phong vào thời Trần Nhân Tông (1278-1293) và Trần Anh Tông (1293-1314), vị Thành hoàng có hiệu “Bảo quốc Trấn linh Định bang Thành hoàng Đại vương”. Cũng

theo *Việt Điện U Linh*, Lê Long Đĩnh khi chưa lên ngôi có thực ấp ở Đằng Châu. Khi lên ngôi vua, Lê Long Đĩnh (1005-1009), đổi Đằng Châu (Hưng Yên) làm phủ Thái Bình, phong cho các thổ thần ở đây làm Thành hoàng, với hiệu “Khai thiên Thành hoàng Đại vương”. Các vua Trần vào năm Trùng Hưng thứ 1 (1285), sắc phong “Khai thiên Trấn quốc Thành hoàng Đại vương”, năm thứ 4 (1288) gia phong hai chữ Trung phụ. Năm Hưng Long thứ 21 (1313) gia phong hai chữ Tá đức. Như vậy sau mấy lần gia phong vào thời Trần, vị Thành hoàng có vị hiệu là: “Khai thiên Trấn quốc Trung phụ Tá đức Thành hoàng Đại vương”⁵.

Trong giai đoạn Việt Nam bị nhà Minh xâm lược, theo sách *An Nam chí* của Cao Hùng Trưng, quan lại Minh đã theo chế độ Trung Quốc, lập miếu Thành hoàng ở phủ, châu, huyện của Việt Nam⁶. Đến thời Lê, theo *Đại Việt Sử ký Toàn thư*, tháng 4/1449, Lê Nhân Tông (1441-1459): “*Bắt đầu lập đền thờ thần Đô Đại Thành hoàng, đền thờ thần gió, mây, sấm, mưa và đền thờ ma quỷ không ai tế tự để từ thời cúng lễ*”⁷.

QUY ĐỊNH THỜ THÀNH HOÀNG DƯỚI THỜI NGUYỄN

Theo sách “*Khâm Định Đại Nam Hội điển sự lệ*”, ở kinh đô

Cùng với thờ cúng tổ tiên, tín ngưỡng thờ Thành hoàng làng đem lại cho người dân ý thức hướng về cội nguồn, quê cha đất tổ...

Huế vào thời Nguyễn, việc tế tự các thần được thực hiện ở đàn, đền, miếu.... Riêng miếu thờ có nhiều loại như miếu thờ Công thần mở nước, miếu thờ Công thần đời Trung Hưng, miếu thờ Công thần Trung tiết, miếu thờ Công thần các trực, tỉnh; miếu Tiên y, miếu thờ Thần mưa, miếu thờ Thần gió, miếu thờ Nam Hải Long Vương, miếu thờ Thần cửa bể Tư Hiền, miếu thờ Hà Bá, miếu thờ Thần lửa, miếu thờ Thần súng, miếu Hội đồng, miếu thờ Thành hoàng.... Ở kinh đô Huế miếu thờ Thành hoàng lập năm 1809: “*Gia Long năm thứ 8, chuẩn lời nghị; làm miếu ở bên hữu trong kinh thành, chính giữa đặt một án phụng thờ Thành hoàng ở kinh đô, 2 bên chái bên đông bên tây đều đặt 5 án thờ phụ, phụng thờ các Thành hoàng tỉnh...*”⁸.

Minh Mạng năm thứ 20 (1839), chuẩn lời tâu của bộ lễ đổi miếu Hội đồng thành miếu Thành hoàng: “*Khi mới khôi phục nước nhà, đã dựng miếu thờ Thành hoàng, lại dựng thêm hai nhà tòng tự. Nhà bên tả thờ các vị thần Thành hoàng các tỉnh từ Quảng Bình trở vào Nam. Nhà bên hữu thờ các vị thần Thành hoàng từ Hà Tĩnh trở ra Bắc. Các tỉnh có riêng miếu Hội đồng phụng thờ các vị thần kỳ, mà không đặt riêng miếu thờ Thành hoàng bản hạt. Ôi! Thành hoàng trù tai ngăn hoạn, thật có công*

đức với dân. Các nơi sở tại đặt nhà riêng là lẽ vậy; xin hạ lệnh cho các địa phương lập thêm thần vị Bản cảnh Thành hoàng ở trong miếu Hội đồng. Bàn thờ các vị thần kỳ đem đặt ở hai gian bên tả bên hữu. Khắc lại cái biển treo trong miếu làm miếu Thành hoàng. Các bài vị tòng tự trong miếu Thành hoàng ở kinh đô đều đem rước ra đốt cháy”⁹.

Nhưng khi Thiệu Trị lên ngôi, vua cho thành lập miếu Thành hoàng ở các tỉnh, còn miếu Hội đồng vẫn giữ như cũ. “*Thiệu Trị năm đầu (1841) xuống dụ: Từ trước đến giờ thần vị Thành hoàng các trực tỉnh, từng được phụ thờ ở miếu Đô Thành hoàng tại kinh thành. Năm trước Bộ lễ nghị xin cho các hạt làm thần bài, bày thờ ở miếu Hội đồng thực hạt mình, rồi đổi gọi miếu Hội đồng là miếu Thành hoàng.... Trẫm kính nổi nghiệp lớn, được theo chỉ tiên đế cử hành lễ trọng, sắp đặt phẩm trật các thần, nghĩ rằng: Các vị thần trước đây ở miếu Hội đồng, phần nhiều là thượng đẳng thần, giúp nước che chở dân, có công đức rõ rệt, chưa tiện cho thay đổi ngay.... Vậy thông dụ cho các trực tỉnh được làm miếu riêng thờ Thành hoàng ở nơi gần tỉnh, thành, doanh để chỗ tôn thờ; còn miếu Hội đồng cũ vẫn cho phụng thờ theo như trước, không nên thay đổi*”¹⁰. Như vậy từ năm 1841 thời Thiệu Trị, ngoài miếu

Thành hoàng ở kinh đô Huế, các tỉnh/thành đều có miếu thờ Thành hoàng.

Riêng Nam bộ một số nơi có miếu thờ Thành hoàng khá sớm. Chẳng hạn ở Gia Định, miếu Thành hoàng được xây dựng vào năm 1807, trước hai năm so với miếu Thành hoàng ở kinh đô Huế: “*Ở phía Nam sông Tân Bình, cách phía đông nam trấn 6 dặm rưỡi, nguyên xưa là ngôi đình cúng tế các vị âm thần. Năm Gia Long thứ 6 (Đinh Mão, 1807) phụng chỉ dựng nhà ngôi làm miếu Thành hoàng trong trấn, xuân thu 2 kỳ tế lễ, trấn quan đến hành lễ*”¹¹. Cũng theo sách “*Khâm Định Đại Nam Hội Điển Sự Lệ*”, Thiệu Trị năm thứ 7 (1847) đã có Thành hoàng ở kinh đô, các tỉnh và xã. Thành hoàng ở các tỉnh vốn là một vị thần giữ coi đất cho một tỉnh và được thờ ở miếu Thành hoàng. Nhưng vấn đề đặt ra là Thành hoàng ở các dân xã thì có từ bao giờ.

Trước đây nhiều người cho rằng Thành hoàng làng chỉ có từ thời Lê. Tư liệu dẫn chứng là tấm bia dựng vào thế kỷ XIX, chép lại sắc phong thời Lê Trung Hưng, tìm thấy tại xã Thường Sơn, huyện Thủy Nguyên, tỉnh Kiến An (nay thuộc TP Hải Phòng), có ghi: ông tù trưởng họ Lại, húy Bốn, vợ họ Đào, sinh hạ con trai có tài, tham gia chống quân Nguyên - Mông, diệt Ô Mã Nhi, sau được phong



Lễ hội truyền thống thôn Bầu, xã Kim Chung, Đông Anh, HN. Nguồn: Website huyện Đông Anh

Đương cảnh Thành hoàng Trần triều phò mã đô úy thượng phẩm đại liêu ban, quan nội hầu, nội quốc công, Thượng đẳng Phúc Đại Vương. Hoặc một tấm bia khác dựng năm Hồng Đức thứ 18 (1487) tại ngôi đền Trần Tân xã Phúc Thọ, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh do Nguyễn Đình Tuấn, tiến sĩ năm 1841, soạn bia. Nội dung bia kể rõ nghi thức rước thần trong hội làng¹².

Sau khi phát hiện tại ngôi đền thờ thần ở xã Lại Yên, huyện Hoài Đức (TP Hà Nội) có bia đá khắc bài bia của Trương Hán Siêu ghi niên đại vào ngày 20/11, mùa đông năm Nhâm Tý, năm Hưng Long thứ 20 (tức ngày 19/12/1312) đời Trần Anh Tông (1293-1314), thì vấn đề phong Thành hoàng cho làng đã được

đặt lại. Mặt trước của bia “*Bài ký bia đền thần cổ tích*” cho biết: “... năm Thuận Thiên thứ 7 (1016), mùa xuân vua đi xem ngắm khắp các núi sông, bãi phong ngài làm Đương cảnh Thành hoàng Chí minh Đại vương...”, vào đời Lý Thái Tổ (1010-1028). Mặt sau bia “*Phụ chép về việc gia bang các đời*” cho biết “... gia phong Đương cảnh Thành hoàng Chí minh Đại vương... ngày 17 tháng 6 năm Hưng Long 20 (22/7/1312)”. Từ nội dung bia này, GS Hà Văn Tấn cho rằng: “*Thành hoàng làng không phải chỉ mới xuất hiện vào thời Lê, mà đã có từ sớm hơn, chắc chắn là từ thời Trần, nhưng cũng có thể là từ thời Lý... Thời Trần, có lẽ cả thời Lý, đã có việc vua phong Thành hoàng địa phương*”¹³. Vào năm thứ 3 (1804), đời vua

Gia Long (1802-1820) đã chuẩn lời nghị về danh sách các xã dân trong hạt khai thần hiệu ở Bắc thành ra làm ba hạng: hạng trên, hạng giữa và hạng dưới: “*Về Bắc thành, những bản danh sách các xã dân trong hạt khai thần hiệu trước đây phạm nhân thần hiện có họ tên công trạng, thiên thần có sự tích rõ rệt và danh thần ở các núi sông, cùng hiện có sắc phong, thì liệt làm hạng trên, thứ đến là nhân thần có họ tên mà công trạng chưa được rõ rệt, sắc phong có quan tước mà họ tên thất truyền, hoặc hiện có ghi quan tước mà sắc phong thời lạc thì liệt ở hạng giữa, lại thứ nữa như sắc phong tuy còn mà sự tích mai một, nhưng xét các mỹ tự là chính thần, thì liệt ở hạng dưới. Đến như lúc còn sống làm sự nhơ nhuốc và tà dâm, những tinh khí*



Đình Bình Thủy, Cần Thơ. Nguồn: thamhiemmekong.com

ma quý gỗ đá, những loài côn trùng quái vật phạm thuộc vào sự bất chính, đều nên tước bỏ”¹⁴.

Năm đầu tiên (1820) đời Minh Mạng (1820-1841) lại xuống chỉ dụ: Thần hiệu ở hạng trên thì tặng mỹ tự là Thượng Đẳng Thần, ở hạng giữa thì tặng mỹ tự là Trung Đẳng Thần, ở hạng dưới thì tặng mỹ tự là chi thần. Đến năm thứ 7 (1847) đời Thiệu Trị (1841-1847) lại chuẩn bị lời tâu chia Thành hoàng ra làm 3 hạng: Vị Thành hoàng ở kinh đô liệt vào thượng đẳng, vị Thành hoàng ở các dân xã kinh đô liệt vào hạng hạ đẳng, còn vị Thành hoàng ở Thừa Thiên phủ và ở tỉnh chiếu theo lệ trung đẳng gia phong. Năm thứ 3 (1850) đời Tự Đức (1847-1883), vua chuẩn y lời nghị thần hiệu đã được sắc chỉ ở các địa phương, gia tặng mỹ tự cho 6 loại thần: Thiên thần, Thổ thần, Sơn thần, Thủy thần, Dương thần, Âm thần và liệt vào ba hạng: Thượng đẳng, Trung đẳng, hạ đẳng¹⁵. Tổng cộng có 18 mỹ tự gia tặng cho

các thần. Có thể nêu một số sắc thần cấp cho thôn, ấp, xã thường được thờ trong các đình dưới triều Nguyễn còn lưu giữ đến ngày nay với các loại thần như sau:

- THỔ THẦN: Thượng đẳng, mỹ tự Hàm quang. Hạ đẳng, mỹ tự Đôn ngưng thời Tự Đức, Dực bảo Trung hưng thời Duy Tân, Bảo Đại.

+ Cấp cho thôn Kiểng Phước, Dương Phước, Tân Duân Đông (Gò Công) (nay thuộc tỉnh Tiền Giang), ngày 29/11 năm Tự Đức thứ 5 (8/1/1853), *Sắc Bạch Mã thái giám thượng đẳng thần... gia tặng Dương uy Ngự vũ Bảo chương Kiện thuận Hòa nhu Hàm quang thượng đẳng thần*.

+ Cấp cho thôn Thường Lạc huyện Đông Xuyên (nay thuộc tỉnh Đồng Tháp), ngày 29 tháng 11 năm Tự Đức thứ 5 (8/1/1853). *Sắc: Thần Thành hoàng bốn cảnh, vốn đã được phong là thần Quảng hậu Chính trực Hựu thiện...tặng thêm là thần Quảng hậu Chính trực Hựu thiện Đôn ngưng*¹⁶.

- THỦY THẦN: Trung đẳng, mỹ tự Uông nhuận. Hạ đẳng, mỹ tự Trùng tràm.

+ Cấp cho thôn Thắng Tam (Vũng Tàu). *Sắc: “Thủy long tôn thần gia tặng Trừ linh Chương ứng Mục uyên Hoàng bác Uông nhuận trung đẳng thần...”*¹⁷.

+ Cấp cho thôn Thắng Tam (Vũng Tàu), ngày 29/11 năm Tự Đức thứ 5 (8/1/1853). *Sắc: “Nam Hải cự tộc Ngọc Lân tôn thần (cá voi) gia tặng Từ tế Linh chương Trợ tín Trùng tràm chi thần...”*. Có thể kể thêm một số Thủy thần là vị thần biển như Nam hải đại vương, Bát hải đại vương...; thần sông, hồ, đầm như Linh Lang, Tam Giang...

- DƯƠNG THẦN: Thượng đẳng, mỹ tự Trác vĩ. Trung đẳng, mỹ tự Quang ý. Hạ đẳng, mỹ tự Đoan túc.

+ Cấp cho thôn An Hội (Bến Tre). Cao Các thượng đẳng thần... gia tặng Hoàng mô Vĩ lược Đôn hậu Phù hựu Trác dương Trác vĩ thượng đẳng thần.

+ Cấp cho thôn Vĩnh Tế tổng

Châu Phú tỉnh Châu Đốc (nay thuộc tỉnh An Giang), ngày 25/7 năm Khải Định thứ 9 (1924). Sắc phong cấp cho thôn Vĩnh Tế, tổng Châu Phú tỉnh Châu Đốc phụng sự khâm sai Thống chế án thủ Châu Đốc ... kiêm quân Hà Tiên trấn, Trụ Quốc Đốc, trảng Võ tướng Nguyễn Công Tôn thần (Nguyễn Văn Thoại), giúp nước che dân linh ứng đã lâu. Nay gặp lễ Tứ tuần Đại khánh tiết của Trẫm đã nhận bửu chiếu lễ Đám Ân, phong Đoàn túc Dực bảo Trung hưng tôn thần¹⁸.

- ÂM THẦN: Thượng đẳng, mỹ tự Trang huy.

+ Cấp cho thôn Trường Thạnh huyện Kiến Hưng, ngày 29/11 năm Tự Đức thứ 5 (5/1/1853). “Sắc: Bốn vị tôn thần làm lớn mạnh Nam Hải của nước nhà (sắc đại càn quốc gia Nam Hải tứ vị tôn thần), vốn được tặng là Thượng đẳng thần Hàm hoàng Quang đại Chi đức Phổ bác Hiến hóa...tặng thêm là Thượng đẳng thần Hàm hoàng Quang đại Chi đức Phổ bác Hiến hóa Trang huy...”.

+ Cấp cho thôn Kiểng Phước, huyện Tân Hòa (Gò Công) (nay thuộc tỉnh Tiền Giang), ngày 29/11 năm Tự Đức thứ 5 (8/1/1853). Sắc phong Thiên Y Ana Diên Ngọc Phi vốn phong Hoàng huệ Phổ tế Linh cảm Diệu thông Mặc tướng thượng đẳng thần...tặng thêm Hoàng huệ Phổ tế Linh cảm Diệu thông Mặc tướng Trang huy thượng đẳng thần....

Qua một số sắc thần vừa nêu, có thể nói, dưới triều Nguyễn ít nhất có 4 loại thần được thờ trong đình gồm: Thổ thần (Bạch Mã thái giám, Thành hoàng bốn cảnh...), Thủy thần (Thủy Long, Nam Hải

cự tộc ngọc lân...), Dương Thần (Cao các, Nguyễn Văn Thoại...), Âm thần (Đại càn quốc gia Nam Hải Tứ vị Tôn thần, Thiên Y Ana Diên Ngọc Phi...) và đều có nhiệm vụ “Thần kỳ tương hựu bảo ngã lê dân” (thần thì phải giúp đỡ bảo vệ cho dân đen của ta). Trong 4 loại thần thì thần Thành hoàng bốn cảnh thờ ở đình chỉ là chỉ thần, thần hạ đẳng trong loại thổ thần và được phong mỹ tự “Đôn ngưng”. Đình thờ thần của làng, ngoài Thành hoàng bốn cảnh loại thổ thần, còn có những đình thờ những loại thần khác: Thủy thần, Dương thần, Âm thần...

Tóm lại, tín ngưỡng thờ Thành hoàng đã có từ sớm ở Trung Quốc và có đền thờ riêng từ thời Tam Quốc. Tín ngưỡng này du nhập vào Việt Nam từ thời Bắc thuộc với Tô Lịch là người đầu tiên được tôn làm Thành hoàng vào năm 823. Thành hoàng thờ ở làng chắc chắn có từ thời Trần. Sang thời Nguyễn, miếu thờ Thành hoàng đã lập ở kinh đô Huế vào năm 1809 và ở các tỉnh từ năm 1841. Việc thờ Thành hoàng dưới thời Nguyễn đã thực sự phát triển mạnh, có quy củ theo luật lệ triều đình, trở thành nét tín ngưỡng không thể thiếu của làng Việt, với 6 loại thần (Thiên thần, Thổ thần, Sơn thần, Thủy thần, Dương thần, âm thần), được liệt vào ba hạng (thượng đẳng, trung đẳng, hạ đẳng).

Trong tâm thức người Việt, Thành hoàng là vị thần tối linh, có thể bao quát toàn bộ đời sống dân làng, bảo vệ, phù hộ người dân khỏe mạnh, làm ăn phát đạt. Việc thờ Thành hoàng xét cho cùng là sự thờ phụng luật lệ làng xã, lễ thói gia phong của làng. Cùng

với thờ cúng tổ tiên, tín ngưỡng thờ Thành hoàng làng đem lại cho người dân ý thức hướng về cội nguồn, quê cha đất tổ bằng những biểu hiện sinh hoạt văn hoá truyền thống.

Chú thích:

* Th.S Đào Ngọc Lam Phương - Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn (ĐHQG TP HCM).

1. *Đại Việt sử ký toàn thư tập 4* (1968), bản dịch Viện Sử học, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.86.
2. Nguyễn Duy Ninh (1996), *Tín ngưỡng Thành hoàng Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.23.
3. Hà Văn Tấn (2002), *Chữ trên đá chữ trên đồng - Minh văn và lịch sử*, Nxb Khoa học Xã hội, tr.181.
4. Lý Tế Xuyên (1994), *Việt Điện U Linh*, Nxb Văn Học, tr.33-34.
5. Lý Tế Xuyên (1994), *Việt Điện U Linh*, Nxb Văn Học, tr.67-70.
6. Hà Văn Tấn, Nguyễn Văn Kự (1998), *Đình Việt Nam*, Nxb TP HCM, tr.50.
7. *Đại Việt Sử ký toàn thư, tập II* (1998), Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.371.
8. *Khâm Định Đại Nam Hội điển sự lệ, tập 6* (1997), Nxb Thuận Hóa, tr.507.
9. *Minh Mệnh chính yếu, tập III* (1974), bản dịch của Lê Phúc Thiện, Bộ Văn hóa Giáo dục và Thanh niên xuất bản, tr. 215-216.
10. *Khâm Định Đại Nam Hội điển sự lệ, tập 6* (1993), Nxb Thuận Hóa, tr.508.
11. Trịnh Hoài Đức (1972), *Gia Định Thành Thông chí, tập hạ*, Nha Văn hóa Phủ Quốc Vụ Khanh đặc trách văn hóa xuất bản, tr.86.
12. Vũ Ngọc Khánh (2002), *Thành hoàng làng Việt Nam*, Nxb Thanh Niên, tr.19-20.
13. Hà Văn Tấn (2002), *Chữ trên đá chữ trên đồng - Minh văn và lịch sử*, Nxb Khoa học Xã hội, tr.177-185.
14. *Khâm Định Đại Nam Hội điển sự lệ, tập 8* (1993), Nxb Thuận Hóa, tr.153-154.
15. *Khâm Định Đại Nam Hội điển sự lệ, tập 8* (1993), Nxb Thuận Hóa, tr.187.
16. Huỳnh Ngọc Trảng - Trương Ngọc Tường (1999), *Đình Nam Bộ xưa và nay*, Nxb Đồng Nai, tr.110.
17. Cao Tự Thanh (1996), *Lịch sử Đồng Tháp Mười (từ thế kỷ XVIII đến 1930)*, Nxb Chính trị Quốc gia, tr.267.
18. Huỳnh Ngọc Trảng - Trương Ngọc Tường (1999), *Đình Nam Bộ xưa và nay*, Nxb Đồng Nai, tr.282.



PHẬT GIÁO

KHOA HỌC & TRIẾT LÝ



HOÀNG PHÁP
Online

Kênh Youtube chính thức của Hoàng Pháp Online
"Nơi chia sẻ những thông điệp, bài giảng, thuyết pháp
của ban Hoàng Pháp Trung Ương GHPGVN"



Mời quý vị Quét mã QR-CODE
Để xem tất cả các bài Giảng - Thuyết Pháp





PHẬT GIÁO
KHÓA HỌC & TRIẾT LÝ

Lược bàn về
nhận thức trực tiếp
hay
nhận thức hiện lượng



TT. Thích Đức Trường*

Nhận thức luận là môn khoa học lý luận về nhận thức, giúp ta hiểu được cơ chế của nhận thức và sử dụng tốt cơ chế đó để có nhận thức đúng đắn đối với mọi hiện tượng và sự vật. Mà nhận thức đúng đắn theo lời nhà Logic học Phật giáo nổi tiếng Dharmakīrti, là cơ sở của mọi thành công.

Trong bài viết này, ta luận bàn về nhận thức trực tiếp hay nhận thức hiện lượng.

Tiếng Anh gọi nhận thức luận là *Epistemology*, hay *Theory of knowledge* mà các từ điển Anh ngữ định nghĩa là một ngành triết học nghiên cứu nguồn gốc, bản chất, phương pháp và giới hạn của nhận thức.

Một định nghĩa như vậy có thể chấp nhận, nhưng môn Nhận thức luận Phật giáo trong quá trình nghiên cứu, đụng chạm những vấn đề ngoài tầm nghiên cứu của nhận thức luận phương Tây.

Trong Phật giáo thừa nhận hai loại nhận thức: Nhận thức trực tiếp, cũng gọi là nhận thức hiện lượng và nhận thức gián tiếp cũng gọi là nhận thức tỷ lượng. Vì hiện lượng và tỷ lượng đều có đúng có sai, cho nên cuốn Nhân minh nhập chánh lý luận viết: “Hiện lượng dữ tỷ lượng cập tợ duy tợ ngộ” Nghĩa là: Hiện lượng và tỷ lượng, tợ hiện lượng và tợ tỷ lượng duy chỉ có một mục đích là để tự mình giác ngộ. Tợ hiện lượng là hiện lượng sai. Tợ tỷ lượng là tỷ lượng sai.

Nguồn: pixabay.com



1. THẾ NÀO LÀ HIỆN LƯỢNG?

Hiện là hiện tiền, trước mặt. Khi sự vật hay đối tượng hiện hữu trước mặt và ở trong tầm nắm bắt của nhận thức thì chúng ta có hiện lượng.

Định nghĩa hiện lượng theo Dharmakīrti: Từ “Nhận thức trực tiếp” hay *perception* hay *pratyaksa* (Sanskrit) có nghĩa là nhận thức một vật hiện tiền, không qua một trung gian nào cả.

Nói cách khác, nhận thức trực tiếp nghĩa là không tạo tác (phán đoán) và không ảo tưởng (*illusion*). Dharmakīrti cũng đã viết như vậy “*Direct knowledge means here neither construction (judgment) nor illusion*” (Nhận thức trực tiếp có nghĩa là không tạo tác cũng không có ảo ảnh, khi định nghĩa một hiện lượng hay một nhận thức trực tiếp).

Trong giai đoạn đầu tiên của nhận thức trực tiếp, dù là cảm giác của cảm quan hay là cảm giác của tâm thức, đều không thể có phán xét hay phán đoán. Vì vậy, cả học phái Nyāya và Phật giáo đều khẳng định đây là giai đoạn nhận thức không xác định (*indeterminate knowledge*). Chỉ sau khi có sự phối hợp của trí thức,

chúng ta mới có nhận thức thực sự với sự vật và chỉ khi ấy, nhiều sai lầm mới có thể xảy ra.

Dharmakīrti (Pháp Xứng) giải thích thế nào là tạo tác hay phán xét. Bởi lẽ khi nào Dharmakīrti dùng từ tạo tác, ông ta cũng mở ngoặc đơn với từ phán xét (*judgment*), do vậy tạo tác là thao tác của ý thức hay trí thức, không thể là việc làm của 5 thức đầu tiên. Ông viết: “*Construction (or judgment) implies a distinct cognition of a mental reflex which is capable of coalescing with a verbal designation*” (Kiến tạo hay phán xét hàm ý một nhận thức minh bạch đối với một phản ánh tâm thức, có thể hòa nhập vào một ký hiệu ngôn ngữ) [1].

Như nói cái bàn, là ký hiệu ngôn ngữ (*verbal designation*) để chỉ cái bàn. “*Coalesce with a word*” nghĩa đen là hòa nhập vào một từ. Cái gì hòa nhập? Hình dáng cái bàn hòa nhập vào từ ngữ cái bàn. Như chúng ta thấy hình dáng một cái bàn như đang thấy, và ta nói đây là cái bàn. Khi nói như vậy, tức là hình dáng cái bàn đã hòa nhập vào danh từ cái bàn. Mọi chuyện có thể nói là hằng ngày xảy ra, khi chúng

ta nhìn người và sự vật, nhưng vì ta không có phân tích như các nhà Logic học, thành ra khó hiểu.

Khi cái bàn đối diện với chúng ta thì lập tức hiện ra trong tâm thức một hình ảnh cái bàn. Hình ảnh này là một bóng phản xạ của tâm thức mà Dharmakīrti gọi là *pratibhasa* và Stcherbatsky (*mental reflex*). Tâm thức trong trường hợp này chính là ý thức hay thức thứ sáu, giống như cái gương, khi đối diện cái bàn thì có hình ảnh cái bàn hiện ra. Vì vậy, luận Đại thừa khởi tín gọi tâm thức là hiện thức (cấp tâm thức này chính là ý thức hay thức thứ 6).

Không phải sự vật ngoại cảnh mà là hình ảnh của nó hòa nhập vào ký hiệu ngôn ngữ. Dharmakīrti viết: “Nhận thức, không có tạo tác như vậy, và không bị tác động bởi các ảo ảnh tạo ra bởi con mắt có bệnh (như không thấy màu hay thấy lạc màu- MC), chuyển động nhanh, đi trên thuyền hay tàu và các nguyên nhân khác, thì gọi là nhận thức hiện lượng đúng đắn” [2].

2. CÁC TRƯỜNG HỢP HIỆN LƯỢNG SAI (TỢ HIỆN LƯỢNG)

Không phải tất cả nhận thức trực tiếp hay nhận thức hiện lượng đều đúng đắn. Các trường hợp hiện lượng sai như sau:

- Do đối cảnh chuyển động khiến chúng ta thấy sai lầm. Thí dụ, khi tàu hỏa bắt đầu chạy, chúng ta thấy cây cối hai bên đường chạy.
- Nhìn nhầm hai vật tương tự. Như thấy dây thừng tưởng là con rắn.
- Ánh sáng không đủ, khiến thấy không rõ.
- Mất yếu hay là mất bệnh.
- Khi tâm thức (thức thứ 6) nghĩ đâu đâu, thì đôi khi sự vật nằm ngay trước mắt mà không thấy.
- Khi tâm bị khuấy động bởi một cảm xúc mạnh, như lòng sợ hãi.
- Khi sự vật chỉ xuất hiện không phải toàn bộ mà chỉ một phần.

Bảy khả năng sai lầm của hiện lượng kể trên là của học phái Nyāya, nhưng chúng cũng giúp bổ sung và làm rõ thêm những điều Dharmakīrti nói về hiện lượng sai [3]. Dharmakīrti cũng ghi nhận những nguyên nhân dẫn tới hiện lượng sai như: đau mắt, chuyển động nhanh, đứng trên tàu chạy mà nhìn, các loại bệnh và một số nguyên nhân khác... Nếu không có những nguyên nhân trên dẫn tới sai lầm thì chúng ta có hiện lượng đúng (chân hiện lượng).

3. BỐN LOẠI HIỆN LƯỢNG

Dharmakīrti thừa nhận có bốn loại nhận thức trực tiếp hay nhận thức hiện lượng là:

a) Nhận thức cảm quan: Là nhận thức của các cảm quan mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. Vì trong sát na đầu tiên của nhận thức cảm quan, chỉ là một cảm giác thuần túy, cho nên thực ra chỉ là cảm giác, chưa phải là nhận thức theo đúng nghĩa của nó.

b) Hiện lượng tâm thức (*mental perception hay mental sensation*): Hiện lượng tâm thức cũng là cảm giác, nhưng không phải của cảm quan mà của tâm thức, đúng hơn là của ý thức. Theo Dharmakīrti thì cảm giác tâm thức nảy sinh sau cảm giác cảm quan. Vì vậy trong môn Duy thức, có khái niệm “Ngũ câu ý thức”, là ý thức đồng khởi với năm thức đầu. Dharmakīrti nói là: “*Cảm giác tâm thức không thể nảy sinh, trừ phi là con mắt (nhân thức) lúc này thôi không hoạt động. Vì nếu nhân thức còn hoạt động, thì chúng ta tiếp tục có cảm giác về hình dáng, màu sắc, tức là những cảm giác thuộc cảm quan*”.

c) Hiện lượng tự ý thức (*self consciousness*): Khi chúng ta nói: “Đây là cái bàn” thì đó là nhận thức. Nhưng khi nói: “Tôi biết là tôi thấy cái bàn”, thì đây là tự ý thức.

d) Trực cảm Thiền định (*yogic intuition*): là hiện lượng do công phu Thiền định đem lại. Cảnh giới Thiền định nhiều khi rất khác biệt với cảnh giới bình thường. Ngoài ra, người tu tập thiền định lâu năm có thể thấy xa hơn người bình thường, có thể

thấy trong bóng tối. Tâm lý học phương Tây không biết gì về trực cảm thiền định.

4. NHẬN THỨC HIỆN LƯỢNG VÀ THUYẾT SÁT NA DIỆT

Phật giáo nhìn các sự vật mang thuộc tính biến đổi, bản thân sự biến đổi đó là sự vật. Đối với một sự vật hủy diệt cũng vậy, không phải có một sự vật bị hủy diệt, bản thân sự vật ấy là sự hủy diệt. Theo thuyết sát na diệt thì như Vasubandhu (Thế Thân) nói: “*Không có vận động, vì sự vật sanh ra bèn hủy diệt ngay lập tức*”. Luận sư Kamalasila cho rằng sự vật sát na diệt không thể di chuyển vì chúng hủy diệt ngay tại nơi chúng sanh khởi.

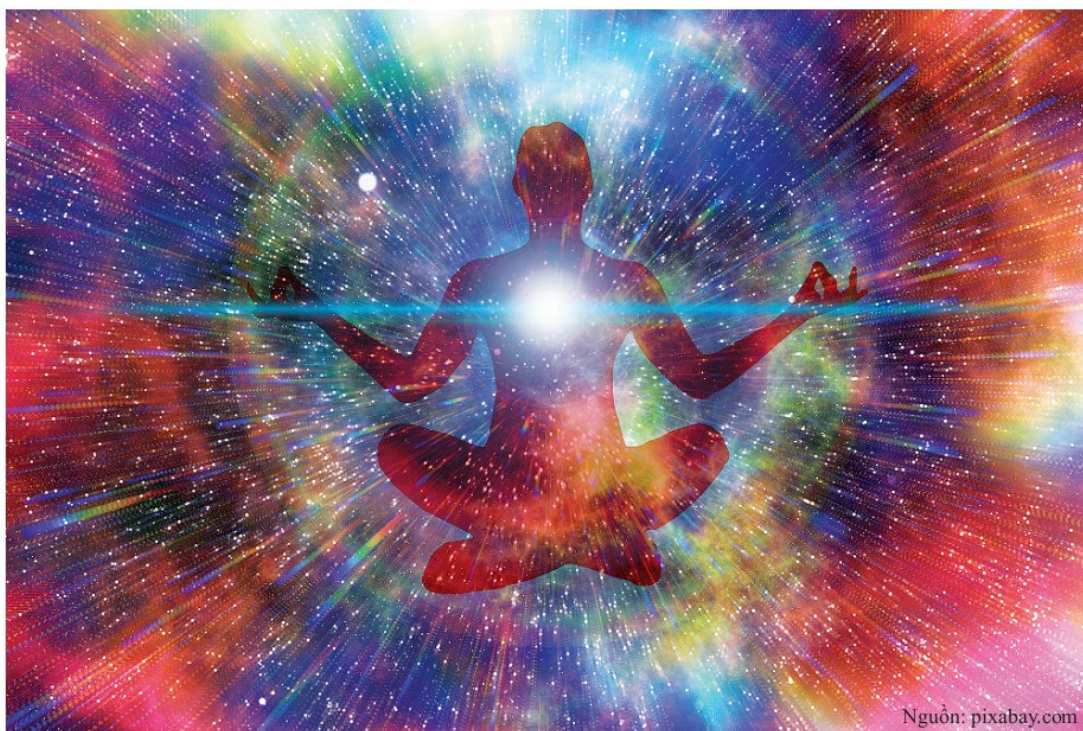
Nhận định sự vật không chuyển động, bề ngoài mâu thuẫn với thuyết các pháp đều là vô thường, sự vật chỉ là sự vận động. Thực ra, hai tuyên bố có vẻ mâu thuẫn đó chỉ là hai biểu tượng khác nhau của cùng một sự kiện. Cái gọi là ổn định, không chuyển động chỉ là sự ổn định và không chuyển động của một sát na mà thôi. Và cái gọi là sự vận động chỉ là hai sát na nối tiếp nhau liên tục không đứt quãng, tạo ra ảo ảnh của một sự vận động. Cũng như một dây đèn, phóng ra ánh sáng, đèn này nối tiếp đèn kia và tạo ra ảo ảnh một ánh sáng đèn chuyển động. Vận động thực ra chỉ là một chuỗi những điểm bất động. Như vậy, chỉ bằng phương pháp tư biện thuần túy, đạo Phật đã quan niệm được sự vận động phân nào giống với quan niệm của vật lý toán hiện đại.

Đối chiếu với học phái Thắng Luận (Vaisesika), vận động là có thực. Nói sự vận động hàm ý là sự vật khác với vận động. Vận động là Nghiệp (*Karma*) của sự vật đó. Nói một sự vật vận động tức là nói mối liên hệ hiện hữu của sự vật đó với một địa điểm bị hủy bỏ chấm dứt, thay vào là một mối liên hệ mới của sự vật đó với một địa điểm mới. Quan điểm của Phật giáo là sự vật không có thực thể (*no substance*). Chúng ta có một chuỗi điểm sáng sanh diệt nối tiếp nhau, tạo ra ảo ảnh một điểm sáng chuyển động, nhưng thật ra không có sự chuyển động nào hết.

Một sự vật là vô thường, lúc nào cũng vô thường. Nghĩa là sự vật biến đổi liên tục, không giây phút nào là không biến đổi. Ý tức là sự vật sanh ra rồi diệt ngay, và cứ tiếp tục như vậy. Các hiện tượng gọi là trụ, hay dị đều là chuyện tưởng tượng. Thuyết sát na diệt được chứng minh bởi luật mâu thuẫn. Một vật thật sự tồn tại phải là một vật tách biệt với các vật khác. Nếu vật chất thật sự tồn tại thì phải tồn tại tách biệt khỏi các dữ kiện cảm quan (*sense data*). Nói chung, trong thế giới hiện tượng, không có sự vật hay hiện tượng nào tồn tại độc lập cả, vì vậy mà chúng không thật sự tồn tại.

Người ở đời, ít ai không ham tiền, ham của, ham danh, ham lợi. Đạo Phật với thuyết sát na diệt, lại muốn chứng minh tất cả những vật chất mà người đời thèm muốn chỉ tồn tại trong nháy mắt, trong sát na (*ksana*), sát na được hiểu là thời lượng ngắn nhất có thể tưởng tượng được. Đó là thuyết sát na diệt (*ksanavada*). Đối với người bình thường, đây là thuyết khó chấp nhận, vì trước mắt chúng ta, hình như chúng ta thấy vật gì cũng cố định, kéo dài. Nhưng thực, cảm giác cố định và kéo dài đó chỉ là ảo ảnh và ảo tưởng. Một vật nếu thật sự là cố định thì sẽ mãi mãi là cố định (sẽ là vĩnh hằng). Cũng như một người, mới sanh ra, nếu không già đi trong từng giây phút, thì sẽ trẻ mãi. Nhưng ai rồi cũng sẽ trải qua các giai đoạn sanh, già, bệnh và chết.

Một hạt thóc giống phải trải qua một quá trình biến đổi liên tục, biến dạng bộc phát thành mầm và trồi lên mặt đất. Cái giây tắc cuối cùng bộc phát thành mầm cũng chính là giây tắc cuối cùng nó tồn tại dưới dạng hạt thóc giống. Nhưng có phải đến giây tắc này, nó mới thay đổi hay không? Không phải, trước đó, nó thay đổi liên tục, nhưng chúng ta không thấy mà thôi. Nếu nó có chút nào dừng không thay đổi, thì nó mãi mãi không thay đổi, và sẽ không biến thành mầm, hay là có thay đổi nhưng theo hướng khác, như bị thổi mục. Luận sư Ấn Độ Sāntiraksita nói: “*Thực chất của thực tại là vận động*” (*The essence of reality is motion*) [4].



Nguồn: pixabay.com

Thuyết sát na diệt là hòn đá tảng của bản thể luận Phật giáo, một bản thể luận đặc biệt không thừa nhận sự vật có một bản thể nào hết, chúng chỉ là nhân duyên sanh, vốn là trống rỗng, là không. Đúng như câu thơ của Thiền sư Đạo Huệ đời Lý:

*“Địa, thủy, hỏa, phong, thức,
Nguyên lai nhất thiết không,
Như vân hoàn tụ tán...”*.

Nghĩa là:

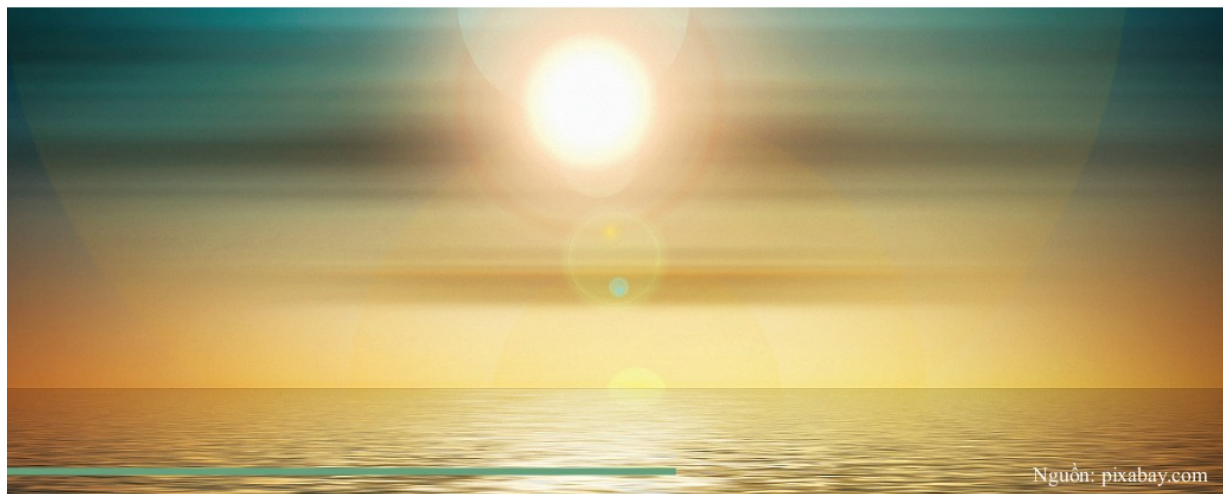
*“Đất, nước, lửa, gió, thức,
Xưa nay vốn rỗng không,
Như mây lúc họp lúc tan...”*.

Ở Ấn Độ, ngay từ thế kỷ VI trước Công nguyên, thuyết sát na diệt được Phật giáo đề xuất dưới dạng “Tất cả mọi sự vật đều là vô thường”, và được liên tục phát triển không đứt đoạn, không những ở Ấn Độ là quê hương, mà cả trong những nước Phật giáo được du nhập vào. Do đó, thật là điều hứng thú, nếu chúng ta tìm hiểu được những lý lẽ, từng làm chỗ dựa cho thuyết sát na diệt ở Ấn Độ. Thuyết sát na diệt được tất cả các bộ phái Phật giáo thừa nhận, kể cả bộ phái Tỳ Bà Sa (Vaibhasikas). Nội dung thuyết này như thế nào? Theo thuyết này, tất cả cái gì tồn tại,

dù là vật chất hay phi vật chất đều sanh rồi diệt ngay, rồi lại sanh diệt, nối tiếp mãi không cùng. Thuyết này được luận sư Sāntiraksita định nghĩa bằng một câu có giá trị kinh điển: “The momentary thing represents its own annihilation”, nghĩa là: *Sự vật sát na diệt thể hiện sự hủy diệt của bản thân nó*.

Một sự vật đã là vô thường thì sanh ra phải hủy diệt ngay vì nếu tồn tại kéo dài ở sát na sau thì sẽ tồn tại tiếp tục ở sát na kế tiếp, rồi mãi mãi. Lý do là nếu tồn tại thì tức là sẽ tồn tại mãi mãi. Mọi sự vật theo quan điểm Phật giáo, trong mỗi sát na đều tập hợp đủ điều kiện nội tại để tự nó hủy diệt, mà không cần có yếu tố gì tác động từ bên ngoài. Triết phái Số luận chủ trương có một vật chất gọi là Prakṛti tuy có thay đổi nhưng tồn tại vĩnh cửu. Một vật chất tồn tại vĩnh hằng nhưng lại thay đổi liên tục, đó là do trí tưởng tượng của triết phái này tạo ra, chứ trong thực tế, không thể có như vậy, cũng như quan niệm một linh hồn bất biến, một Puruṣa vĩnh hằng cũng là chuyện tưởng tượng.

Sự hủy diệt đó là toàn bộ, chứ không phải là hủy diệt từng phần như một số người quan niệm. Không phải sự vật cũ thay đổi, mà là một sự vật khác, một sự vật



Nguồn: pixabay.com

mới xuất hiện, tuy rằng sự vật mới tương tự với sự vật cũ, nhưng không phải đồng nhất với sự vật cũ. Khái niệm vô thường, thay đổi và hủy diệt khác nhau tùy theo Phật giáo hay các triết phái Ấn Độ giáo. Đối với Ấn Độ giáo, sự vật đổi thay là thay đổi hình dáng, thuộc tánh, nhưng bản thân sự vật thì không thay đổi.

Theo đạo Phật, qua một sát na, một sự vật thay đổi bằng một sự vật khác, không có chuyện thay đổi từng phần. Còn theo Thực tại luận (Phật giáo gọi là thực tại luận ấu trĩ – Naïve Realism), thì có một vật chất vĩnh hằng với những hình dáng và thuộc tánh của vật chất ấy thay đổi. Một lập luận như vậy đầy mâu thuẫn. Thứ nhất, thực tại tối hậu không thể là một cái gì có thể phân chia, như là sự vật trong thế giới hiện tượng.

Nếu sự vật là sát na diệt thì có vận động hay không? Luận sư Vasubandhu nói: “*Không có vận động do sự hủy diệt*” (*There is no motion because of annihilation* [5]). Luận sư Kamalasila cũng viết tương tự: “*Sự vật sát na diệt không thể chuyển động, vì chúng hủy diệt ngay tại chỗ chúng xuất hiện*”. (*Momentary thing cannot displace themselves, because they disappear at that very place at which they have appeared*). Một chuỗi những điểm bất động tạo ra ảo ảnh của sự vật vận động. Luận sư Vasubandhu viết: “*Ánh sáng của một ngọn đèn là một ảnh dụ phổ thông cho một sự sản xuất liên tục không nghỉ của một loạt ngọn lửa. Khi sản xuất này thay đổi vị trí, chúng ta nói ánh sáng chuyển động, nhưng trên thực tế, đó là những ánh sáng khác đã xuất hiện ở những nơi tiếp gần đó*”.

Về thuyết vận động, sẽ rất lý thú, nếu chúng ta đối chiếu Phật giáo với các triết phái Ấn Độ giáo. Theo triết phái Vaisesikas (Thăng Luận), vận động là một thực tế, đó là một trong ba sự vật, nội hàm trong sự tồn tại (*existence*). Hai sự vật kia là bản chất (*substance*) và thuộc tánh (*qualities*). Vận động khác biệt với sự vật vận động. Điều này có nghĩa là sự kết hợp giữa sự vật và vị trí mới của nó được hình thành. Đối với Phật giáo, sự vật không có thực thể (*no substance*). Chúng ta có một dãy điểm sáng sanh diệt nối tiếp nhau, tạo ra ảo ảnh một điểm sáng chuyển động, nhưng thật ra không có sự chuyển động nào hết.

Một sự vật vô thường, thì lúc nào cũng vô thường. Ý là sự vật biến đổi liên tục, không giây tắc nào không biến đổi. Một sự vật sanh ra rồi diệt ngay, và cứ tiếp tục như vậy. Các hiện tượng gọi là trụ hay dị đều là chuyện tưởng tượng. Thuyết sát na diệt được chứng minh bởi luật mâu thuẫn. Một vật thật sự tồn tại phải là một vật tách biệt với các sự vật khác. Nếu linh hồn thật sự tồn tại thì nó phải tồn tại tách biệt với mọi hiện tượng tinh thần hay tâm lý. Nếu vật chất thật sự tồn tại thì nó phải tách biệt khỏi các dự kiện cảm quan (*sense-data*). Nói chung, trong thế giới hiện tượng, không có sự vật hay hiện tượng nào tồn tại độc lập cả, vì vậy mà chúng không thực sự tồn tại.

Tất nhiên, “cái gọi là không thực sự tồn tại” ở đây, không phải như hoa đốm trong hư không, hay là sừng thỏ, lông rùa, cũng không giống như các ảo ảnh, như nước trong sa mạc. Phân tích những nhận thức sai lầm trong thế giới hiện tượng, có thể chia

thành: thấy cái tạm thời, cái sát na sanh diệt thành cái vĩnh hằng, nhận lầm đau khổ thành vui, cái không thánh thiện lại cho là thánh thiện, không có linh hồn lại cho là linh hồn. Đó là một loại nhận thức nhầm lẫn phổ thông trong thế giới hiện tượng. Những sai lầm đó đều do vô minh (*avidya*) mà có.

Thuyết sát na diệt được các bộ phái Phật giáo đồng thuận chấp nhận. Asvaghosa, trong bộ luận *Sraddotpadasastra* nói năm uẩn đều tồn tại trong từng sát na [6]. Buddhaghosa trong cuốn *Thanh Tịnh Đạo Luận (Visudhimagga)* cũng nói căn quán tưởng năm uẩn như là sát na diệt [7].

Phật giáo cho rằng, ảo tưởng về thường còn là do tin nhầm trong con người có một cái Ta thường còn, nhưng thật ra trong con người, chỉ có các cảm xúc, ý niệm và ý chí xuất hiện nhất thời, chứ hoàn toàn không có chủ thể nào tồn tại. Như ánh lửa của ngọn nến thay đổi trong từng giây tắc, nhưng chúng ta có cảm giác như có một ngọn đèn nến tồn tại kéo dài. Không phải chỉ tóc, móng tay và ngọn đèn nến mà tất cả mọi sự vật xung quanh chúng ta đều như vậy cả, chỉ là chúng ta không biết đó thôi. Thực vậy, vấn đề mọi người quan tâm bức xúc trước đây, thời Phật còn tại thế cũng như hiện nay là có ngã hay vô ngã, không phải nơi sự vật của thế giới hiện tượng mà chính là ở nơi con người.

Đạo Phật chỉ phủ định cái Ta “bất biến, thường hằng, độc nhất, cái Ta tự chủ một cách tuyệt đối”. Đạo Phật cho rằng vô ngã không chỉ là một lối sống, mà còn là một pháp tu hành. Như luận sư Shantideva (phái Trung Quán) khuyên:

*“Whatever joy there is in this world,
All comes from desiring others to be happy.
Whatever sorrow there is in this world,
All comes from desiring myself to be happy”.*

Dịch:

*Một niềm vui có ở đời này,
Đều đến từ ý muốn khiến mọi người khác được hạnh phúc.
Mọi nỗi buồn có ở đời này,
Đều đến từ ý muốn cho mình được hạnh phúc (mà thôi).*

Rồi đến câu thơ danh của triết gia Pháp Blaise Pascal: *“Le moi est haissable”*. Dịch: *Cái ta là đáng ghét*.

Tất cả những lời nói hay câu thơ trên đều ca ngợi vô

ngã hay vô tư như là một lối sống hơn là một thuyết triết học.

Nói như vậy, thay đổi thường được người bình thường quan niệm như là một vật tồn tại nhưng có biến đổi. Đó là quan niệm phổ thông. Còn đối với Phật giáo, thì sự thay đổi phải có tính toàn bộ. Thay đổi có tính cách mạng, thay đổi không phải là diễn biến. Phật giáo thừa nhận có một cái Ta liên tục thay đổi và biến hóa, đó là cái ta, nhờ có thay đổi biến hóa, mà có thể trở thành thánh thiện, sống theo đạo lý nhân quả.

Nói chung, đối với đạo Phật, không có sự tồn tại (*Being*) mà chỉ có sự trở thành (*Becoming*). Sự thay đổi không những là toàn bộ mà còn là liên tục. Đối với Phật giáo, thực tại là cái nhân có hiệu quả, khi hạt giống biến thành cái mầm, thì toàn bộ hạt giống, không còn sót lại gì hết, nó biến thành cái mầm. Không thể quan niệm được một sự vật tạo ra một vật khác mà lại tạo ra từng phần của vật ấy, một cách dần dần. Hãy trở lại ví dụ của hạt giống biến thành cái mầm. Hạt giống đó là năng động liên tục rồi biến thành cái mầm. Mỗi giây tắc thay đổi là một hạt giống mới xuất hiện, cho tới lúc cuối cùng cho tới sự nảy vọt về chất và cái mầm xuất hiện. Thực ra, chúng ta có một chuỗi cho tới lúc, vì điều kiện thay đổi, một chuỗi mầm đến thay thế cho một chuỗi hạt giống đều xuất hiện. Mỗi hạt giống ở trong chuỗi tự nó hủy diệt, không cần có một nguyên nhân ngoại lai nào hết.

Chú thích:

* TT.TS Thích Đức Trường (Nguyên Hạnh)

- [1] Stcherbatsky, *Một giọt Logich*, tr.19
- [2] Stcherbatsky, *Logic học Phật giáo*, tr.24.
- [3] Radhakrishnan, *Triết học Ấn Độ*, tập II, tr.71.
- [4] Stcherbatsky, *Logic học Phật giáo*, tập 1, tr.97
- [5] Stcherbatsky, *Logic học Phật giáo*, tập 1, tr.98.
- [6] Suzuki, tr.105.
- [7] Surendranath Dasgupta, *Lịch sử triết học Ấn Độ*, tập I, tr.161.

Tài liệu tham khảo:

1. Hòa thượng Thiện Siêu, *Lối vào Nhân minh học*, Viện nghiên cứu Phật học Việt Nam ấn hành, 1994.
2. Luận sư Dharmakīrti (Pháp Xứng), *Nyāya Bindu*, Sớ giải của luận sư Dharmakīrti, sớ giải của Luận sư Dharmottara (Pháp Thượng). Bản dịch Anh ngữ của Viện sĩ Nga Stcherbatsky.
3. Ngài Đại Vực Long, *Nhân minh chánh lý môn luận bốn*, Huyền Trang dịch.
4. Ngài Dignaga (Đại Vực Long - Trần Na), *Nhân minh chánh lý môn luận*, Nghĩa Tịnh dịch Hán.
5. Sankarasvamin (Thương Yết La Chủ), *Nhân minh nhập chánh lý luận*, Huyền Trang dịch.
6. Minh Chi, *Nhân Minh Học Phật giáo*, Viện nghiên cứu Phật học ấn hành, 1994.



Thiền học Sơ Tổ Trúc Lâm

TRONG CÔNG CUỘC
ĐOÀN KẾT XÃ HỘI ĐẠI VIỆT



ĐD. Thích Minh Hiện*

Nguồn: internet

Thiền học Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử đóng vai trò quan trọng cho việc cấu thành nền Phật giáo Việt Nam. Trong công cuộc xiển dương, tự thân Thiền phái phải đáp ứng mọi nguyên tắc, yêu cầu hệ tư tưởng sao cho phù hợp với bản sắc văn hóa dân tộc. Không ngạc nhiên khi suốt tiến trình lịch sử dân tộc, Thiền tông Đại Việt luôn được đề cao, giữ vị trí nhất định trong lòng dân; không chỉ khơi dậy những giá trị thực tiễn trong đời sống tinh thần - tín ngưỡng tâm linh thuần túy, mà còn đóng góp quan trọng vào công cuộc chống giặc ngoại xâm, bảo vệ đất nước. Đơn cử là sự ra đời Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử, với Sơ tổ Phật hoàng Trần Nhân Tông.

TRẦN NHÂN TÔNG VÀ TRIẾT LÝ “PHẬT TẠI TÂM”

Thiền phái Trúc Lâm bắt đầu từ sự kiện vua Trần Nhân Tông xuất gia tại chùa Hoa Yên (núi Yên Tử). Ngài có hiệu là Hương Vân Đầu Đà và là người truyền thừa chính thức của phái Yên Tử, thế hệ thứ sáu, tiếp nối thiền sư Huệ Tuệ, với pháp hiệu Trúc Lâm, hoàn tất ước nguyện của vua Trần Thái Tông hợp nhất các Thiền phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông và Thảo Đường. Ngài trở thành Sơ Tổ của Thiền phái Trúc Lâm, gọi là Trúc Lâm Đầu Đà hay Điều Ngự Giác Hoàng.

Thiền Trúc Lâm dưới sự lãnh đạo từ Sơ tổ Trần Nhân Tông, Nhị tổ Pháp Loa và Tam Tổ Huyền Quang đều dung hợp tất cả tinh hoa Thiền phái có sẵn thành Phật giáo Nhất Tông, trên cương lĩnh bản sắc Phật học Đại Việt. Tuy nhiên, khi nhắc đến Thiền Trúc Lâm, không thể không bàn tới hệ tư tưởng chính “*Phật tại tâm*” hay “*Cư trần lạc đạo phú*”. Sự đặc sắc của hệ thống tư tưởng này kiến tạo nên nhận thức tích cực, đặc thù về Phật trong lòng dân Việt. Hệ tư tưởng “*Phật tại tâm*” xuất



Nguồn: internet

hiện sống động, rõ nét trong Phật giáo thời Trần, với chủ trương gây dựng nên hệ ý thức cho dân Việt một cách hiện thực, đơn giản hóa.

Nói cách khác, quan điểm “*Phật tại tâm*” bàn về bản thể, nhận thức luận từ Sơ tổ Trần Nhân Tông, đồng thời mô phỏng nội hàm tư tưởng Thiền phái Trúc Lâm. Tư tưởng này đã kế thừa từ nền tảng triết lý “*biện tâm*” của vua Trần Thái Tông và “*hòa quang đồng trần*” của Tuệ Trung Thượng Sĩ. Vì thế, sau khi tiếp thu, Điều Ngự Giác Hoàng đã đề cao quan điểm “*Phật tức là tâm*”, cầu tìm Phật ngay trong tâm mình, không truy tìm vô vọng nguyên lý bên ngoài. Điều đó được kết tinh trong tác phẩm “*Cư trần lạc đạo phú*”.

Sự nhận thức về Phật trong lòng được Sơ Tổ trình bày khá sâu sắc nhưng thật gần gũi trong ***Cư trần lạc đạo***: “*Vậy mới hay, Bụt*

ở trong nhà; chẳng phải tìm xa. Nhân khuấy bân nên ta tìm Bụt; đến cốc hay chín Bụt là ta”¹. Sự nhận thức Phật tánh biểu đạt theo chiều hướng hiện thực hóa, Thiền phái hướng tới ý thức bản thể Phật con người thật sự tích cực, giản đơn nhất. Nhưng lạ thay, sự vô minh, tham ái luôn trói buộc phàm thể chạy theo, bám víu thế giới Phật bên ngoài. Vì thế, Sơ Tổ trình bày quan điểm trong bài Phú, hàm chỉ giá trị thiết thực đời sống với sự tìm cầu vô nghĩa, nếu muốn giải thoát cần phải quay về với bản tâm thanh tịnh, ý thức về sự hiện khởi vô minh.

Mặc khác, Thiền phái chủ trương Phật tánh từ tính chất hiện thực nhất, không vọng cầu thể giới ngoại sinh. Sơ Tổ kiến giải theo lối tư duy bản thể luận, tức quay về thế giới nội tâm hằng tịch tĩnh, hồi quang phản chiếu thì hành giả đạt được sự giải thoát tại trần

Nguồn: traveltimes

tục. Ngài đúc kết qua **Cư trần lạc đạo**: “Cõi trần vui đạo hãy tùy duyên, đối củ ăn no, một ngủ yên. Báu sẵn trong nhà thôi khỏi kiếm, vô tâm trước cảnh hời chi Thiền”². Ngay từ thuở đầu, Phật hoàng Trần Nhân Tông đã nhận được lợi ích kết hợp giữa “đạo và đời” biến tư tưởng này thành triết lý muôn thuở cho Thiền phái đến tận ngày nay. Có thể nói, quan điểm Thiền nhập thế do Sơ Tổ chủ trương đã thổi thêm sức sống cho nền Phật giáo đương thời, đúng với tinh thần “hòa quang đồng trần” của những bậc tiền nhân, góp phần vun đắp Phật giáo trở thành nguồn sống nội sinh cho dân tộc.

Vận hành hệ tư tưởng của Sơ Tổ trên quy trình phản quang, quay về tự thân nhìn nhận thế tách tiếp tục được kế thừa bởi Thiền sư Pháp Loa. Trong *Thượng Thừa Tâm Học Khuyến Chứng Phổ Thuyết*, Pháp Loa khuyến cáo: “Phù học Phật chi lưu, tiên tu kiến tánh/ Người học Phật, trước tiên cần thấy tính”³, chỉ cần thấy tính trong người thì có thể giác ngộ ngay giữa trần tục. Rõ ràng, quan điểm “Phật tại tâm” mà Sơ Tổ Trúc Lâm đề cao đã thích ứng sâu sắc với dân tộc Đại Việt bấy giờ, quần chúng ai cũng có thể trải nghiệm và giác ngộ. Tinh thần đó, sau này được kết tinh trong *Truyện Kiều* của Nguyễn Du với câu thơ “cội nguồn cũng bởi tâm này mà ra”.

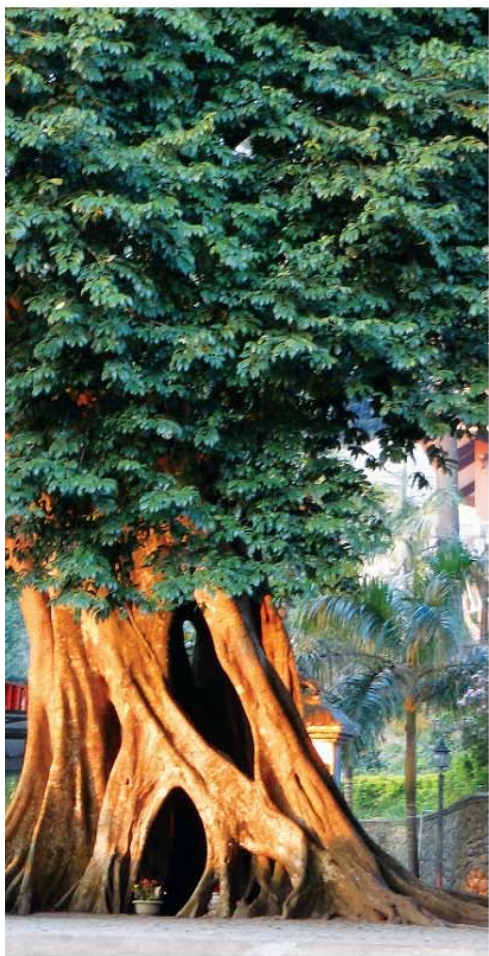


NHỮNG ĐÓNG GÓP THỰC TIỄN CHO DÂN TỘC VIỆT NAM

Thiết lập nền độc lập tự chủ dân tộc, xây dựng phát triển đất nước

Thiền phái Trúc Lâm xuất hiện không những mang yếu tố tâm linh thuần túy nội hướng Phật học mà còn đóng vai trò chủ đạo trong công cuộc thiết lập nền độc lập tự chủ dân tộc. Tinh thần nhập thế được những Hoàng đế - Phật tử - Thiền sư áp dụng thành công trong việc trị nước, an dân, thể hiện qua lời dạy của Quốc sư Viên Chứng cho Trần Thái Tông, “hòa quang đồng trần” của Tuệ Trung Thượng Sĩ và “Cư trần lạc đạo” của Trần Nhân Tông. Tinh thần lấy tâm làm tiêu đích cho sự giải thoát, trực ngộ chân tâm giải thoát ngay trong trần tục, không tìm cầu thế giới bên ngoài, đã được các vua nhà Trần và Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử vận dụng.

Tinh thần nhập thế hộ quốc an dân luôn được giới lãnh đạo Thiền phái quan tâm, đề cao. Điều đó biểu hiện từ sự khuyến cáo nơi Quốc sư



Viên Chúng với Trần Thái Tông mà *Thiền Tông Chi Nam* nhắc tới, tạo dấu ấn sâu đậm cho Tông môn Trúc Lâm về sau, cũng như thấm nhuần hệ tư tưởng Phật giáo thời Trần: “*Phàm đã là bậc minh quân tất phải lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình, lấy tâm lòng của thiên hạ làm tâm lòng của mình*”⁴, cốt yếu xây dựng một Phật giáo Đại Việt luôn đồng hành cùng dân tộc. Thiền phái dưới sự hướng dẫn của Sơ Tổ đã thể hiện tích cực cao trào nhập thế, hộ quốc an dân với phương châm “tốt đời, đẹp đạo”. Không

...những vua Trần luôn lấy dân làm gốc, hướng họ đến nội tâm hằng tịch tĩnh, nhập thế cuộc sống, hòa nhập vào dòng chảy thế sự; giữa nhân gian bộn bề mà giác ngộ, tạo niềm tin tuyệt đối trong lòng người,...

phải đến khi xuất gia, hành đạo thì tinh thần nhập thế mới được Sơ Tổ phát dương, mà ngay khi còn tại vị, điều đó đã được minh chứng qua cuộc kháng chiến chống quân Nguyên - Mông với tinh thần khoan dung, độ lượng. Ngài chủ trương hòa hiếu chấm dứt chiến tranh, xây dựng hòa bình hơn là dùng đao gươm loạn lạc. Với tư cách Thái Thượng Hoàng, Ngài sẵn sàng phê phán, chỉ trích vua Trần Anh Tông khi say rượu bỏ bê chính sự... Có thể thấy, Sơ Tổ luôn mang trong mình tinh thần nhập thế cao độ dù trên bất kỳ cương vị nào. Đặc biệt, Thiền phái còn tạo dựng nhận thức hoàn thiện cho dân chúng về giáo lý giải thoát ngay trần tục. Với ý chí phụng sự chúng sanh, những vua Trần luôn lấy dân làm gốc, hướng họ đến việc nhập thế cuộc sống, hòa nhập vào dòng chảy thế sự; giữa nhân gian bộn bề mà giác ngộ, tạo niềm tin tuyệt đối trong lòng người, kiến thiết Phật giáo trong lòng dân, như nhà nghiên cứu Nguyễn Lang nhận định: “*Chính Nhân Tông đã sử dụng được tiềm năng của Phật giáo để phục vụ cho chính trị*”⁵.

Giáo dục con người về đạo đức, trí tuệ và tinh thần yêu nước

Mục tiêu tối thượng của Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử hướng tới là giáo dục con người về đạo đức, cải thiện tự thân để đạt được nhận thức tích cực. Một đất nước đề cao đạo đức mới có thể hướng đến sự trường tồn, phát triển, như phát biểu của học giả Damien Keown: “*Đầu tiên và trên hết, Phật giáo là một con đường chuyển hóa bản thân, tìm cách diệt trừ những trạng thái tiêu cực (thối hư tật xấu) và thay chúng bằng những trạng thái tích cực hoặc lành mạnh (đức hạnh) đây là con đường để mọi người trở thành Phật*”⁶.

Nhận thấy chân giá trị cốt lõi đạo đức học tại thế gian, Sơ Tổ cùng Thiền phái đã hướng dân Việt đến tầm nhận thức chân chất, không ngừng xiển dương tinh thần Phật học, thuyết kinh, giảng pháp, sau những mùa kiết hạ tại các Am Từ Tiêu, Ngoạ Vân, Thạch Thất, Tri Kiến hay tại các chùa Vĩnh Nghiêm và Siêu Loại.

Đặc biệt, Sơ Tổ luôn ý thức, đề cao giáo lý Thập Thiện trong công cuộc hoằng pháp, nhập thế vào đời, hướng Thiền phái đến việc cải thiện đạo đức, nề nếp dân chúng, như nhà sử học Nguyễn Lang nhận định: “*Lấy giáo lý Thập Thiện làm cơ bản cho đạo đức xã hội, Trúc Lâm đã có ý muốn xây dựng một xã hội trên nền tảng luân lý đạo Phật*”⁷. Với quan điểm “*Phật tại tâm*”, Thiền phái đã đánh thức, kiến tạo nền tảng trí tuệ, ngăn ngừa những pháp bất thiện từ lục căn tác động. Qua



Nguồn: phatgiao.org.vn

“*Cư trần lạc đạo*”, Sơ Tổ đã thể hiện quan điểm kiến tánh thành Phật, chỉ cần trở về thế giới Phật tính thì con người có thể giác ngộ. Thiền phái hướng đến giáo dục con người, đề cao trí tuệ để khai phá con đường giải thoát tự thân, mưu cầu sự giải thoát ngay trần tục, như vua Trần Thái Tông khẳng định trong *Khóa Hư Lục*: “*Tuệ là hậu thiện, do thấy biết như thật nên chán ghét, do chán ghét nên lìa dục, do lìa dục nên giải thoát, gọi là hậu thiện*”⁸. Ngài đề cao trí tuệ, chỉ có trí tuệ mới giúp con người lìa xa dục vọng và ham muốn.

Bên cạnh giáo dục con người đến với đạo đức, trí tuệ, Thiền phái còn góp phần kiến tạo tinh thần yêu nước, đồng lòng chống ngoại xâm như trong hội nghị Diên Hồng. Ngoài việc tu hành giải thoát, Thiền phái cũng hướng dân Việt kiện toàn đạo đức và ghi nhớ trách nhiệm bảo vệ đất nước, tạo nên tinh thần bất khuất trước giặc ngoại xâm. Với

những giáo lý căn bản hướng con người đến với yêu thương, hòa hiếu, trung nghĩa, khoan dung, độ lượng, Thiền phái còn đóng góp tích cực vào việc giáo dưỡng tinh thần dân Việt.

Tóm lại, Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử xuất hiện đáp ứng nhu cầu thời đại đề ra, mang trong mình hệ ý thức văn hóa dân tộc. Không chỉ dung hòa lòng dân, mà còn kế thừa tinh hoa những Thiền phái đi trước, dung hợp Thiền - Tịnh - Mật và tư tưởng Phật - Nho - Lão để tạo nên bản sắc riêng biệt cho Thiền phái của dân tộc. Trong quá trình thành lập, Thiền phái đã có nhiều điều kiện để phát triển vì người đứng đầu nước nhà như: Trần Thái Tông, Trần Thánh Tông... đều là những vị vua thuần tín Phật đạo, đặc biệt Trần Nhân Tông còn xuất gia, giác ngộ hiển Phật ngay trần tục. Chủ trương “Phật tại tâm” đã xiển dương tinh thần thiền học thời Trần và được mọi tầng lớp xã hội tiếp thu. Thiền phái ra đời đã đáp ứng các yêu cầu

xã hội, nhất là tinh thần hộ quốc - an dân, tích cực nhập thế. Và tinh thần đạo pháp - dân tộc đó đến nay vẫn luôn được xiển dương, phát huy mạnh mẽ.

Chú thích:

* ĐĐ. Thích Minh Hiền: Học viên cao học khóa 2.

1. Viện Văn Học (1989), Thơ Văn Lý Trần, Tập II, Quyền thượng, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội tr.500-506.
2. Viện Văn học (1989), Thơ Văn Lý Trần, Tập II, Quyền thượng, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, tr.510.
3. Viện Văn học (1989), Thơ Văn Lý Trần Tập II, Quyền thượng, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.665.
4. Âm: Phạm vi nhân quân giả, dĩ thiên hạ chi dục vi dục; dĩ thiên hạ chi tâm chi tâm. Viện Văn Học(1989), Thơ Văn Lý Trần, Tập II, Quyền thượng, Nxb. Khoa Học Xã Hội-Hà Nội Tr.24-29.
5. Nguyễn Lang(2012), Việt Nam Phật Giáo Sử Luận I-II-III, Nxb. Phương Đông, Tr.312.
6. Damien Keown, Buddhist Ethics a very short introduction, Thái An dịch (2016), Dẫn Luận Về Đạo Đức Phật Giáo, Nxb. Hồng Đức, Tr.49.
7. Nguyễn Lang(2012), Việt Nam Phật Giáo Sử Luận I-II-III, Nxb. Phương Đông, Tr.228.
8. Hoàng đế Trần Thái Tông chế tác, Thích Thanh Từ (1996), Khóa Hư Lục giảng giải, Nxb. Thường Chiếu ấn hành, Tr.92.



Cánh diều

Đỗ Văn Xuân

Đàn trâu gỗ móng triển đê
Giấc đêm bước lồm lổ về tuổi thơ
Cánh diều bay là giấc mơ
Dây yêu thương nối đôi bờ thực hư

Cánh diều đựng gió mùa thu
Chở sang sông tiếng chim gù nhật thừa
Áo tôi mẹ cấy đồng chua
Cánh diều chấp chới gió lùa rạc đồng

Diều mây muôn muốt tầng không
Tìm em trống ngực phập phồng hội xuân
Tơ vương náu gót thanh tân
Nhớ nhung thao thức nỗi bản thân đêm

Lời ru diều sáo thêm hiền
Ngọt trong sữa mẹ thơm mềm giấc hoa
Diều con dẫu đến cao xa
Vẫn mang theo hững thật thà thảo thơm

Hoàng hôn tím rịm cánh chuồn
Sương giăng cỏ rối, mưa mơn lồi yêu
Núi em mấy sợi gió chiều
Ngát trắng non xuống làm diều thả chơi.



TỊNH XÁ NGỌC PHƯƠNG

TP. Hồ Chí Minh

Tịnh xá Ngọc Phương tọa lạc tại số 498/1, đường Lê Quang Định, phường 1, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh, trên một diện tích 2.500m². Đây là ngôi Tổ đình của Ni giới thuộc Hệ phái Khất sĩ (nguyên là Giáo hội Khất sĩ Ni giới Việt Nam), trụ sở Trung ương của hơn 300 ngôi Tịnh xá trong cả nước trực thuộc. Từ ngoài nhìn vào, cách đường Lê Quang Định khoảng 30m, cổng tam quan Tịnh xá Ngọc Phương hiện ra khiêm nhường mà trang nghiêm. Bước vào khuôn viên tịnh xá, khách thập phương cảm nhận một không gian yên tĩnh và tao nhã của các cảnh phong lan, hoa sứ, hoa trang.



Tịnh xá được xây dựng vào năm 1957 do cố Ni trưởng Huỳnh Liên (Trưởng Ni giới Hệ phái Khất Sĩ) và từ đó đến nay đã trải qua nhiều lần trùng tu. Lúc đầu, Tịnh xá chỉ được xây dựng một cách đơn sơ, mái tole vách ván, nền xi-măng. Ngôi chánh điện hình bát giác với vách ván, mái lợp fibro xi-măng. Năm 1965, bắt đầu trùng tu hai dãy nhà hai bên chánh điện,

tường xây, mái lợp fibro xi-măng. Từ năm 1972 đến năm 1984, tuân tợ trùng tu ngôi chánh điện theo mô hình tứ giác, tường xây mái đúc và lên thêm lầu. Năm 1988, xây thêm bảo tháp Đệ nhất cổ Ni trưởng Huỳnh Liên và trùng tu dãy Tăng phòng bên trái sau bảo tháp.

Tịnh xá gồm ba khối nhà hai tầng: ở giữa là giảng đường (tầng trệt) và chánh điện (lầu 1), hai bên là hai dãy Tăng phòng. Giảng đường và chánh điện rộng 12m dài 8,6m. Trước chánh điện tôn trí một tượng Bồ tát Quan Thế Âm cao 2m. Mái chánh điện đúc bê-tông dán ngói. Nội thất chánh điện trung bày đơn giản nhưng tôn nghiêm. Ngay sau giảng đường là phòng của chư Ni, sau chánh điện là phương trượng của Ni trưởng trụ trì (năm 2019 Ni trưởng trụ trì viên tịch, phòng để dành cho quý Ni trưởng về nghỉ trong các ngày lễ hội), phòng thờ chư Tôn đức Trưởng lão Ni và chư Ni viên tịch. Bên trái là dãy Ni phòng, tầng trệt gồm phòng ở, phòng Lưu niệm Đệ nhất cổ Ni trưởng, Văn phòng tịnh xá và nhà bếp. Lầu 1 gồm: phòng ở, nhà Cửu Huyền, sân thượng có một dãy phòng ở được xây dựng bằng vật liệu nhẹ, phần còn lại trồng hoa kiểng.

Dãy Ni phòng bên phải, tầng trệt gồm phòng phát hành kinh sách và văn hóa phẩm Phật giáo ngay sát cổng, kế là phòng khách Tăng, phòng dành cho





Phật tử, kho bếp, trai đường và hầm xe. Lầu I gồm các Ni phòng. Lầu II gồm văn phòng lớp Sơ cấp Phật học, thư viện, phòng học và phòng ở. Tịnh xá Ngọc Phương vào giai đoạn ban đầu do cố Ni trưởng Huỳnh Liên làm viện chủ, quý Tôn đức Ni trưởng, Ni sư luân phiên trụ trì qua các đời như: Ni trưởng Thành Liên (1960-1962), Ni trưởng Đức Liên (1963-1965), Ni trưởng Châu Liên (1965-1967), Ni trưởng Thiện Liên (1967-1968). Từ năm 1970 đến 2019, Ni trưởng Ngoạt Liên trụ trì. Hiện nay do Ban Quản trị (Ni trưởng Viên Liên là Trưởng Ban) điều hành công tác Phật sự của Tịnh xá.

Từ năm 1960 đến 1975, Ni trưởng Huỳnh Liên đã lãnh đạo trực tiếp Ni giới Khất Sĩ và nhất là Ni chúng Tịnh xá Ngọc Phương tích cực tham gia vào các phong trào Phật giáo yêu nước, hỗ trợ học sinh, sinh viên, nuôi dạy trẻ mồ côi, đấu tranh cho hòa bình độc lập dân tộc và trường tồn Đạo pháp.



Sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng (30/4/1975), chư Tôn đức Ni tiếp tục vận động kết hợp với các Tịnh xá và đồng bào Phật tử, tích cực tham gia đóng góp vào các công tác từ thiện xã hội như: viếng thăm và ủy lạo người nghèo, bệnh tật, nhà dưỡng lão, trẻ mồ côi, ủng hộ tài vật cho đồng bào bị lũ lụt thiên tai, đồng bào dân tộc vùng sâu, vùng xa, vùng cao, đóng góp cho tuyến đầu Tổ quốc, Trường Sa thân yêu.

Tịnh xá Ngọc Phương cũng là nơi tu tập cho Ni giới Khất sĩ qua các khóa An cư Kiết hạ tập trung hàng năm; là nơi cư trú của chư Ni sinh các khóa học ở Học viện Phật giáo, các trường Cao Trung cấp Phật học, các khóa chuyên tu, các khóa giảng sư Cao Trung cấp do Giáo hội Phật giáo Việt Nam tổ chức, là tuyển Phật trưởng của Ni giới hệ phái Khất sĩ. Ngoài việc củng cố, duy trì, phát huy sự tu tập và đào tạo tu sĩ trẻ, tịnh xá Ngọc Phương còn tổ chức kinh tế tự túc phục vụ cho công việc trùng tu, sửa chữa, cải thiện đời sống Ni chúng và các Phật sự. Chư Ni luôn quan tâm đến việc hướng dẫn Phật tử tu học qua việc tổ chức thuyết giảng giáo lý sau các thời sám hối, tổ chức cho Phật tử thọ Bát Quan Trai và cúng hội thường kỳ mỗi tháng. Ban Lãnh đạo Tịnh xá Ngọc Phương thuộc Giáo phẩm Ni giới cũng là những nhân tố tích cực qua các khóa tu truyền thống của Ni giới Hệ phái được tổ chức 4 lần trong năm.

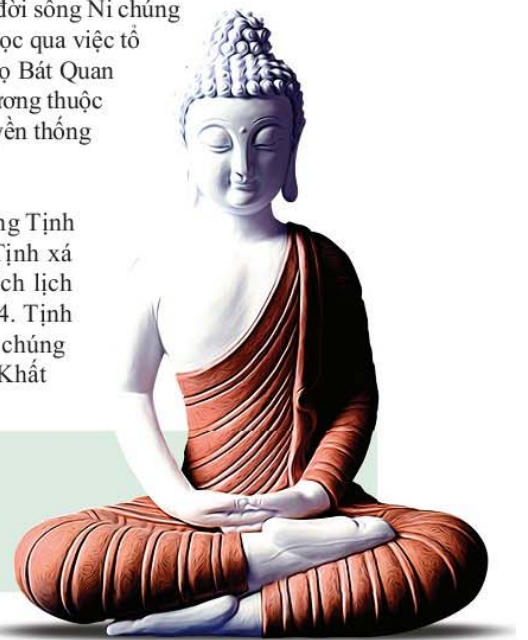
Với sự đóng góp của Ni trưởng Huỳnh Liên nói riêng và của Ni chúng Tịnh xá Ngọc Phương nói chung cho công cuộc thống nhất đất nước, Tịnh xá Ngọc Phương đã được Bộ Văn hóa - Thông tin công nhận là Di tích lịch sử cấp quốc gia theo Quyết định số 2754 - QĐ/BT, ngày 15/10/1994. Tịnh xá Ngọc Phương ngày nay không những là trung tâm tu học của Ni chúng Khất sĩ trong Thành phố Hồ Chí Minh mà còn là nơi đào tạo Ni tài Khất sĩ cho cả nước.

Tịnh xá Ngọc Phương

Địa chỉ liên hệ: số 498/1, đường Lê Quang Định, phường 1, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh.

Số điện thoại: 028 398 52759

Trụ trì: NT. TN Viên Liên - Số điện thoại: 079 780 0862





SÙNG HƯNG CỔ TỰ

điểm du lịch tâm linh nơi xứ đảo

Sùng Hưng Cổ Tự là một trong những ngôi chùa cổ tại đất đảo Phú Quốc tọa lạc trên đường Trần Hưng Đạo, phường Dương Đông. Chùa Sùng Hưng có lối kiến trúc mang đậm nét bản sắc dân tộc, nhẹ nhàng, cổ kính, là một trong những điểm dừng chân của nhiều du khách gần xa khi về với đất đảo.

Trụ trì hiện nay là Đại đức Thích Huệ Minh – Trưởng ban Nghi lễ Ban Trị sự Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thành phố Phú Quốc. Chùa Sùng Hưng được thành lập vào cuối thế kỷ XIX, xây dựng trên một ngọn núi gần trung tâm phường Dương Đông. Cổng Chùa quay về hướng Bắc, nhìn ra chợ, ngay đường cái, trải dài trên một diện tích rộng lớn từ chân lên đỉnh núi. Kiến trúc cổ kính của ngôi Chùa được đặt trong tổng quan hết sức hài hoà: lên cao dần theo từng bậc thang, xung quanh cây cối xanh tươi, tường rào bao bọc, kết hợp theo phong cách dân gian với “trước miếu, sau chùa”.

Từ khi khởi dựng cho đến nay, Chùa đã trải qua hai lần trùng tu lớn vào năm 1924 và 1960. Theo thứ tự từ ngoài vào trong có:

Bên ngoài là tường rào có Tam quan cao ráo, đường bệ, lợp ngói hình lượn sóng và trang trí phù điêu lưỡng long tranh châu. Tại cổng Tam quan có 4 câu đối:

*“Sùng đức tu thân hòa chủng Bồ Đề huệ phát chơn tông
hoàng Phật pháp
Hưng nhơn dưỡng tánh thượng sanh Bát Nhã chánh khai
tâm lý diễn thiên môn”;*

*“Chung thập lý danh hoa hà như chủng đức
Tu vạn gian quang hạ bất nhược tu thân”.*

Giữa sân có tượng Bồ Tát Quan Âm lộ thiên đứng





trên hồ nước và kế sau là cột cờ. Ngoài ra ở đây còn có miếu thờ bà Chúa Xứ Nương Nương và Anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực. Phía trước còn có cặp lân ngồi chễm chệ trông thật oai phong. Phía sau nữa là Đại Hùng Bảo Điện được cất trên nền đá cao gần 2m. Hai bên là hai dãy Đông Lang, Tây Lang đối xứng nhau.

Bên trong Chánh điện được bày trí tôn nghiêm theo từng thứ bậc tả hữu, trước sau cùng với hệ thống hoành phi, câu đối được sơn son thếp vàng lộng lẫy; cùng nhiều pho tượng bằng gỗ được khắc rất tinh xảo, ngoài ra còn có tượng bằng đồng và thạch cao. Điện thờ trung tâm được bố trí theo ba tầng bậc, có bộ Tam Thế Phật được thờ ở tầng trên hết: Tượng Phật A Di Đà ngồi giữa, tượng Đại Thế Chí đứng bên phải, tượng Quan Thế Âm đứng bên trái... Ngoài ra, hai bên chánh điện còn phối thờ Thập Điện Diêm Vương và Ngũ Điện Diêm Vương...

Sau Chánh điện là khu hậu Tổ và hậu liêu. Bên hông chùa có lộ Niết bàn, men theo các bậc thang lên viếng đài Phật A Di Đà có từ năm 1960. Phía sau là đài Phật Thích Ca nhập Niết bàn được xây dựng vào năm 1988 và các ngôi miếu khác. Khung cảnh ở đây thường mát mẻ nhờ có các cây cổ thụ.

Dù đi qua bao năm tháng, ngôi Chùa vẫn đứng sừng sững với thời gian. Ngày nay dưới sự trụ trì của Đại đức Thích Huệ Minh, chùa Sùng Hưng ngày một phát dương quang đại, Phật tử, du khách thập phương về chùa tu học, lễ bái ngày thêm đông.

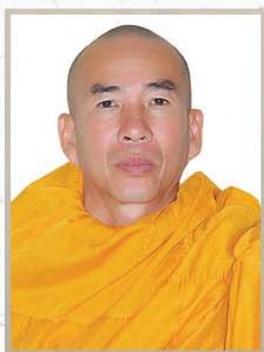
SÙNG HƯNG CỔ TỰ

Địa chỉ liên hệ: Số 7, đường Trần Hưng Đạo, phường Dương Đông,
TP. Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang

Trụ trì: **ĐD. Thích Huệ Minh** - ĐT: **091 8561665**

Chùa Thanh Lương

Huyện Hòn Đất, Tỉnh Kiên Giang



Chùa Thanh Lương tọa lạc tại trung tâm thị trấn Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Chùa được thành lập từ năm 1960 bằng cây lá. Năm 1992 Thượng tọa Thích Giác Tấn được Giáo hội tỉnh bổ nhiệm về làm trụ trì, qua nhiều lần trùng tu chùa Thanh Lương ngày nay là ngôi Già lam trang nghiêm thanh nhã. Tăng Ni, Phật tử về nương tựa, tu học rất đông.

Chùa nằm trên Quốc lộ 80, tuyến đường Rạch Giá – Hà Tiên. Nhiều đoàn khách thập phương khi đi ngang qua cũng ghé vào chùa thấp hương chiêm bái. Nhờ thuận tiện về giao thông nên công tác Phật sự của chùa cũng hanh thông phát triển. Hằng năm chùa Thanh Lương được sự trợ duyên từ quý Phật tử gần xa trong công tác từ thiện, an sinh xã hội ước tính trên 1,5 tỷ đồng. Đặc biệt, đạo tràng tu học Một ngày An lạc tại chùa vào ngày chủ nhật tuần thứ tư của mỗi tháng quy tụ hằng trăm Phật tử về sinh hoạt tu học. Chùa còn tổ chức cúng hội vào ngày 15 và 30 mỗi tháng theo nghi thức hệ phái Khất sĩ. Những ngày lễ hội lớn như tết Nguyên Đán, Rằm tháng Giêng, Đại lễ Phật Đản, Lễ hội Vu Lan... Phật tử địa phương và các nơi về chùa rất đông.



Qua quá trình đọc và theo dõi ấn phẩm Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo mỗi tháng 2 số phát hành, Thượng tọa trụ trì đã nhận báo biểu tặng cho quý Phật tử đến tham dự các khóa tu. Từ đó đã tạo nên sự lan tỏa mạnh và yêu thích Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo của đạo tràng Phật tử. Qua đây, đạo tràng đã chung tay cùng với chùa Thanh Lương cúng dường tịnh tài (7,5 triệu đồng) cho mỗi số và cúng dường 10 số liên tiếp để hùn phước in Tạp chí gửi tặng đến chư Tôn đức Tăng, Ni và bạn đọc. Với nghĩa cử cao đẹp này, chùa Thanh Lương đã góp phần chuyển tải tư tưởng, chân lý Phật đà cùng với nét đẹp văn hóa Phật giáo đến rộng khắp tha nhân các giới, góp phần vào công cuộc hoằng pháp lợi sanh của Phật giáo nước nhà.

Chùa Thanh Lương

- Địa chỉ: QL 80, thị trấn Hòn Đất huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.
- Trụ trì: **TT. Thích Giác Tấn**.
- Điện thoại: 0918316388
- Email: chuathanhluong1@yahoo.com.vn



Phường Danh

Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo xin thành kính tri ân chư Tôn đức Tăng Ni, các doanh nghiệp, cư sĩ Phật tử đã phát tâm cúng dường hùn phước để in ấn Tạp chí số 362 gửi biếu đến quý độc giả và hỗ trợ kinh phí vận hành tòa soạn Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo và Phật Sự Online, góp phần chuyển tải tư tưởng, chân lý Phật đà, nét đẹp văn hóa Phật giáo đến rộng khắp tha nhân các giới.

Tỉnh xá Ngọc Phương - TP. HCM	10.000.000 đ
Chùa Thanh Lương - huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang	7.500.000 đ
Chùa Sùng Hưng - TP. Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	10.000.000 đ
Phật tử Diệu Thủy - Nguyên Tùng	10.000.000 đ
Tổ thiện nguyện Hoa Sen (Nhóm PT Chơn Không Không - Hà Nội) Ban Văn hóa Trung ương GHPGVN	10.000.000 đ
Nguyễn Thị Tuyết Trinh - Chùa Phước Thành	10.000.000 đ
Trương Thị Viên - CTY TNHH Khánh Duy và CTY TNHH BiBaLy	20.000.000 đ
Phật tử Huệ - Đà Lạt	5.000.000 đ
Đỗ Thị Bích Nga - Hòn đất, Kiên Giang	1.000.000 đ



Quý vị phát tâm hùn phước in ấn
Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
xin vui lòng liên hệ số điện thoại:
Sư cô THÍCH NỮ HUỆ TÁNH - 0915 157455
Nguyễn Thị Thu Xuân - 0932 850969

Ngân hàng Vietcombank chi nhánh HCM
Số tài khoản: **0071001053555**
Tên tài khoản: Tạp chí Văn Hóa Phật Giáo
(Hoan hỷ ghi rõ tên người gửi cúng dường
hùn phước in Tạp chí Văn Hóa Phật
giáo số ...)



HƯỚNG DẪN CÀI ĐẶT MẠNG XÃ HỘI PHẬT GIÁO BUTTA

- 01** Vào trang web <http://butta.vn> từ trình duyệt trên máy điện thoại:    
- 02** Ấn nút  TẢI ỨNG DỤNG TỪ Apple Store hoặc  TẢI ỨNG DỤNG TỪ Google Play
- 03** Ấn nút **NHẬN** hoặc **Cài đặt** tại kho ứng dụng
- 04** Mở ứng dụng  Butta, nhập các thông tin: Họ tên (Pháp danh), Ngày sinh, Giới tính để đăng ký tài khoản
- 05** Xem thêm hướng dẫn tại: <http://butta.vn/huongdan>

Phật Sự

www.phatsunonlinetv.com

Online



QUÉT MÃ CODE

- Quét mã để xem tất cả các video của Phật sự OnlineTV

VĂN HÓA PHẬT GIÁO đã có mặt tại các phòng phát hành Kinh sách và các sạp báo trong thành phố.

Giá: 32.000 đồng

PHÁT HÀNH VÀO NGÀY 1 VÀ 15 HÀNG THÁNG



*Năng lượng xanh
đánh tan mệt mỏi*

- . GIÚP CÓ MỘT GIẤC NGỦ NGON VÀ SÂU
- . TĂNG CƯỜNG NĂNG LƯỢNG CHO CƠ THỂ
- . LOẠI BỎ MỖ TRONG MÁU
- . GIÚP TIÊU HÓA TỐT
- . CHỐNG OXY HÓA VÀ LÀM ĐẸP DA



CƠ SỞ TRÀ SEN THÁP MƯỜI

555 Tân Đông A, thị trấn Thanh Bình, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại: 0360 050 159 - 0918 629 559

Email: info@trasenthapmuoi.vn

Website: www.trasenthapmuoi.vn

QUANG MINH CANDLE
— HAPPIER EVERYDAY —

GỬI LỜI Yêu Thương 8/3

Một chút ấm áp, một chút hương dịu nhẹ
Là cả một trời yêu thương ... và ta nhớ mãi



NỀN QUANG MINH

Đc : 20 Đường Số 4, Khu dân cư City Garden Hills Phan Văn Trị,
P.5, Gò Vấp, TP.HCM

Điện thoại : 028 6257 9494 - 0942 835 715

Hotline CSKH
0903 955 018

